BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1099 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-MĐC ngày 28/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định Quản lý tài chính và Chi tiêu nội bộ;

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2018 - 2019 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 83 tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 207 cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 433 cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng:

- Tập thể: 15 tập thể;
- Cá nhân: 36 cá nhân.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ quỹ thi đua khen thưởng năm 2019 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 1.192.000 đồng/tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.490.000 đồng/cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 447.000 đồng/cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 894.000 đồng/tập thể
5. Giấy khen Hiệu trưởng: 447.000 đồng/cá nhân

Tổng số tiền thưởng là: 630.419.000 đồng *(Sáu trăm ba mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng)*.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2018 - 2019 CẤP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 1099/QĐ-MĐC ngày 22/8/2019)

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
I. Chiến sỹ thi đua cơ sở		
1	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò
2	Trần Thị Phúc An	BM TT HCM
3	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở
4	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám
5	Đỗ Ngọc Anh	BM XDCTN&Mỏ
6	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính
7	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí
8	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò
9	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái &CNMT
10	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN
11	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở
12	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa mỏ
13	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò
14	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch tài chính
15	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ
16	Tạ Quang Chiểu	BM HTTT&TT
17	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ
18	Nguyễn Kim Chung	Phòng QHCC và DN
19	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính
20	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ
21	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở
22	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa mỏ
23	Phạm Quốc Đảm	GDQP
24	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH
25	Đào Viết Đoàn	BM XDCTN&Mỏ
26	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm
27	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật xây dựng
28	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm
29	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ
30	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng
31	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò
32	Công Tiến Dũng	BM Hóa
33	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò
34	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS
35	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT
36	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở
37	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học
38	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng
39	Trần Thùy Dương	BM Địa chính
40	Lê Thị Duyên	BM Hóa
41	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác
42	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK
43	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN
44	Đỗ Thị Vân Hà	BM TT HCM
45	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình
46	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa mỏ
47	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác CT-SV

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
48	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học
49	Trần Thanh Hải	BM Địa chất
50	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý
51	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN
52	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái &CNMT
53	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học, CN
54	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học, CN
55	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN
56	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản
57	Vũ Quang Hay	GDQP
58	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính
59	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ
60	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất
61	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên
62	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên
63	Đào Hiếu	BM Tự động hóa xí nghiệp
64	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên
65	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT&SS
66	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch tài chính
67	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên
68	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính
69	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN
70	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò
71	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý
72	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò
73	Võ Trọng Hùng	BM XDCTN&Mỏ
74	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác
75	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN
76	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò
77	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm
78	Trần Thị Lan Hương	BM NLCNMLN
79	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị
80	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ
81	Tạ Thị Thu Hường	VPK Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ
82	Phạm Thị Thu Hường	Phòng QHCC và DN
83	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến
84	Ngô Văn Hưởng	BM NLCNMLN
85	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính
86	Vương Trọng Kha	BM Trắc đia mỏ
87	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò
88	Phạm Công Khải	BM Trắc đia mỏ
89	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò
90	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ
91	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình
92	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
93	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa xí nghiệp
94	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án
95	Phạm Trung Kiên	BM Lọc - Hóa dầu
96	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN
97	Phạm Thị Làn	BM Trắc đia mỏ
98	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế
99	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện
100	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
101	Phạm Hữu Lợi	Phòng Thí nghiệm ĐTH
102	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng
103	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học
104	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng
105	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng
106	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính
107	Trần Tuấn Minh	BM XDCTN&Mỏ
108	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên
109	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính
110	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường
111	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ
112	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ
113	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể
114	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể
115	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK
116	Vũ Minh Ngạn	BM Xây dựng HTCS
117	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ
118	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở
119	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN
120	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng
121	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình
122	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu
123	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN
124	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng
125	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở
126	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp
127	Nguyễn Duyên Phong	BM XDCTN&Mỏ
128	Nguyễn Văn Phong	GDQP
129	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa xí nghiệp
130	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC và DN
131	Nguyễn Thi Phương	BM NLCNMLN
132	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm
133	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở
134	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám
135	Trần Thị Lan Phương	Phòng HCTH
136	Lê Bích Phượng	BM Toán
137	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN
138	Nguyễn Văn Quảng	GDQP
139	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ
140	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp
141	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình
142	Phan Viết Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò
143	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng
144	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN
145	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ
146	Đoàn Nguyễn Th.Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
147	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ
148	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK
149	Đào Việt Thắng	BM Vật lý
150	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu
151	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán
152	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất
153	Đặng Trung Thành	BM XDCTN&Mỏ

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
154	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN
155	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn
156	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý
157	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ
158	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK
159	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ
160	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin Trắc Địa
161	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng HCTH
162	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế
163	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí
164	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò
165	Nguyễn Văn Thịnh	BM TBDK&CT
166	Phạm Đức Thọ	BM Xây dựng HTCS
167	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác CT-SV
168	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý
169	Lê Minh Thống	BM QTDN ĐC-DK
170	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN
171	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
172	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường
173	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính
174	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ
175	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK
176	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN
177	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu
178	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học
179	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học
180	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch tài chính
181	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở
182	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN
183	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám
184	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám
185	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT
186	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện
187	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP
188	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác
189	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý
190	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ
191	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK
192	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí
193	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN
194	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS
195	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK
196	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò
197	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý
198	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể
199	Trần Thị Hải Vân	Phòng Thí nghiệm ĐTH
200	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác
201	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT
202	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN
203	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN
204	Nguyễn Thị Hải Yến	BM TBDK&CT
205	Phạm Thị Yến	BM XDCTN&Mỏ
206	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
207	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện
II. Lao động tiên tiến		
A. Cá nhân		
1	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên
2	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ
3	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng Thạch và ĐH
4	Phạm Ngọc Anh	BM Toán
5	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý
6	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa
7	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa
8	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở
9	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám
10	Bùi Thị Vân Anh	BM HTTT&TT
11	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở
12	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
13	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn
14	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC và DN
15	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ
16	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
17	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa xí nghiệp
18	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính
19	Tô Xuân Bản	BM Khoáng Thạch và ĐH
20	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn
21	Trần Đình Bão	BM Khai thác lộ thiên
22	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ
23	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC và DN
24	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình
25	Phan Văn Bình	BM Địa chất
26	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế
27	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất
28	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở
29	Hồ Thanh Bình	VPK Khoa học và KTĐC
30	Nguyễn Văn Bình	Phòng Cơ sở vật chất
31	Trần Bắc Bộ	GDQP
32	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất
33	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin - Thư viện
34	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò
35	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa xí nghiệp
36	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ
37	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng
38	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý
39	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản
40	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí
41	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
42	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết
43	Trần Trung Chuyên	BM Tin Trắc Địa
44	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở
45	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học
46	Đặng Ngọc Cương	TT Thông tin - Thư viện
47	Phạm Tuấn Cường	BM Toán
48	Nguyễn Hồng Cường	BM Khai thác hầm lò
49	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái &CNMT
50	Lê Đức Cường	Phòng HCTH

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
51	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất
52	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD
53	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất
54	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết
55	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP
56	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa
57	Trần Văn Độ	GDQP
58	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin - Thư viện
59	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất
60	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật môi trường
61	Nguyễn Khắc Du	BM Tìm kiếm thăm dò
62	Nguyễn Thị Kim Dung	BM TT HCM
63	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính
64	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin Trắc Địa
65	Nguyễn Thị Thu Dung	VPK Kinh tế - QTKD
66	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học, CN
67	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng Thạch và ĐH
68	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý
69	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa
70	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở
71	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò
72	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa mỏ
73	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu
74	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án
75	Bùi Thị Thùy Dương	BM NLCNMLN
76	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính
77	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý
78	Nguyễn Anh Dương	BM Tự động hóa xí nghiệp
79	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng HCTH
80	Trần Văn Duy	TT Thông tin - Thư viện
81	Lê Thị Hương Giang	BM Toán
82	Vũ Thị Hương Giang	BM Giáo dục thể chất
83	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT&SS
84	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
85	Phạm Thị Châu Giang	VPK Kinh tế - QTKD
86	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học
87	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch tài chính
88	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng Thạch và ĐH
89	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT
90	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TBCN
91	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình
92	Trần Thị Hà	BM Vật lý
93	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ
94	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM ĐLCMĐCSVN
95	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu
96	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám
97	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình
98	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình
99	Hoàng Ngọc Hà	BM Trắc địa PT&SS
100	Vũ Thanh Hà	GDQP
101	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái &CNMT
102	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình
103	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
104	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa
105	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất
106	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất
107	Đỗ Thị Hải	BM Hóa
108	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa
109	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính
110	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa xí nghiệp
111	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình
112	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí
113	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán
114	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán
115	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa
116	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế
117	Nguyễn Thị Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí
118	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ
119	Trần Thanh Hanh	GDQP
120	Võ Thị Hạnh	BM Hóa
121	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất
122	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám
123	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC và DN
124	Ngô Doãn Hào	BM XDCTN&Mỏ
125	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý
126	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý
127	Phạm Đức Hậu	BM HTTT&TT
128	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN
129	Nguyễn Thị Hậu	VPK Môi trường
130	Hà Thị Hiến	VPK Khoa học cơ bản
131	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn
132	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Tìm kiếm thăm dò
133	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán
134	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa
135	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở
136	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN
137	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất
138	Vũ Thị Hiền	Bảng tàng địa chất
139	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin - Thư viện
140	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế
141	Lê Quốc Hiệp	BM ĐLCMĐCSVN
142	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ
143	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa
144	Trần Văn Hiệp	Phòng ĐBCLGD
145	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất
146	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ
147	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên
148	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái &CNMT
149	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở
150	Trần Thị Như Hoa	BM HTTT&TT
151	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám
152	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu khí
153	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường
154	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu
155	Đỗ Ngọc Hoàn	BM Khai thác lộ thiên
156	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TBCN

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
157	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí
158	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa
159	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường
160	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất
161	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí
162	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán
163	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế
164	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình
165	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa
166	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa
167	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất
168	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu
169	Phạm Văn Hùng	BM Xây dựng HTCS
170	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý
171	Trần Mạnh Hùng	BM Xây dựng HTCS
172	Bùi Ngọc Hùng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
173	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa PT&SS
174	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất
175	Đào Xuân Hưng	BM Toán
176	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất
177	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò
178	Nguyễn Phùng Hưng	BM TBDK&CT
179	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán
180	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất
181	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN
182	Nguyễn Thị Thu Hương	BM ĐLCMĐCSVN
183	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa PT&SS
184	Trần Mai Hương	BM Tin Trắc Địa
185	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý
186	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu
187	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái &CNMT
188	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng
189	Nguyễn Thị Hương	Phòng Công tác CT-SV
190	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất
191	Trần Thị Mai Hương	VP Đại diện
192	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ
193	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ
194	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất
195	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái &CNMT
196	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng
197	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế
198	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất
199	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch tài chính
200	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính
201	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
202	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình
203	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin Trắc Địa
204	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ
205	Đặng Văn Kiên	BM XDCTN&Mỏ
206	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác
207	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học
208	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí
209	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
210	Nguyễn Văn Lâm	BM Tìm kiếm thăm dò
211	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán
212	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp
213	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật xây dựng
214	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ
215	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
216	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình
217	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán
218	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất
219	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ
220	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình
221	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu
222	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN
223	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
224	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác CT-SV
225	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy và TBCN
226	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp
227	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin
228	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp
229	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ phần mềm
230	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ
231	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn
232	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu
233	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa mỏ
234	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin Trắc Địa
235	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất
236	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa xí nghiệp
237	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích CNC
238	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC và DN
239	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ
240	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ
241	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế
242	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán
243	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa
244	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa PT&SS
245	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái &CNMT
246	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa
247	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất
248	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin - Thư viện
249	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch tài chính
250	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất
251	Đinh Hải Nam	BM Địa chính
252	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác
253	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học
254	Nguyễn Đức Năng	Phòng HCTH
255	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác CT-SV
256	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin - Thư viện
257	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí
258	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN
259	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám
260	Đặng Hữu Nghị	BM Công nghệ phần mềm
261	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học, CN
262	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
263	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin Trắc Địa
264	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường
265	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin - Thư viện
266	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học
267	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế
268	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất
269	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò
270	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch tài chính
271	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và ĐH
272	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở
273	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật
274	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng
275	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính
276	Phí Mạnh Phong	BM NLCNMLN
277	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình
278	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng
279	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ
280	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình
281	Hoàng Đình Phúc	BM Xây dựng HTCS
282	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò
283	Vũ Lan Phương	BM HTTT&TT
284	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT
285	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa xí nghiệp
286	Phan Thị Phượng	TT Thông tin - Thư viện
287	Dương Anh Quân	BM Bản đồ
288	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học
289	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN
290	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò
291	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp
292	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên
293	Vương Thị Như Quỳnh	BM HTTT&TT
294	Phạm Như Sang	BM Tìm kiếm thăm dò
295	Hoàng Văn Sinh	Phòng HCTH
296	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán
297	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết
298	Nguyễn Văn Sơn	BM TT HCM
299	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò
300	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu
301	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án
302	Phạm Trường Sơn	Phòng HCTH
303	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
304	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa
305	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ
306	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp
307	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính
308	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy và TBCN
309	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa xí nghiệp
310	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác
311	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCTN&Mỏ
312	Nguyễn Thị Thắm	Phòng HCTH
313	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình
314	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ
315	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
316	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình
317	Bùi Anh Thắng	BM Xây dựng HTCS
318	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
319	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy và TBCN
320	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò
321	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình
322	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế
323	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm
324	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN
325	Nguyễn Chí Thành	BM XDCTN&Mỏ
326	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác
327	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường
328	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hóa XN
329	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học
330	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Tìm kiếm thăm dò
331	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa
332	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở
333	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên
334	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò
335	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái &CNMT
336	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất
337	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý
338	Dương Chí Thiện	BM HTTT&TT
339	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa
340	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN
341	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS
342	Kiều Đức Thịnh	BM Máy và TBCN
343	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa
344	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính
345	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất
346	Lê Thị Thu	BM Tìm kiếm thăm dò
347	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý
348	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học
349	Vũ Kim Thư	BM Hóa
350	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính
351	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ
352	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ
353	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ
354	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết
355	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác CT-SV
356	Hoàng Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện
357	Diêm Thị Thùy	BM Tin Trắc địa
358	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn
359	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn
360	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT&SS
361	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường
362	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái &CNMT
363	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí
364	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí
365	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện
366	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN
367	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin - Thư viện
368	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
369	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCTN&Mỏ
370	Phạm Văn Tiến	BM Máy và TBCN
371	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN
372	Đồng Hữu Tiến	VP Đại diện
373	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình
374	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình
375	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa xí nghiệp
376	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất
377	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò
378	Tạ Thị Toán	BM Tìm kiếm thăm dò
379	Vũ Văn Toàn	BM Lọc - Hóa dầu
380	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng
381	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN
382	Đặng Thị Thanh Trâm	BM ĐLCMĐCSVN
383	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác
384	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế
385	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm
386	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp
387	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường
388	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám
389	Nguyễn Văn Trí	BM XDCTN&Mỏ
390	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán
391	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp
392	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ
393	Dương Thành Trung	BM Trắc địa PT&SS
394	Đặng Quốc Trung	BM HTTT&TT
395	Hoàng Xuân Trường	GDQP
396	Hà Ngọc Trường	Phòng HCTH
397	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu
398	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác
399	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu
400	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất
401	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên
402	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình
403	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT
404	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí
405	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí
406	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất
407	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa
408	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa xí nghiệp
409	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật
410	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính
411	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ
412	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ
413	Đào Thị Thu Vân	BM HTTT&TT
414	Phạm Thị Hải Vân	BM Công nghệ phần mềm
415	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế
416	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác CT-SV
417	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học
418	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường
419	Bùi Huy Văn	Phòng HCTH
420	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên
421	Lê Huy Việt	BM Kỹ thuật xây dựng

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
422	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng Thạch và ĐH
423	Lê Thị Vinh	BM Hóa
424	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ
425	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác
426	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình
427	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất
428	Nguyễn Tuấn Vương	BM ĐLCMĐCSVN
429	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin Trắc Địa
430	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật
431	Lê Thị Yến	BM TT HCM
432	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính
433	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất
B. Tập thể		
1	Ban quản lý các dự án	
2	Phòng Cơ sở vật chất	
3	Phòng Công tác CT-SV	
4	Phòng Đào tạo Đại học	
5	Phòng ĐBCLGD	
6	Phòng ĐT Sau đại học	
7	Phòng Hợp tác quốc tế	
8	Phòng Kế hoạch tài chính	
9	Phòng Khoa học - Công nghệ	
10	Phòng QHCC và DN	
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
12	Phòng Xuất bản	
13	Trạm Y tế	
14	TT Ngoại ngữ - Tin học	
15	TT Phân tích CNC	
16	TT Thông tin - Thư viện	
17	VP Chương trình tiến tiến	
18	VP Đảng - Đoàn thể	
19	Khoa Cơ - Điện	
20	BM Điện khí hóa XN	
21	BM Kỹ thuật Cơ khí	
22	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
23	BM Máy và TBCN	
24	BM Tự động hóa xí nghiệp	
25	Xưởng Cơ - Điện	
26	Khoa Công nghệ thông tin	
27	BM Khoa học máy tính	
28	BM Tin học Trắc Địa	
29	Phòng Thí nghiệm ĐTH	
30	Khoa Dầu khí	
31	BM Địa chất dầu khí	
32	BM Địa vật lý	
33	BM Khoan - Khai thác	
34	BM Lọc - Hóa dầu	
35	BM TBDK&CT	
36	Khoa Khoa học cơ bản	
37	BM Cơ lý thuyết	
38	BM Giáo dục thể chất	
39	BM Hình Họa	
40	BM Hóa	

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
41	BM Ngoại ngữ	
42	BM Toán	
43	BM Vật lý	
44	Khoa Khoa học và KTĐC	
45	BM Địa chất	
46	BM Địa chất công trình	
47	BM Địa chất thủy văn	
48	BM Khoáng Thạch và ĐH	
49	BM Tìm kiếm thăm dò	
50	Khoa Kinh tế - QTKD	
51	BM Kế toán DN	
52	BM Kinh tế cơ sở	
53	BM QTDN ĐC-DK	
54	BM QTDN Mỏ	
55	Khoa Lý luận chính trị	
56	BM ĐLCMĐCSVN	
57	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	
58	BM Tư tưởng HCM	
59	Khoa Mỏ	
60	BM Khai thác hầm lò	
61	BM Khai thác lộ thiên	
62	BM Sức bền vật liệu	
63	BM Tuyển khoáng	
64	Khoa Môi trường	
65	BM Địa sinh thái &CNMT	
66	BM Kỹ thuật môi trường	
67	BM Môi trường cơ sở	
68	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	
69	BM Bản đồ	
70	BM Địa chính	
71	BM Đo ảnh và Viễn thám	
72	BM Trắc địa cao cấp	
73	BM Trắc địa công trình	
74	BM Trắc đia mỏ	
75	BM Trắc địa PT&SS	
76	Tổ máy trắc địa	
77	Khoa Xây dựng	
78	BM Kỹ thuật xây dựng	
79	BM Xây dựng HTCS	
80	BM XDCTN&Mỏ	
81	Khoa GDQP	
82	Bộ môn Đường lối quân sự	
83	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	
III. Giấy khen Hiệu trưởng		
A. Cá nhân		
1	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò
2	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa xí nghiệp
3	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ
4	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng
5	Trần Trung Chuyên	BM Tin Trắc Địa
6	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình
7	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng
8	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
9	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ
10	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình
11	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò
12	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN
13	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý
14	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái &CNMT
15	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính
16	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình
17	Đặng Văn Kiên	BM XDCTN&Mỏ
18	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN
19	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
20	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở
21	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng
22	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình
23	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng
24	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò
25	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu
26	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ
27	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử
28	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên
29	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò
30	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái &CNMT
31	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí
32	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện
33	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng
34	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên
35	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí
36	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên
B. Tập thể		
1	BM Công nghệ phần mềm	
2	BM HTTT&TT	
3	BM Mạng máy tính	
4	BM Tin học Kinh tế	
5	BM Địa chất dầu khí	
6	BM Hình Họa	
7	BM Hóa	
8	BM Ngoại ngữ	
9	BM Toán	
10	BM Vật lý	
11	Khoa Mỏ	
12	BM Khai thác hầm lò	
13	BM Khai thác lộ thiên	
14	BM Tuyển khoáng	
15	BM Địa chính	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo Quyết định số: 1099/QĐ-MĐC ngày 22 tháng 8 năm 2019)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể)					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
1	Ban quản lý các dự án	1	x	1,490,000	=	1,490,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,576,000	
2	Phòng Cơ sở vật chất		x	1,490,000	=	-	12	x	447,000	=	5,364,000							x	447,000	=	-	1,192,000	6,556,000	
3	Phòng Công tác CT-SV	2	x	1,490,000	=	2,980,000	5	x	447,000	=	2,235,000							x	447,000	=	-	1,192,000	6,407,000	
4	Phòng Đào tạo Đại học	3	x	1,490,000	=	4,470,000	5	x	447,000	=	2,235,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,897,000	
5	Phòng ĐBCLGD	1	x	1,490,000	=	1,490,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,576,000	
6	Phòng ĐT Sau đại học	1	x	1,490,000	=	1,490,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,576,000	
7	Phòng Hành chính - Tổng hợp	3	x	1,490,000	=	4,470,000	8	x	447,000	=	3,576,000							x	447,000	=	-		8,046,000	
8	Phòng Hợp tác quốc tế	1	x	1,490,000	=	1,490,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	2,682,000	
9	Phòng Kế hoạch tài chính	3	x	1,490,000	=	4,470,000	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,450,000	
10	Phòng Khoa học - Công nghệ	2	x	1,490,000	=	2,980,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	5,066,000	
11	Phòng QHCC và DN	3	x	1,490,000	=	4,470,000	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,450,000	
12	Phòng Tổ chức - Cán bộ	3	x	1,490,000	=	4,470,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	6,556,000	
13	Phòng Xuất bản	1	x	1,490,000	=	1,490,000	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,129,000	
14	Trạm Y tế		x	1,490,000	=	-	3	x	447,000	=	1,341,000							x	447,000	=	-	1,192,000	2,533,000	
15	Trung tâm dịch vụ		x	1,490,000	=	-	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-		894,000	
16	TT Ngoại ngữ - Tin học	1	x	1,490,000	=	1,490,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,576,000	
17	TT Phân tích CNC		x	1,490,000	=	-	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-	1,192,000	1,639,000	
18	TT Thông tin - Thư viện	2	x	1,490,000	=	2,980,000	11	x	447,000	=	4,917,000							x	447,000	=	-	1,192,000	9,089,000	
19	VP Chương trình tiên tiến	1	x	1,490,000	=	1,490,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	2,682,000	
20	VP Đại diện		x	1,490,000	=	-	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-		894,000	
21	VP Đảng - Đoàn thể	3	x	1,490,000	=	4,470,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	5,662,000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể)					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
22	**Khoa Cơ - Điện**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa	1	x	1,490,000	=	1,490,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-		1,490,000	
	BM Điện khí hóa XN	5	x	1,490,000	=	7,450,000	6	x	447,000	=	2,682,000							x	447,000	=	-	1,192,000	11,324,000	
	BM Kỹ thuật Cơ khí	1	x	1,490,000	=	1,490,000	8	x	447,000	=	3,576,000						2	x	447,000	=	894,000	1,192,000	7,152,000	
	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	1	x	1,490,000	=	1,490,000	9	x	447,000	=	4,023,000						2	x	447,000	=	894,000	1,192,000	7,599,000	
	BM Máy và TBCN	1	x	1,490,000	=	1,490,000	10	x	447,000	=	4,470,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	7,599,000	
	BM Tự động hóa xí nghiệp	3	x	1,490,000	=	4,470,000	11	x	447,000	=	4,917,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	11,026,000	
	Xưởng Cơ - Điện		x	1,490,000	=	-	1	x	447,000	=	447,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	2,086,000	
23	**Khoa Công nghệ thông tin**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-		447,000	
	BM Công nghệ phần mềm	4	x	1,490,000	=	5,960,000	5	x	447,000	=	2,235,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-		9,089,000	
	BM HTTT&TT	1	x	1,490,000	=	1,490,000	8	x	447,000	=	3,576,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-		5,960,000	
	BM Khoa học máy tính	3	x	1,490,000	=	4,470,000	3	x	447,000	=	1,341,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,003,000	
	BM Mạng máy tính	2	x	1,490,000	=	2,980,000	4	x	447,000	=	1,788,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-		5,662,000	
	BM Tin học Địa chất		x	1,490,000	=	-	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-		1,788,000	
	BM Tin học Kinh tế	1	x	1,490,000	=	1,490,000	7	x	447,000	=	3,129,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-		5,513,000	
	BM Tin học Trắc Địa	1	x	1,490,000	=	1,490,000	8	x	447,000	=	3,576,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	6,705,000	
	Phòng Thí nghiệm ĐTH	2	x	1,490,000	=	2,980,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	4,172,000	
24	**Khoa Dầu khí**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-		447,000	
	BM Địa chất dầu khí	2	x	1,490,000	=	2,980,000	3	x	447,000	=	1,341,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-	1,192,000	6,407,000	
	BM Địa vật lý	1	x	1,490,000	=	1,490,000	5	x	447,000	=	2,235,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	5,364,000	
	BM Khoan - Khai thác	4	x	1,490,000	=	5,960,000	7	x	447,000	=	3,129,000							x	447,000	=	-	1,192,000	10,281,000	
	BM Lọc - Hóa dầu	4	x	1,490,000	=	5,960,000	6	x	447,000	=	2,682,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	10,281,000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể)					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	BM TBDK&CT	5	x	1,490,000	=	7,450,000	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-	1,192,000	10,430,000	
25	**Khoa Khoa học cơ bản**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-		447,000	
	BM Cơ lý thuyết		x	1,490,000	=	-	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-	1,192,000	2,980,000	
	BM Giáo dục thể chất		x	1,490,000	=	-	12	x	447,000	=	5,364,000							x	447,000	=	-	1,192,000	6,556,000	
	BM Hình Họa		x	1,490,000	=	-	6	x	447,000	=	2,682,000	1	x	894,000	=	894,000	1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	5,215,000	
	BM Hoa	2	x	1,490,000	=	2,980,000	13	x	447,000	=	5,811,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-	1,192,000	10,877,000	
	BM Ngoại ngữ	5	x	1,490,000	=	7,450,000	10	x	447,000	=	4,470,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-	1,192,000	14,006,000	
	BM Toán	2	x	1,490,000	=	2,980,000	15	x	447,000	=	6,705,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-	1,192,000	11,771,000	
	BM Vật lý	6	x	1,490,000	=	8,940,000	6	x	447,000	=	2,682,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-	1,192,000	13,708,000	
26	**Khoa Khoa học và KTĐC**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-		894,000	
	BM Địa chất	3	x	1,490,000	=	4,470,000	5	x	447,000	=	2,235,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,897,000	
	BM Địa chất công trình	2	x	1,490,000	=	2,980,000	10	x	447,000	=	4,470,000						2	x	447,000	=	894,000	1,192,000	9,536,000	
	BM Địa chất thủy văn	1	x	1,490,000	=	1,490,000	7	x	447,000	=	3,129,000							x	447,000	=	-	1,192,000	5,811,000	
	BM Khoáng Thạch và ĐH		x	1,490,000	=	-	6	x	447,000	=	2,682,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,874,000	
	BM Tìm kiếm thăm dò	6	x	1,490,000	=	8,940,000	8	x	447,000	=	3,576,000							x	447,000	=	-	1,192,000	13,708,000	
27	**Khoa Kinh tế - QTKD**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-		894,000	
	BM Kế toán DN	12	x	1,490,000	=	17,880,000	3	x	447,000	=	1,341,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	20,860,000	
	BM Kinh tế cơ sở	6	x	1,490,000	=	8,940,000	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-	1,192,000	11,920,000	
	BM QTDN ĐC-DK	8	x	1,490,000	=	11,920,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	13,112,000	
	BM QTDN Mỏ	5	x	1,490,000	=	7,450,000	8	x	447,000	=	3,576,000						2	x	447,000	=	894,000	1,192,000	13,112,000	
28	**Khoa Lý luận chính trị**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể)					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	VP khoa	1	x	1,490,000	=	1,490,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-		1,490,000	
	BM ĐLCMĐCSVN		x	1,490,000	=	-	5	x	447,000	=	2,235,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,427,000	
	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	3	x	1,490,000	=	4,470,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	6,556,000	
	BM Pháp luật		x	1,490,000	=	-	3	x	447,000	=	1,341,000							x	447,000	=	-		1,341,000	
	BM Tư tưởng HCM	2	x	1,490,000	=	2,980,000	3	x	447,000	=	1,341,000	1	x	894,000	=	894,000		x	447,000	=	-	1,192,000	6,407,000	
29	**Khoa Mỏ**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa	1	x	1,490,000	=	1,490,000	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-		1,937,000	
	BM Khai thác hầm lò	7	x	1,490,000	=	10,430,000	11	x	447,000	=	4,917,000	1	x	894,000	=	894,000	4	x	447,000	=	1,788,000	1,192,000	19,221,000	
	BM Khai thác lộ thiên	5	x	1,490,000	=	7,450,000	8	x	447,000	=	3,576,000	1	x	894,000	=	894,000	3	x	447,000	=	1,341,000	1,192,000	14,453,000	
	BM Sức bền vật liệu		x	1,490,000	=	-	6	x	447,000	=	2,682,000							x	447,000	=	-	1,192,000	3,874,000	
	BM Tuyển khoáng	4	x	1,490,000	=	5,960,000	5	x	447,000	=	2,235,000	1	x	894,000	=	894,000	5	x	447,000	=	2,235,000	1,192,000	12,516,000	
30	**Khoa Môi trường**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-		894,000	
	BM Địa sinh thái &CNMT	2	x	1,490,000	=	2,980,000	8	x	447,000	=	3,576,000						2	x	447,000	=	894,000	1,192,000	8,642,000	
	BM Kỹ thuật môi trường	2	x	1,490,000	=	2,980,000	7	x	447,000	=	3,129,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,301,000	
	BM Môi trường cơ sở	3	x	1,490,000	=	4,470,000	5	x	447,000	=	2,235,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	8,344,000	
31	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa	1	x	1,490,000	=	1,490,000		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-		1,490,000	
	BM Bản đồ	3	x	1,490,000	=	4,470,000	5	x	447,000	=	2,235,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	8,344,000	
	BM Địa chính	4	x	1,490,000	=	5,960,000	5	x	447,000	=	2,235,000	1	x	894,000	=	894,000	1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	10,728,000	
	BM Đo ảnh và Viễn thám	4	x	1,490,000	=	5,960,000	6	x	447,000	=	2,682,000							x	447,000	=	-	1,192,000	9,834,000	
	BM Trắc địa cao cấp	2	x	1,490,000	=	2,980,000	5	x	447,000	=	2,235,000							x	447,000	=	-	1,192,000	6,407,000	
	BM Trắc địa công trình	2	x	1,490,000	=	2,980,000	9	x	447,000	=	4,023,000						2	x	447,000	=	894,000	1,192,000	9,089,000	
	BM Trắc địa mỏ	8	x	1,490,000	=	11,920,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	14,006,000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể)					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	BM Trắc địa PT&SS	2	x	1,490,000	=	2,980,000	7	x	447,000	=	3,129,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,301,000	
	Tổ máy trắc địa		x	1,490,000	=	-	4	x	447,000	=	1,788,000							x	447,000	=	-	1,192,000	2,980,000	
32	**Khoa Xây dựng**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa		x	1,490,000	=	-	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-		894,000	
	BM Kỹ thuật xây dựng	5	x	1,490,000	=	7,450,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	9,536,000	
	BM Xây dựng HTCS	3	x	1,490,000	=	4,470,000	5	x	447,000	=	2,235,000							x	447,000	=	-	1,192,000	7,897,000	
	BM XDCTN&Mỏ	7	x	1,490,000	=	10,430,000	6	x	447,000	=	2,682,000						1	x	447,000	=	447,000	1,192,000	14,751,000	
33	**Khoa GDQP**		x	1,490,000	=	-		x	447,000	=	-							x	447,000	=	-	1,192,000	1,192,000	
	VP khoa	1	x	1,490,000	=	1,490,000	1	x	447,000	=	447,000							x	447,000	=	-		1,937,000	
	Bộ môn Đường lối quân sự	2	x	1,490,000	=	2,980,000	2	x	447,000	=	894,000							x	447,000	=	-	1,192,000	5,066,000	
	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	2	x	1,490,000	=	2,980,000	3	x	447,000	=	1,341,000							x	447,000	=	-	1,192,000	5,513,000	
		207				**308,430,000**	**433**				**193,551,000**	**15**				**13,410,000**	**36**				**16,092,000**	**98,936,000**	**630,419,000**	

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Người lập biểu | **Phòng Hành chính - Tổng hợp** | **Phòng Kế hoạch Tài chính** | **Hiệu trưởng**

Nguyễn Ngọc Đức

Bùi Trung Sơn

Ph. T. Thu Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1111 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng";

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2017 - 2018 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 81 tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 216 cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 384 cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng:

- Tập thể: 17 tập thể;
- Cá nhân: 69 cá nhân.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2018 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 800.000 đồng/tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.000.000 đồng/cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 300.000 đồng/cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 200.000 đồng/tập thể, cá nhân

Tổng số tiền thưởng là: 413.200.000 đồng *(Bốn trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)*.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA
NĂM HỌC 2017 - 2018 CẤP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 1111 /TB-MĐC ngày 15 / 9 /2018)

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
I. Chiến sỹ thi đua cơ sở			
1	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
2	Tạ Quang Chiểu	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
3	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa	Khoa Công nghệ thông tin
4	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa	Khoa Công nghệ thông tin
5	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
6	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
7	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ Phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
8	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ Phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
9	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ Phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
10	Lê Hải An	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
11	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
12	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí	Khoa Dầu khí
13	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí	Khoa Dầu khí
14	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	Khoa Dầu khí
15	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác	Khoa Dầu khí
16	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
17	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
18	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
19	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
20	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
21	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
22	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK và CT	Khoa Dầu khí
23	Nguyễn Văn Thịnh	BM Thiết bị DK và CT	Khoa Dầu khí
24	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK và CT	Khoa Dầu khí
25	Triệu Hùng Trường	BM Thiết bị DK và CT	Khoa Dầu khí
26	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
27	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
28	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
29	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
30	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
31	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
32	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
33	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
34	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
35	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
36	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
37	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
38	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
39	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
40	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
41	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Đường lối CM của ĐCSVN	Khoa Lý luận chính trị

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
42	Đặng Thị Thanh Trâm	BM Đường lối CM của ĐCSVN	Khoa Lý luận chính trị
43	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của ĐCSVN	Khoa Lý luận chính trị
44	Nguyễn Thi Phương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	Khoa Lý luận chính trị
45	Nguyễn Thị Bích Lệ	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	Khoa Lý luận chính trị
46	Trần Thị Lan Hương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	Khoa Lý luận chính trị
47	Ngô Văn Hưởng	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	Khoa Lý luận chính trị
48	Trần Thị Phúc An	BM Tư tưởng HCM	Khoa Lý luận chính trị
49	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư tưởng HCM	Khoa Lý luận chính trị
50	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
51	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
52	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
53	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
54	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
55	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
56	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
57	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
58	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
59	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
60	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
61	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC
62	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
63	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
64	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
65	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
66	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
67	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
68	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
69	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
70	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
71	Nguyễn Tiến Dũng	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
72	Lương Quang Khang	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
73	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
74	Khương Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
75	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
76	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
77	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
78	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
79	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	Khoa Khoa học cơ bản
80	Công Tiến Dũng	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
81	Lê Thị Duyên	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
82	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
83	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
84	Vũ Kim Thư	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
85	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
86	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
87	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
88	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
89	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
90	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
91	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
92	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
93	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
94	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
95	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
96	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
97	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
98	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
99	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
100	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
101	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
102	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
103	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
104	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
105	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
106	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
107	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
108	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
109	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
110	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
111	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
112	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
113	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
114	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
115	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
116	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
117	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
118	Lã Phú Hiến	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
119	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
120	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
121	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
122	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
123	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
124	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
125	Võ Trọng Hùng	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
126	Đỗ Ngọc Anh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
127	Đặng Trung Thành	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
128	Nguyễn Duyên Phong	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
129	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
130	Trần Tuấn Minh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
131	Đào Viết Đoàn	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
132	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
133	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
134	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
135	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
136	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
137	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
138	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
139	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
140	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
141	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
142	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
143	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
144	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
145	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
146	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
147	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
148	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
149	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
150	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
151	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
152	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
153	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
154	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
155	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
156	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
157	Nguyễn Văn Xô	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
158	Đoàn Văn Giáp	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
159	Trần Viết Linh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
160	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
161	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
162	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
163	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
164	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
165	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
166	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
167	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
168	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
169	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
170	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
171	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
172	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
173	Lê Minh Thống	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
174	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
175	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
176	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
177	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
178	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
179	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
180	Đặng Huy Thái	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
181	Đồng Thị Bích	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
182	Lê Đình Chiều	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
183	Nguyễn Văn Quảng	Bộ môn Đường lối QS	Khoa GDQP
184	Phạm Quốc Đảm	Bộ môn Đường lối QS	Khoa GDQP
185	Trần Bắc Bộ	Bộ môn Đường lối QS	Khoa GDQP
186	Vũ Quang Hay	Bộ môn Kỹ thuật QS	Khoa GDQP
187	Nguyễn Văn Phong	Bộ môn Kỹ thuật QS	Khoa GDQP
188	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	
189	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên	
190	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác sinh viên	
191	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên	
192	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
193	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
194	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
195	Trần Văn Hiệp	Khảo thí & ĐBCLGD	
196	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P. Khoa học, CN và HTQT	
197	Phạm Đức Nghiệp	P. Khoa học, CN và HTQT	
198	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học	
199	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học	
200	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	
201	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	
202	Trần Thị Hương	Phòng Quản trị - Thiết bị	
203	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SĐH	
204	Phạm Quang Ba	TT Hỗ trợ sinh viên	
205	Lê Chí Phúc	TT Hỗ trợ sinh viên	
206	Nguyễn Kim Chung	Phòng CTCT - Truyền thông	
207	Phạm Thị Thu Hường	Phòng CTCT - Truyền thông	
208	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
209	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
210	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ	
211	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ	
212	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ	
213	Phạm Công Tú	Khoa GDQP	
214	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị	
215	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn	
216	Phạm Tố Uyên	VP Đảng ủy	
II. Lao động tiên tiến			
A. Cá nhân			
1	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
2	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
3	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
4	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
5	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
6	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế	Khoa Công nghệ thông tin
7	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất	Khoa Công nghệ thông tin

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
8	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất	Khoa Công nghệ thông tin
9	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất	Khoa Công nghệ thông tin
10	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
11	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
12	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
13	Vũ Lan Phương	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
14	Vương Thị Như Quỳnh	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
15	Phạm Đức Hậu	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
16	Đặng Quốc Trung	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
17	Dương Chí Thiện	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
18	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa	Khoa Công nghệ thông tin
19	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa	Khoa Công nghệ thông tin
20	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa	Khoa Công nghệ thông tin
21	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa	Khoa Công nghệ thông tin
22	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
23	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
24	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
25	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
26	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
27	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
28	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
29	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
30	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
31	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ Phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
32	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ Phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
33	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ Phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
34	Phạm Hữu Lợi	Phòng thí nghiệm Địa tin học	Khoa Công nghệ thông tin
35	Trần Thị Hải Vân	Phòng thí nghiệm Địa tin học	Khoa Công nghệ thông tin
36	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
37	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
38	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
39	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
40	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
41	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí	Khoa Dầu khí
42	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	Khoa Dầu khí
43	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác	Khoa Dầu khí
44	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác	Khoa Dầu khí
45	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác	Khoa Dầu khí
46	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
47	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu	Khoa Dầu khí
48	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK và CT	Khoa Dầu khí
49	Nguyễn Thanh Tuấn	BM Thiết bị DK và CT	Khoa Dầu khí
50	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
51	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
52	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
53	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
54	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
55	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
56	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
57	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
58	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
59	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
60	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
61	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
62	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
63	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
64	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
65	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
66	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
67	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
68	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
69	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
70	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
71	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
72	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
73	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
74	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
75	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM Đường lối CM của ĐCSVN	Khoa Lý luận chính trị
76	Nguyễn Tuấn Vương	BM Đường lối CM của ĐCSVN	Khoa Lý luận chính trị
77	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	Khoa Lý luận chính trị
78	Bùi Thị Thùy Dương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	Khoa Lý luận chính trị
79	Nguyễn Thị Kim Dung	BM Tư tưởng HCM	Khoa Lý luận chính trị
80	Lê Thị Yến	BM Tư tưởng HCM	Khoa Lý luận chính trị
81	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
82	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
83	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
84	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
85	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
86	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
87	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
88	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
89	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
90	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
91	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
92	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
93	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
94	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
95	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
96	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
97	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
98	Tô Xuân Bản	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC
99	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
100	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC
101	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC
102	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC
103	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch và Địa hóa	Khoa Khoa học và KTĐC
104	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
105	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
106	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
107	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
108	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
109	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
110	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
111	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
112	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
113	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
114	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
115	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
116	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn	Khoa Khoa học và KTĐC
117	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
118	Phan Văn Bình	BM Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
119	Phan Viết Sơn	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
120	Đỗ Mạnh An	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
121	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
122	Nguyễn Văn Lâm	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
123	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
124	Tạ Thị Toán	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
125	Phạm Thị Thanh Hiền	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
126	Lê Thị Thu	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
127	Hoàng Thị Thoa	Tìm kiếm thăm dò	Khoa Khoa học và KTĐC
128	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
129	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
130	Tô Văn Đinh	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
131	Đào Xuân Hưng	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
132	Phạm Ngọc Anh	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
133	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
134	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
135	Lê Bích Phượng	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
136	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
137	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
138	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
139	Lê Thị Hương Giang	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
140	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
141	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
142	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết	Khoa Khoa học cơ bản
143	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết	Khoa Khoa học cơ bản
144	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết	Khoa Khoa học cơ bản
145	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết	Khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
146	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
147	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
148	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
149	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
150	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
151	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
152	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
153	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
154	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
155	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
156	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
157	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
158	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
159	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
160	Đỗ Thị Hải	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
161	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
162	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
163	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
164	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
165	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
166	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
167	Lê Thị Vinh	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
168	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
169	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
170	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
171	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
172	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
173	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
174	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
175	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
176	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
177	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
178	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
179	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
180	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
181	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
182	Thạc Thu Hiền	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
183	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
184	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
185	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
186	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa	Khoa Khoa học cơ bản
187	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
188	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
189	Phạm Thị Trang	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
190	Trần Thị Hà	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
191	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
192	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
193	Dương Anh Quân	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
194	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
195	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
196	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
197	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
198	Trần Đình Thành	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
199	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
200	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
201	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
202	Đinh Hải Nam	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
203	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
204	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
205	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
206	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
207	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
208	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
209	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
210	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
211	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
212	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
213	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
214	Trần Phương Ly	BM Đo ảnh và Viễn thám	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
215	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
216	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
217	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
218	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
219	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
220	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
221	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
222	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
223	Hoàng Thị Minh Hương	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
224	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
225	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
226	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
227	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
228	Dương Thành Trung	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
229	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
230	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
231	Phạm Thanh Thạo	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
232	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
233	Phạm Công Khải	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
234	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
235	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
236	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
237	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
238	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
239	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
240	Ngô Doãn Hào	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
241	Nguyễn Trọng Dũng	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
242	Phạm Đức Thọ	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
243	Hoàng Đình Phúc	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
244	Tạ Đức Thịnh	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
245	Vũ Minh Ngạn	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
246	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
247	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
248	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
249	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
250	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
251	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
252	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
253	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
254	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
255	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
256	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
257	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
258	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
259	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
260	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
261	Nguyễn Xuân Nhỉ	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
262	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
263	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
264	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
265	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
266	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
267	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
268	Đoàn Kim Bình	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
269	Vũ Nam Ngạn	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
270	Phạm Văn Tiến	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
271	Vũ Ngọc Trà	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
272	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
273	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện	Khoa Cơ - Điện
274	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
275	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
276	Phạm Minh Hải	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
277	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
278	Phạm Thu Hương	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
279	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
280	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
281	Nguyễn Thục Anh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
282	Phan Minh Quang	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
283	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
284	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
285	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
286	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
287	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
288	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
289	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
290	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
291	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
292	Lê Thị Thu Hường	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
293	Phan Thị Thùy Linh	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
294	Nguyễn Đức Thắng	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
295	Nguyễn Thị Hường	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
296	Phạm Kiên Trung	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
297	Lê Văn Chiến	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
298	Nguyễn Văn Thưởng	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
299	Trần Văn Độ	Bộ môn Đường lối QS	Khoa GDQP
300	Hoàng Xuân Trường	Bộ môn Đường lối QS	Khoa GDQP
301	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy &TBCN	Khoa Cơ - Điện
302	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa	Khoa Cơ - Điện
303	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí	Khoa Cơ - Điện
304	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện	Khoa Cơ - Điện
305	Đào Thị Hiền	VPK Cơ - Điện	Khoa Cơ - Điện
306	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng	Khoa Xây dựng
307	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng	Khoa Xây dựng
308	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin
309	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin
310	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí	Khoa Dầu khí
311	Phan Thị Thùy Dương	VPK KH và KT Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
312	Hồ Thanh Bình	VPK KH và KT Địa chất	Khoa Khoa học và KTĐC
313	Lê Thị Định	Khoa GDQP	Khoa GDQP
314	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ	Khoa Mỏ
315	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ	Khoa Mỏ
316	Tạ Thị Thu Hường	VPK TĐ-BĐ và QLĐĐ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
317	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường	Khoa Môi trường
318	Phạm Châu Giang	VPK Kinh tế & QTKD	Khoa Kinh tế & QTKD
319	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ	
320	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ	
321	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế	
322	Nguyễn Thanh Huyền	Phòng Y tế	
323	Bùi Thị Thanh Vân	Phòng Y tế	
324	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	
325	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Công tác sinh viên	
326	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác sinh viên	
327	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác sinh viên	
328	Nguyễn Thị Hương	Phòng Công tác sinh viên	
329	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác sinh viên	

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
330	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
331	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
332	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
333	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
334	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
335	Dương Mai Yến	Khảo thí & ĐBCLGD	
336	Hoàng Thu Hằng	P. Khoa học, CN và HTQT	
337	Nguyễn Thanh Hải	P. Khoa học, CN và HTQT	
338	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. Khoa học, CN và HTQT	
339	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học	
340	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học	
341	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học	
342	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	
343	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học	
344	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học	
345	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	
346	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học	
347	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học	
348	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	
349	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị - Thiết bị	
350	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Quản trị - Thiết bị	
351	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Quản trị - Thiết bị	
352	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Quản trị - Thiết bị	
353	Nguyễn Hồng Hải Yến	Phòng Quản trị - Thiết bị	
354	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Quản trị - Thiết bị	
355	Tạ Văn Minh	Phòng Quản trị - Thiết bị	
356	Nguyễn Đình Cường	Phòng Quản trị - Thiết bị	
357	Trịnh Thị Hợp	Phòng Quản trị - Thiết bị	
358	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Quản trị - Thiết bị	
359	Hoàng T Phương Dung	Phòng ĐT SĐH	
360	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SĐH	
361	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SĐH	
362	Đinh Hữu Khánh	TT Hỗ trợ sinh viên	
363	Đoàn Thị Luyên	TT Hỗ trợ sinh viên	
364	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện	
365	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện	
366	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng CTCT - Truyền thông	
367	Hà Thị Hiến	Phòng CTCT - Truyền thông	
368	Nguyễn Thị Biên	Phòng CTCT - Truyền thông	
369	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	
370	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	
371	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
372	Đoàn Nguyễn Thanh Hươn	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
373	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ	
374	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ	
375	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ	

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
376	Nguyễn Thị Phương Thảo A	Phòng Tài vụ	
377	Nguyễn Thi Thu Hiền	Phòng Tài vụ	
378	Nguyễn Thị Phương Thảo I	Phòng Tài vụ	
379	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Tài vụ	
380	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng ủy	
381	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến	
382	Nguyễn Thị Thu Thảo	Văn phòng Đoàn	
383	Nguyễn Vân Anh	Văn phòng Đoàn	
384	Trương P Phương Anh	Văn phòng Đoàn	
B. Tập thể			
1	Khoa Cơ - Điện		
2	BM Điện khí hóa XN		Khoa Cơ - Điện
3	BM Máy và Thiết bị CN		Khoa Cơ - Điện
4	BM Tự động hóa XN M&DK		Khoa Cơ - Điện
5	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		Khoa Cơ - Điện
6	BM Kỹ thuật cơ khí		Khoa Cơ - Điện
7	Khoa Công nghệ thông tin		
8	BM Khoa học máy tính		Khoa Công nghệ thông tin
9	BM Tin học Cơ bản		Khoa Công nghệ thông tin
10	BM Mạng máy tính		Khoa Công nghệ thông tin
11	BM Công nghệ Phần mềm		Khoa Công nghệ thông tin
12	BM Tin học Kinh tế		Khoa Công nghệ thông tin
13	BM Tin học Trắc địa		Khoa Công nghệ thông tin
14	Khoa Dầu khí		
15	BM Địa chất dầu khí		Khoa Dầu khí
16	BM Địa vật lý		Khoa Dầu khí
17	BM Khoan - Khai thác		Khoa Dầu khí
18	BM Lọc - Hóa dầu		Khoa Dầu khí
19	BM Thiết bị DK và CT		Khoa Dầu khí
20	Khoa Khoa học cơ bản		
21	BM Cơ lý thuyết		Khoa Khoa học cơ bản
22	BM Giáo dục thể chất		Khoa Khoa học cơ bản
23	BM Hình họa		Khoa Khoa học cơ bản
24	BM Hóa		Khoa Khoa học cơ bản
25	BM Ngoại ngữ		Khoa Khoa học cơ bản
26	BM Toán		Khoa Khoa học cơ bản
27	BM Vật lý		Khoa Khoa học cơ bản
28	Khoa Khoa học và KTĐC		
29	BM Khoáng Thạch - Địa hóa		Khoa Khoa học và KTĐC
30	BM Địa chất công trình		Khoa Khoa học và KTĐC
31	BM Địa chất thủy văn		Khoa Khoa học và KTĐC
32	BM Địa chất		Khoa Khoa học và KTĐC
33	BM Tìm kiếm thăm dò		Khoa Khoa học và KTĐC
34	Khoa Mỏ		
35	BM Khai thác Lộ thiên		Khoa Mỏ
36	BM Khai thác Hầm lò		Khoa Mỏ

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị
37	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
38	BM Sức bền vật liệu	Khoa Mỏ
39	Khoa Môi trường	
40	BM Kỹ thuật môi trường	Khoa Môi trường
41	BM Địa sinh thái và CNMT	Khoa Môi trường
42	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
43	Khoa Lý luận chính trị	
44	BM Tư Tưởng HCM	Khoa Lý luận chính trị
45	BM Đường lối CM của ĐCSVN	Khoa Lý luận chính trị
46	BM Nguyên lý CN Mác-Lênin	Khoa Lý luận chính trị
47	BM Pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
48	Khoa Kinh tế & QTKD	
49	BM QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
50	BM Kế toán DN	Khoa Kinh tế & QTKD
51	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
52	BM QTDN Địa chất - DK	Khoa Kinh tế & QTKD
53	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ	
54	BM Trắc địa phổ thông và sai số	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
55	BM Bản đồ	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
56	BM Trắc địa cao cấp	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
57	BM Trắc địa Mỏ	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
58	BM Địa chính	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
59	BM Trắc địa công trình	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
60	BM Đo ảnh - Viễn thám	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ
61	Khoa Xây dựng	
62	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
63	BM Kỹ thuật Xây dựng	Khoa Xây dựng
64	BM Xây dựng HTCS	Khoa Xây dựng
65	Khoa Giáo dục quốc phòng	
66	BM Đường lối quân sự	Khoa Giáo dục quốc phòng
67	BM Kỹ thuật quân sự	Khoa Giáo dục quốc phòng
68	Phòng Công tác sinh viên	
69	Phòng Công tác CT - TT	
70	Phòng Đào tạo Sau đại học	
71	Phòng Đào tạo đại học	
72	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
73	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	
74	Phòng KH, CN và HTQT	
75	Phòng Quản trị - Thiết bị	
76	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	
77	Phòng Tài vụ	
78	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
79	Phòng Y tế	
80	Phòng Xuất bản	
81	VP Chương trình tiên tiến	
III. Giấy khen Hiệu trưởng		

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
A. Cá nhân			
1	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học Cơ bản	Khoa Công nghệ thông tin
2	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
3	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	Khoa Dầu khí
4	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
5	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
6	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
7	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	Khoa Mỏ
8	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
9	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
10	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
11	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	Khoa Mỏ
12	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
13	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
14	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
15	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
16	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
17	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	Khoa Mỏ
18	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
19	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	Khoa Môi trường
20	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái & CNMT	Khoa Môi trường
21	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	Khoa Khoa học và KTĐC
22	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
23	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
24	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
25	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	Khoa Khoa học cơ bản
26	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	Khoa Khoa học cơ bản
27	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	Khoa Khoa học cơ bản
28	Lê Thị Duyên	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
29	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
30	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
31	Vũ Kim Thư	BM Hóa	Khoa Khoa học cơ bản
32	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
33	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
34	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ	Khoa Khoa học cơ bản
35	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
36	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
37	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
38	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
39	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
40	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
41	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	Khoa Khoa học cơ bản
42	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
43	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
44	Đặng Trung Thành	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
45	Nguyễn Duyên Phong	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
46	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
47	Trần Tuấn Minh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
48	Đào Viết Đoàn	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
49	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
50	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
51	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
52	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
53	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
54	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
55	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế - QTKD
56	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế - QTKD
57	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế - QTKD
58	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ	
59	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế	
60	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên	
61	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác sinh viên	
62	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên	
63	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
64	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
65	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
66	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	
67	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ	
68	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ	
69	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ	
B. Tập thể			
1	BM Điện khí hóa XN		Khoa Cơ - Điện
2	BM Kỹ thuật cơ khí		Khoa Cơ - Điện
3	BM Giáo dục thể chất		Khoa Khoa học cơ bản
4	BM Hóa		Khoa Khoa học cơ bản
5	BM Ngoại ngữ		Khoa Khoa học cơ bản
6	BM Vật lý		Khoa Khoa học cơ bản
7	BM Địa chất thủy văn		Khoa Khoa học và KTĐC
8	BM Địa chất		Khoa Khoa học và KTĐC
9	BM Tìm kiếm thăm dò		Khoa Khoa học và KTĐC
10	BM Khai thác Hầm lò		Khoa Mỏ
11	BM Tuyển khoáng		Khoa Mỏ
12	Khoa Kinh tế & QTKD		
13	BM QTDN Mỏ		Khoa Kinh tế & QTKD
14	BM Kế toán DN		Khoa Kinh tế & QTKD
15	BM Kinh tế cơ sở		Khoa Kinh tế & QTKD
16	BM QTDN Địa chất - DK		Khoa Kinh tế & QTKD
17	BM Bản đồ		Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ

BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo Quyết định số 1111 /QĐ-MĐC ngày 15 tháng 9 năm 2018)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể và cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
1	Phòng Bảo vệ						2	x	300,000	=	600,000	1	x	200,000		200,000		800,000	
2	Phòng Công tác chính trị - TT	2	x	1,000,000	=	2,000,000	3	x	300,000	=	900,000						800,000	3,700,000	
3	Phòng Công tác Sinh viên	3	x	1,000,000	=	3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	3	x	200,000		600,000	800,000	5,900,000	
4	Phòng Đào tạo Đại học	3	x	1,000,000	=	3,000,000	8	x	300,000	=	2,400,000						800,000	6,200,000	
5	Phòng Đào tạo Sau đại học	1	x	1,000,000	=	1,000,000	3	x	300,000	=	900,000						800,000	2,700,000	
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	3	x	1,000,000	=	3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	3	x	200,000		600,000	800,000	5,900,000	
7	Phòng Khoa học, CN & HTQT	2	x	1,000,000	=	2,000,000	3	x	300,000	=	900,000						800,000	3,700,000	
8	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	1	x	1,000,000	=	1,000,000	1	x	300,000	=	300,000						800,000	2,100,000	
9	Phòng Quản trị - Thiết bị	1	x	1,000,000	=	1,000,000	10	x	300,000	=	3,000,000						800,000	4,800,000	
10	Phòng Tài vụ	3	x	1,000,000	=	3,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	3	x	200,000		600,000	800,000	6,500,000	
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	2	x	1,000,000	=	2,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	3,400,000	
12	Phòng Xuất bản						2	x	300,000	=	600,000	1	x	200,000		200,000	800,000	1,600,000	
13	Phòng Y tế						3	x	300,000	=	900,000	1	x	200,000		200,000	800,000	1,900,000	
14	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên	2	x	1,000,000	=	2,000,000	2	x	300,000	=	600,000							2,600,000	
15	Trung tâm NN - TH	1	x	1,000,000	=	1,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	2,400,000	
16	Trung tâm Phân tích, TNCNC																		
17	Trung tâm Thông tin - TV						2	x	300,000	=	600,000							600,000	
18	Ban Quản lý các dự án	1	x	1,000,000	=	1,000,000	1	x	300,000	=	300,000							1,300,000	
19	Văn phòng Đảng ủy	1	x	1,000,000	=	1,000,000	1	x	300,000		300,000							1,300,000	
20	Văn phòng Công đoàn, ĐT niên	1	x	1,000,000	=	1,000,000	3	x	300,000		900,000							1,900,000	
21	Văn phòng CC tiên tiến						1	x	300,000	=	300,000						800,000	1,100,000	
22	Khoa Giáo dục quốc phòng																800,000	800,000	
	VP Khoa GDQP	1	x	1,000,000	=	1,000,000	1	x	300,000	=	300,000							1,300,000	
	Bộ môn Đường lối quân sự	3	x	1,000,000	=	3,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	4,400,000	
	Kỹ thuật quân sự	2	x	1,000,000	=	2,000,000											800,000	2,800,000	
23	Khoa Khoa học cơ bản																800,000	800,000	
	Văn phòng khoa																		
	Bộ môn Toán	4	x	1,000,000	=	4,000,000	14	x	300,000	=	4,200,000	4	x	200,000		800,000	800,000	9,800,000	
	Bộ môn Vật lý	8	x	1,000,000	=	8,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	8	x	200,000		1,600,000	800,000	11,900,000	
	Bộ môn Hoá học	5	x	1,000,000	=	5,000,000	11	x	300,000	=	3,300,000	5	x	200,000		1,000,000	800,000	10,100,000	
	Bộ môn Hình họa	1	x	1,000,000	=	1,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	3,600,000	
	Bộ môn ngoại ngữ	3	x	1,000,000	=	3,000,000	13	x	300,000	=	3,900,000	4	x	200,000		800,000	800,000	8,500,000	
	Bộ môn cơ lý thuyết	1	x	1,000,000	=	1,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000	1	x	200,000		200,000	800,000	3,200,000	
	Bộ môn Giáo dục thể chất		x	1,000,000	=	-	11	x	300,000	=	3,300,000	2	x	200,000		400,000	800,000	4,500,000	
24	Khoa Trắc địa																800,000	800,000	
	Văn phòng khoa						1	x	300,000	=	300,000							300,000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể và cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	Bộ môn Trắc địa CT	6	x	1,000,000	=	6,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	8,600,000	
	Bộ môn Trắc địa cao cấp	3	x	1,000,000	=	3,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	5,600,000	
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	6	x	1,000,000	=	6,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000	1	x	200,000		200,000	800,000	8,200,000	
	Bộ môn Địa chính	4	x	1,000,000	=	4,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000						800,000	6,900,000	
	Bộ môn Bản đồ	2	x	1,000,000	=	2,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	2	x	200,000		400,000	800,000	4,700,000	
	B/m Trắc địa PT và sai số	4	x	1,000,000	=	4,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	6,600,000	
	Tổ máy Trắc địa						3	x	300,000	=	900,000							900,000	
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	3	x	1,000,000	=	3,000,000	11	x	300,000	=	3,300,000						800,000	7,100,000	
25	Khoa Dầu Khí																800,000	800,000	
	Văn phòng khoa DK						1	x	300,000	=	300,000							300,000	
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	4	x	1,000,000	=	4,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	5,400,000	
	Bộ môn Địa Vật lý	2	x	1,000,000	=	2,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	2	x	200,000		400,000	800,000	4,700,000	
	Bộ môn Khoan khai thác	2	x	1,000,000	=	2,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000						800,000	4,000,000	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2	x	1,000,000	=	2,000,000	1	x	300,000	=	300,000						800,000	3,100,000	
	Bộ môn Lọc hoá dầu	6	x	1,000,000	=	6,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	7,400,000	
26	Khoa Khoa học và KT Địa chất																800,000	800,000	
	VP khoa & bảo tàng						2	x	300,000	=	600,000							600,000	
	Bộ môn Khoáng thạch và ĐH	1	x	1,000,000	=	1,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	3,600,000	
	Bộ môn TK Thăm dò	4	x	1,000,000	=	4,000,000	9	x	300,000	=	2,700,000	1	x	200,000		200,000	800,000	7,700,000	
	Bộ môn Địa chất	5	x	1,000,000	=	5,000,000	2	x	300,000	=	600,000	1	x	200,000		200,000	800,000	6,600,000	
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn	2	x	1,000,000	=	2,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	1	x	200,000		200,000	800,000	4,800,000	
	Bộ môn Địa chất Công trình	2	x	1,000,000	=	2,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	1	x	200,000		200,000	800,000	5,100,000	
27	Khoa Môi trường																800,000	800,000	
	VP khoa						1	x	300,000	=	300,000							300,000	
	Bộ môn Địa sinh thái	3	x	1,000,000	=	3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	1	x	200,000		200,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Môi trường cơ sở	3	x	1,000,000	=	3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	1	x	200,000		200,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	3	x	1,000,000	=	3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000						800,000	5,300,000	
28	Khoa Xây dựng																800,000	800,000	
	VP khoa						2	x	300,000	=	600,000							600,000	
	Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ	7	x	1,000,000	=	7,000,000	1	x	300,000	=	300,000	5	x	200,000		1,000,000	800,000	9,100,000	
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	4	x	1,000,000	=	4,000,000						4	x	200,000		800,000	800,000	5,600,000	
	Bộ môn xây dựng HT cơ sở						5	x	300,000	=	1,500,000						800,000	2,300,000	
29	Khoa Mỏ																800,000	800,000	
	Bộ môn khai thác Hầm lò	6	x	1,000,000	=	6,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	5	x	200,000		1,000,000	800,000	9,900,000	
	Bộ môn khai thác lộ thiên	5	x	1,000,000	=	5,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	4	x	200,000		800,000	800,000	8,400,000	
	Bộ môn sức bền vật liệu						6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	2,600,000	
	Bộ môn Tuyển khoáng	4	x	1,000,000	=	4,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	7	x	200,000		1,400,000	800,000	8,000,000	
	Văn phòng khoa Mỏ						2	x	300,000	=	600,000							600,000	
30	Khoa Cơ - Điện																800,000	800,000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng (Tập thể và cá nhân)					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	Bộ môn Tự động hoá	6	x	1,000,000	=	6,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000						800,000	8,900,000	
	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	3	x	1,000,000	=	3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000						800,000	5,300,000	
	Bộ môn KT Điện-Điện tử	3	x	1,000,000	=	3,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	5,600,000	
	Bộ môn KT cơ khí	5	x	1,000,000	=	5,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	1	x	200,000		200,000	800,000	7,800,000	
	Bộ môn Điện khí hoá XN	7	x	1,000,000	=	7,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	3	x	200,000		600,000	800,000	10,200,000	
	Xưởng cơ khí						1	x	300,000	=	300,000							300,000	
	VP Khoa						2	x	300,000	=	600,000							600,000	
31	Khoa Kinh tế & QTKD											1	x	200,000		200,000	800,000	1,000,000	
	VP Khoa						1	x	300,000	=	300,000							300,000	
	B/m QTDN Địa chất-DK	6	x	1,000,000	=	6,000,000	2	x	300,000	=	600,000	1	x	200,000		200,000	800,000	7,600,000	
	B/m Quản trị DN Mỏ	6	x	1,000,000	=	6,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	1	x	200,000		200,000	800,000	9,100,000	
	B/m Kinh tế cơ sở	3	x	1,000,000	=	3,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	4	x	200,000		800,000	800,000	6,700,000	
	B/m Kế toán DN	8	x	1,000,000	=	8,000,000	9	x	300,000	=	2,700,000	1	x	200,000		200,000	800,000	11,700,000	
32	Khoa Công Nghệ thông tin																800,000	800,000	
	VP Khoa+ PTN Địa tin học						4	x	300,000	=	1,200,000							1,200,000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	2	x	1,000,000	=	2,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000						800,000	4,000,000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế	1	x	1,000,000	=	1,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000						800,000	3,600,000	
	Bộ môn tin học cơ bản	1	x	1,000,000	=	1,000,000	8	x	300,000	=	2,400,000	1	x	200,000		200,000	800,000	4,400,000	
	Bộ môn Khoa học máy tính	1	x	1,000,000	=	1,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000						800,000	3,300,000	
	Bộ môn Tin học Địa chất						3	x	300,000	=	900,000							900,000	
	Bộ môn CN phần mềm	3	x	1,000,000	=	3,000,000	3	x	300,000	=	900,000						800,000	4,700,000	
	Bộ môn Mạng và máy tính	1	x	1,000,000	=	1,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000						800,000	3,000,000	
33	Khoa Lý luận chính trị																800,000	800,000	
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x	1,000,000	=	2,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	3,400,000	
	B/m Đ lối CM của Đảng CSVN	3	x	1,000,000	=	3,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	4,400,000	
	B/m Pháp luật & VP Khoa	3	x	1,000,000	=	3,000,000	2	x	300,000	=	600,000	1	x	200,000		200,000	800,000	4,600,000	
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	4	x	1,000,000	=	4,000,000	2	x	300,000	=	600,000						800,000	5,400,000	
		216				**216,000,000**	**384**				**115,200,000**	**86**				**17,200,000**	**64,800,000**	**413,200,000**	

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2018

Người lập biểu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tài vụ	Hiệu trưởng
Nguyễn Ngọc Dũng	Dương T Tuyết Nhung	Ph. T. Thu Thủy	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1315 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng";

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2016 - 2017 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 58 tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 141 cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 353 cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng:

- Tập thể: 08 tập thể;
- Cá nhân: 103 cá nhân.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2017 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 800.000 đồng/tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.000.000 đồng/cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 300.000 đồng/cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 200.000 đồng/tập thể, cá nhân

Tổng số tiền thưởng là: 315.500.000 đồng *(Ba trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)*.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(8).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hải An



BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-MĐC ngày 09 tháng 10 năm 2017)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
1	Phòng Bảo vệ						2	x	300.000	=	600.000					-		600.000	
2	Phòng Công tác chính trị - TT	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000	3	x	200.000		600.000	800.000	4.300.000	
3	Phòng Công tác Sinh viên						7	x	300.000	=	2.100.000	1	x	200.000		200.000	800.000	3.100.000	
4	Phòng Đào tạo Đại học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	1	x	300.000	=	300.000						800.000	2.100.000	
5	Phòng Đào tạo Sau đại học	1	x	1.000.000	=	1.000.000											800.000	1.800.000	
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	4.600.000	
7	Phòng Khoa học, CN & HTQT	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000						800.000	2.400.000	
8	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD																800.000	800.000	
9	Phòng Quản trị - Thiết bị						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
10	Phòng Tài vụ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000	2	x	200.000		400.000		2.300.000	
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	3.700.000	
12	Phòng Xuất bản						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
13	Phòng Y tế						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
14	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
15	Trung tâm NN - TH						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
16	Trung tâm Phân tích, TNCNC																	-	
17	Trung tâm Thông tin - TV						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
18	Ban Quản lý các dự án						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
19	Văn phòng Đảng ủy	2	x	1.000.000	=	2.000.000		x	300.000									2.000.000	
20	Văn phòng Đoàn Thanh niên	1	x	1.000.000	=	1.000.000		x	300.000									1.000.000	
21	Văn phòng CC tiên tiến						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
22	Khoa Giáo dục quốc phòng																800.000	800.000	
	Bộ môn Đường lối quân sự	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	2.700.000	
	Kỹ thuật quân sự						4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	2.000.000	
23	Khoa Khoa học cơ bản																800.000	800.000	
	Văn phòng khoa																		
	Bộ môn Toán	1	x	1.000.000	=	1.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	2	x	200.000		400.000	800.000	4.900.000	
	Bộ môn Vật lý	4	x	1.000.000	=	4.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	1	x	200.000		200.000	800.000	7.700.000	
	Bộ môn Hoá học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	15	x	300.000	=	4.500.000	2	x	200.000		400.000	800.000	6.700.000	
	Bộ môn Hình họa	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	3.000.000	
	Bộ môn ngoại ngữ						6	x	300.000	=	1.800.000	3	x	200.000		600.000		2.400.000	
	Bộ môn cơ lý thuyết						5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	2.300.000	
	Bộ môn Giáo dục thể chất	1	x	1.000.000	=	1.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000	1	x	200.000		200.000		4.200.000	
24	Khoa Trắc địa																800.000	800.000	
	Văn phòng khoa																		
	Bộ môn Trắc địa CT	7	x	1.000.000	=	7.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	8.700.000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	Bộ môn Trắc địa cao cấp	3	x	1.000.000	=	3.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	5.900.000	
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	3	x	1.000.000	=	3.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	5.900.000	
	Bộ môn Địa chính	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000	2	x	200.000	=	400.000		5.000.000	
	Bộ môn Bản đồ	2	x	1.000.000	=	2.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000	=	200.000		2.800.000	
	B/m Trắc địa PT và sai số	4	x	1.000.000	=	4.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	6.600.000	
	Tổ máy Trắc địa																		
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	3	x	1.000.000	=	3.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000						800.000	6.500.000	
25	Khoa Dầu Khí											1	x	200.000	=	200.000	800.000	1.000.000	
	Văn phòng khoa DK																		
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	1	x	200.000	=	200.000		2.400.000	
	Bộ môn Địa Vật lý	2	x	1.000.000	=	2.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000	=	200.000		2.800.000	
	Bộ môn Khoan khai thác	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000	2	x	200.000	=	400.000		3.300.000	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2	x	1.000.000	=	2.000.000	1	x	300.000	=	300.000	1	x	200.000	=	200.000		2.500.000	
	Bộ môn Lọc hoá dầu	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000	=	200.000		4.800.000	
26	Khoa Khoa học và KT Địa chất																800.000	800.000	
	VP khoa & bảo tàng						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
	Bộ môn Khoáng thạch và ĐH						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
	Bộ môn TK Thăm dò	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000						800.000	5.400.000	
	Bộ môn Khoáng sản						3	x	300.000	=	900.000							900.000	
	Bộ môn Địa chất	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	3.700.000	
	Bộ môn Địa chất Biển	1	x	1.000.000	=	1.000.000	1	x	300.000	=	300.000							1.300.000	
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng						3	x	300.000	=	900.000							900.000	
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	4.600.000	
	Bộ môn Địa chất Công trình	2	x	1.000.000	=	2.000.000	11	x	300.000	=	3.300.000						800.000	6.100.000	
27	Khoa Môi trường																		
	VP khoa																		
	Bộ môn Địa sinh thái	4	x	1.000.000	=	4.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000	2	x	200.000	=	400.000	800.000	7.300.000	
	Bộ môn Môi trường cơ sở						8	x	300.000	=	2.400.000							2.400.000	
	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	2	x	1.000.000	=	2.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	4.300.000	
28	Khoa Xây dựng																800.000	800.000	
	VP khoa																	-	
	Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ	8	x	1.000.000	=	8.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	9.700.000	
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	4	x	1.000.000	=	4.000.000	1	x	300.000	=	300.000							4.300.000	
	Bộ môn xây dựng HT cơ sở	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000							1.600.000	
29	Khoa Mỏ																800.000	800.000	
	Bộ môn khai thác Hầm lò	4	x	1.000.000	=	4.000.000	12	x	300.000	=	3.600.000	5	x	200.000	=	1.000.000	800.000	9.400.000	
	Bộ môn khai thác lộ thiên	5	x	1.000.000	=	5.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000	5	x	200.000	=	1.000.000	800.000	8.900.000	
	Bộ môn sức bền vật liệu						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
	Bộ môn Tuyển khoáng	3	x	1.000.000	=	3.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000	6	x	200.000	=	1.200.000	800.000	7.400.000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
	Văn phòng khoa Mỏ																		
30	Khoa Cơ - Điện																800.000	800.000	
	Bộ môn Tự động hoá	4	x	1.000.000	=	4.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000	7	x	200.000		1.400.000	800.000	8.300.000	
	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	4	x	200.000		800.000		3.000.000	
	Bộ môn KT Điện-Điện tử						10	x	300.000	=	3.000.000	1	x	200.000		200.000	800.000	4.000.000	
	Bộ môn KT cơ khí	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000	6	x	200.000		1.200.000	800.000	5.800.000	
	Bộ môn Điện khí hoá	5	x	1.000.000	=	5.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	10	x	200.000		2.000.000	800.000	10.500.000	
	Xưởng cơ khí																		
	VP Khoa																		
31	Khoa Kinh tế & QTKD																800.000	800.000	
	VP Khoa																		
	B/m QTDN Địa chất-DK	4	x	1.000.000	=	4.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000	7	x	200.000		1.400.000	800.000	7.700.000	
	B/m Quản trị DN Mỏ	2	x	1.000.000	=	2.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000	7	x	200.000		1.400.000	800.000	7.200.000	
	B/m Kinh tế cơ sở	1	x	1.000.000	=	1.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000	8	x	200.000		1.600.000	800.000	5.800.000	
	B/m Kế toán DN	5	x	1.000.000	=	5.000.000	13	x	300.000	=	3.900.000	15	x	200.000		3.000.000	800.000	12.700.000	
32	Khoa Công Nghệ thông tin																800.000	800.000	
	VP Khoa+ PTN Địa tin học						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000							2.900.000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế						7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	2.900.000	
	Bộ môn tin học cơ bản						6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	2.600.000	
	Bộ môn Tin học Mỏ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	3.000.000	
	Bộ môn Tin học Địa chất						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
	Bộ môn CN phần mềm	3	x	1.000.000	=	3.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	5.000.000	
	Bộ môn Mạng và máy tính						6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	2.600.000	
33	Khoa Lý luận chính trị																800.000	800.000	
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	x	1.000.000		1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	2	x	200.000		400.000	800.000	3.400.000	
	B/m Đ lối CM của Đảng CSVN	4	x	1.000.000	=	4.000.000	1	x	300.000	=	300.000						800.000	5.100.000	
	B/m Pháp luật & VP Khoa	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000		200.000	800.000	2.600.000	
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000						800.000	5.400.000	
		141				**141.000.000**	**353**				**105.900.000**	**111**				**22.200.000**	**46.400.000**	**315.500.000**	

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tài vụ	Hiệu trưởng
Nguyễn Ngọc Dương	Nguyễn Anh Dũng	Ph. T. Phm Thmy	

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1315/MĐC-TĐKT ngày 09 tháng 10 năm 2017)

Stt	Cá nhân/ Tập thể
I	**Tập thể Lao động tiên tiến**
1	Phòng Công tác sinh viên
2	Phòng Công tác CT - TT
3	Phòng Đào tạo Sau đại học
4	Phòng Đào tạo đại học
5	Phòng Hành chính - Tổng hợp
6	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD
7	Phòng KH, CN và HTQT
8	Phòng Tổ chức - Cán bộ
9	Khoa Cơ - Điện
10	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
11	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
12	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
13	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
14	Khoa Công nghệ thông tin
15	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
16	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
17	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
18	BM Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
19	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
20	Khoa Dầu khí
21	Khoa Khoa học cơ bản
22	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
23	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
24	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
25	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
26	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
27	Khoa Khoa học và KTĐC
28	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
29	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
30	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
31	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
32	Khoa Mỏ
33	BM Khai thác Lộ thiên, khoa Mỏ
34	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
35	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
36	BM Kỹ thuật môi trường, khoa Môi trường
37	BM Địa sinh thái và CNMT, khoa Môi trường
38	Khoa Lý luận chính trị
39	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
40	BM Đường lối CM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
41	BM Nguyên lý CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
42	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
43	Khoa Kinh tế & QTKD	
44	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
45	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
46	BM QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
47	BM QTDN kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
48	Khoa Trắc đia - Bản đồ & QLĐĐ	
49	BM Trắc địa phổ thông và sai số, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
50	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
51	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
52	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
53	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
54	Khoa Xây dựng	
55	BM Xây dựng CTN&Mỏ, khoa Xây dựng	
56	Khoa Giáo dục quốc phòng	
57	BM Đường lối quân sự, khoa Giáo dục quốc phòng	
58	BM Kỹ thuật quân sự, khoa Giáo dục quốc phòng	
II	**Tập thể tặng Giấy khen Hiệu trưởng**	
1	Khoa Dầu khí	
2	BM Địa chất dầu khí	
3	BM Địa vật lý	
4	BM Khoan - Khai thác	
5	BM Lọc - Hóa dầu	
6	BM Thiết bị DK và CT	
7	BM Giáo dục thể chất	
8	BM Kinh tế cơ sở	
III	**Cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở**	
1	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
2	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
3	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
4	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
5	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
6	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
7	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
8	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
9	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
10	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
11	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
12	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
13	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
14	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
16	Hoàng Anh Đức	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
17	Lê Văn Hưng	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
18	Nguyễn Thị Hữu Phương	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
19	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí, khoa Dầu khí
20	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí, khoa Dầu khí

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
21	Lê Hải An	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
22	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
23	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
24	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
25	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
26	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
27	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
28	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
29	Triệu Hùng Trường	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
30	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
31	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
32	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
33	Công Tiến Dũng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
34	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
35	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
36	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
37	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
38	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
39	Trần Thanh Hải	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
40	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
41	Hoàng Văn Long	BM Địa chất biển, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
42	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
43	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
44	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
45	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
46	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
47	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
48	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
49	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
50	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
51	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
52	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
53	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
54	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
55	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
56	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
58	Nguyễn Thị Kim Ngân	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
59	Phan Thị Thái	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
60	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
61	Đỗ Hữu Tùng	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
62	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
63	Lê Quốc Hiệp	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
64	Nguyễn Thị Thu Hương	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
65	Đặng Thị Thanh Trâm	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
66	Trần Thị Lan Hương	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
67	Ngô Văn Hưởng	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
68	Nguyễn Thị Bích Lệ	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
69	Nguyễn Thi Phương	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
70	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị
71	Trần Thị Phúc An	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
72	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
73	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
74	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
75	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
76	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
77	Phạm Văn Hoà	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
78	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
79	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
80	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
81	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
82	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
83	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
84	Đỗ Văn Bình	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
85	Đỗ Thị Hải	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
86	Trần Thị Thu Hương	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
87	Nguyễn Quang Minh	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
88	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
89	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
90	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
91	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
92	Trần Thùy Dương	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
93	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
94	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
95	Đinh Hải Nam	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
96	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
97	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
98	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
99	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
100	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
101	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
102	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
103	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
104	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
105	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
106	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
107	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
108	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
109	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
110	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
111	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
112	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
113	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
114	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
115	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
116	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
117	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
118	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
119	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
120	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS, khoa Xây dựng
121	Đỗ Ngọc Anh	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
122	Đào Văn Canh	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
123	Đào Viết Đoàn	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
124	Võ Trọng Hùng	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
125	Đặng Văn Kiên	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
126	Trần Tuấn Minh	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
127	Đặng Trung Thành	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
128	Nguyễn Tài Tiến	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
129	Nguyễn Kim Chung	Phòng Công tác CT - TT
130	Phạm Thị Thu Hường	Phòng Công tác CT - TT
131	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học
132	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học
133	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
134	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
135	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng KH, CN và HTQT
136	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ
137	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ
138	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
139	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng ủy
140	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng ủy
141	Nguyễn Thị Thu Thảo	VP Đoàn thanh niên
IV	**Cá nhân tặng Giấy khen Hiệu trưởng**	
1	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
2	Nguyễn Xuân Nhỉ	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
3	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
4	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
5	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
6	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
7	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
8	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
9	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
10	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
11	Nguyễn Trường Giang	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
12	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
13	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
14	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
15	Lê Quang Thinh	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
16	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
17	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
18	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
19	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
20	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
21	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
22	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
23	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
24	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
25	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
26	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
27	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
28	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
29	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
30	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
31	Vũ Kim Thư	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
32	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
33	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
34	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
35	Tô Văn Đinh	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
36	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
37	Đào Việt Thắng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
38	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
39	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
40	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
41	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
42	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
43	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
44	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
45	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
46	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
47	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
48	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
49	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
50	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
51	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
52	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
53	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
54	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
55	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
56	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
58	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
59	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
60	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
61	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
62	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
63	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
64	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
65	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
66	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
67	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
68	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
69	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
70	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
71	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
72	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
73	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
74	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị
75	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
76	Lê Thị Yến	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
77	Đào Văn Chi	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
78	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
79	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
80	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
81	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
82	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
83	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
84	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
85	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
86	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
87	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
88	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
89	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
90	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
91	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
92	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
93	Đỗ Cao Cường	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
94	Phạm Khánh Huy	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
95	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
96	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
97	Đinh Hải Nam	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
98	Nguyễn Thị Biên	Phòng Công tác CT - TT
99	Nguyễn Thị Kim Chung	Phòng Công tác CT - TT
100	Phạm Thị Thu Hường	Phòng Công tác CT - TT
101	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên
102	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ
103	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ
V	**Cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến**	
1	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
2	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
3	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
4	Nguyễn Xuân Nhỉ	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
5	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
6	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
7	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
8	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
9	Lê Văn Tuần	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
10	Tống Ngọc Anh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
11	Kim Thị Cẩm Ánh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
12	Hà Thị Chúc	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
13	Nguyễn Trường Giang	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
14	Phạm Công Hòa	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
15	Cung Quang Khang	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
16	Nguyễn Thạc Khánh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
17	Kim Ngọc Linh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
18	Nguyễn Tiến Sĩ	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
19	Đinh Văn Thắng	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điên
20	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
21	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
22	Lê Quang Thinh	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
23	Nguyễn Phúc Trường	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
24	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
25	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
26	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
27	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
28	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
29	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
30	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
31	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
32	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
33	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
34	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
35	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
36	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
37	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
38	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
39	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
40	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
41	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
42	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
43	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất, khoa Công nghệ thông tin
44	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất, khoa Công nghệ thông tin
45	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
46	Tạ Quang Chiểu	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
47	Phạm Đức Hậu	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
48	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
49	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
50	Đặng Quốc Trung	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
51	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
52	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
53	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
54	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
55	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
56	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
57	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
58	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
59	Nguyễn Thùy Dương	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
60	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
61	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
62	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
63	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
64	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
65	Phạm Văn Đồng	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
66	Nguyễn Thị Thanh	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
67	Hồ Thị Thảo Trang	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
68	Phạm Thị Hải Vân	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
69	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin
70	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin
71	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí, khoa Dầu khí
72	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
73	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
74	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
75	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
76	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
77	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
78	Bùi Thị Lệ Thuỷ	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
79	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
80	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
81	Nguyễn Văn Thịnh	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
82	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
83	Phạm Quốc Đảm	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
84	Trần Văn Độ	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
85	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
86	Vũ Thanh Hà	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
87	Trần Thanh Hanh	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
88	Vũ Quang Hay	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
89	Nguyễn Văn Phong	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
90	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
91	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
92	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
93	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
94	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
95	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
96	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
97	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
98	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
99	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
100	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
101	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
102	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
103	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
104	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
105	Trần Hồng Hải	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
106	Thạc Thu Hiền	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
107	Hoàng Văn Tài	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
108	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
109	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
110	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
111	Lê Thị Duyên	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
112	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
113	Đỗ Thị Hải	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
114	Võ Thị Hạnh	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
115	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
116	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
117	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
118	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
119	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
120	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
121	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
122	Vũ Kim Thư	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
123	Lê Thị Vinh	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
124	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
125	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
126	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
127	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
128	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
129	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
130	Phạm Tuấn Cường	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
131	Tô Văn Đinh	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
132	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
133	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
134	Đào Xuân Hưng	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
135	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
136	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
137	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
138	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
139	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
140	Trần Thị Hà	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
141	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
142	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
143	Đào Việt Thắng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
144	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
145	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
146	Phạm Thị Trang	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
147	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
148	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Nguyên liệu khoáng, khoa Khoa học và KTĐC
149	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Nguyên liệu khoáng, khoa Khoa học và KTĐC
150	Tạ Thị Toán	BM Nguyên liệu khoáng, khoa Khoa học và KTĐC
151	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
152	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
153	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
154	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất biển, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
155	Bùi Văn Bình	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
156	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
157	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
158	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
159	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
160	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
161	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
162	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
163	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
164	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
165	Đỗ Minh Toàn	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
166	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
167	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
168	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
169	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
170	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
171	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
172	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng Sản, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
173	Hoàng Thị Thoa	BM Khoáng Sản, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
174	Lê Thị Thu	BM Khoáng Sản, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
175	Nguyễn Khắc Giảng	BM KT - Địa hóa, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
176	Phạm Trường Sinh	BM KT - Địa hóa, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
177	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
178	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
179	Phan Thị Thùy Dương	VPK Khoa học và KTĐC
180	Nguyễn Thục Anh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
181	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
182	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
183	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
184	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
185	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
186	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
187	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
188	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
189	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
190	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
191	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
192	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
193	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
194	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
195	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
196	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
197	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
198	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
199	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
200	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
201	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
202	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
203	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
204	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
205	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
206	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
207	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
208	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
209	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
210	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
211	Nguyễn Thu Hà	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
212	Nguyễn Đức Thành	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
213	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
214	Kim Mạnh Tuấn	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
215	Phạm Ngọc Tuấn	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
216	Nguyễn Tuấn Vương	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
217	Bùi Thị Thùy Dương	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
218	Phí Mạnh Phong	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
219	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị
220	Nguyễn Thị Kim Dung	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
221	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
222	Nguyễn Văn Sơn	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
223	Lê Thị Yến	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
224	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận Chính trị
225	Đào Văn Chi	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
226	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
227	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
228	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
229	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
230	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
231	Lê Quang Phục	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
232	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
233	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
234	Trần Văn Thanh	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
235	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
236	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác Hầm lò, khoa Mỏ
237	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
238	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
239	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
240	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
241	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
242	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
243	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
244	Trần Trung Thành	BM Sức bền vật liệu, khoa Mỏ
245	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu, khoa Mỏ
246	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
247	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
248	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
249	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
250	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
251	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
252	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
253	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
254	Đỗ Cao Cường	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
255	Trần Hồng Hà	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
256	Trần Thị Kim Hà	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
257	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
258	Phạm Khánh Huy	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
259	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
260	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
261	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
262	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
263	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
264	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
265	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
266	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
267	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
268	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
269	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
270	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
271	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
272	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
273	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
274	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
275	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
276	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
277	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
278	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
279	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
280	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
281	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
282	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
283	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
284	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
285	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
286	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
287	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
288	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
289	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
290	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
291	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
292	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
293	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
294	Hoàng Thị Minh Hương	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
295	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
296	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
297	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
298	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
299	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
300	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
301	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
302	Phạm Công Khải	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
303	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
304	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
305	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
306	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
307	Đào Văn Khánh	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
308	Phạm Thanh Thạo	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
309	Dương Thành Trung	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
310	Phạn Thị Nhàn	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
311	Bùi Anh Thắng	BM Xây dựng HTCS, khoa Xây dựng
312	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS, khoa Xây dựng
313	Ngô Doãn Hào	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
314	Nguyễn Duyên Phong	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
315	Phạm Thị Yến	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
316	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án
317	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ
318	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ
319	Nguyễn Thị Biên	Phòng Công tác CT - TT
320	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Công tác CT - TT
321	Hà Thị Hiến	Phòng Công tác CT - TT
322	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên
323	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác sinh viên
324	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác sinh viên
325	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác sinh viên
326	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác sinh viên

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
327	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác sinh viên
328	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên
329	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học
330	Nguyễn Thị Bắc	Phòng Hành chính - Tổng hợp
331	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
332	Trịnh Thị Thanh Hòa	Phòng Hành chính - Tổng hợp
333	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
334	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
335	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
336	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KH, CN và HTQT
337	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng KH, CN và HTQT
338	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị - Thiết bị
339	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ
340	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ
341	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ
342	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
343	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ
344	Phạm Xuân Thương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
345	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản
346	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế
347	Bùi Thị Thanh Vân	Phòng Y tế
348	Phạm Quang Ba	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên
349	Hà Thùy Linh	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
350	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
351	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện
352	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện
353	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiên tiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1795 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 01/8/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng";

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2015 - 2016 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 65 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 98 người
3. Lao động tiên tiến: 356 người
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 29 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2016 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

1. Tập thể lao động tiên tiến: 800.000 đồng/đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.000.000 đồng/người
3. Lao động tiên tiến: 300.000 đồng/người
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 200.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 262.600.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).*

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,T.ĐKT(Dương).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1795 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 01/8/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng";

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2015 - 2016 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 65 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 98 người
3. Lao động tiên tiến: 356 người
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 29 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2016 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

1. Tập thể lao động tiên tiến: 800.000 đồng/đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.000.000 đồng/người
3. Lao động tiên tiến: 300.000 đồng/người
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 200.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 262.600.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).*

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(Dương).

HIỆU TRƯỞNG

BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo QĐ số /MĐC-TĐKT ngày tháng 10 năm 2016)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ					Tiền thưởng LĐTT					Tiền thưởng GK Hiệu trưởng					TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
1	Phòng Bảo vệ						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
2	Phòng Công tác chính trị - TT						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
3	Phòng Công tác Sinh viên						4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	2.000.000	
4	Phòng Đào tạo Đại học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	2.700.000	
5	Phòng Đào tạo Sau đại học						2	x	300.000	=	600.000						800.000	1.400.000	
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
7	Phòng KH, CN và HTQT	2	x	1.000.000	=	2.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	4.300.000	
8	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD																		
9	Phòng Quản trị - Thiết bị						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
10	Phòng Tài vụ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	2.700.000	
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	3	x	1.000.000	=	3.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	5.300.000	
12	Phòng Xuất bản																		
13	Phòng Y tế						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
14	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
15	Trung tâm NN - TH						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
16	Trung tâm Phân tích, TNCNC																		
17	Trung tâm Thông tin - TV						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
18	Ban Quản lý các dự án						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
19	Khoa Giáo dục quốc phòng																		
	Bộ môn Đường lối quân sự						5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	2.300.000	
	Kỹ thuật quân sự						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
20	Khoa Đại học đại cương																800.000	800.000	
	Văn phòng khoa																		
	Bộ môn Toán	1	x	1.000.000	=	1.000.000	12	x	300.000	=	3.600.000						800.000	5.400.000	
	Bộ môn Vật lý	2	x	1.000.000	=	2.000.000	11	x	300.000	=	3.300.000						800.000	6.100.000	
	Bộ môn Hoá học	3	x	1.000.000	=	3.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000						800.000	6.500.000	
	Bộ môn Hình họa						4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	2.000.000	
	Bộ môn ngoại ngữ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000							2.200.000	
	Bộ môn cơ lý thuyết	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	3.000.000	
	Bộ môn Giáo dục thể chất	1	x	1.000.000	=	1.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000						800.000	4.800.000	
21	Khoa Trắc địa																800.000	800.000	
	Văn phòng khoa																		
	Bộ môn Trắc địa CT	5	x	1.000.000	=	5.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000	1	x	200.000		200.000	800.000	7.800.000	

	Bộ môn Trắc địa cao cấp	2	x	1.000.000	=	2.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	4.900.000	
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	3	x	1.000.000	=	3.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	5.300.000	
	Bộ môn Địa chính	3	x	1.000.000	=	3.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	5.900.000	
	Bộ môn Bản đồ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	1	x	200.000		200.000	800.000	3.200.000	
	B/m Trắc địa PT và sai số	2	x	1.000.000	=	2.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	4.900.000	
	Tổ máy Trắc địa																800.000	800.000	
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	4	x	1.000.000	=	4.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000						800.000	7.200.000	
22	Khoa Dầu Khí																800.000	800.000	
	Văn phòng khoa DK																		
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	3	x	1.000.000	=	3.000.000	2	x	300.000	=	600.000						800.000	4.400.000	
	Bộ môn Địa Vật lý	2	x	1.000.000	=	2.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	4.000.000	
	Bộ môn Khoan khai thác	2	x	1.000.000	=	2.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	4.900.000	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	3.700.000	
	Bộ môn Lọc hoá dầu	4	x	1.000.000	=	4.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	6.000.000	
23	Khoa Khoa học và KT Địa chất																800.000	800.000	
	VP khoa & bảo tàng						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
	Bộ môn Khoáng thạch và ĐH	1	x	1.000.000	=	1.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000						800.000	4.200.000	
	Bộ môn TK Thăm dò	2	x	1.000.000	=	2.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000						800.000	4.900.000	
	Bộ môn Khoáng sản	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000						800.000	2.400.000	
	Bộ môn Địa chất	3	x	1.000.000	=	3.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	4.700.000	
	Bộ môn Địa chất Biển						3	x	300.000	=	900.000						800.000	1.700.000	
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng						3	x	300.000	=	900.000						800.000	1.700.000	
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	4.600.000	
	Bộ môn Địa chất Công trình	2	x	1.000.000	=	2.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000						800.000	5.800.000	
24	Khoa Môi trường																800.000	800.000	
	VP khoa																		
	Bộ môn Địa sinh thái	2	x	1.000.000	=	2.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	1	x	200.000		200.000	800.000	5.700.000	
	Bộ môn Môi trường cơ sở	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000		200.000	800.000	2.600.000	
	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000						800.000	2.400.000	
25	Khoa Xây dựng																		
	VP khoa																		
	Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ	4	x	1.000.000	=	4.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	6.600.000	
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000							1.900.000	
	Bộ môn xây dựng HT cơ sở						2	x	300.000	=	600.000							600.000	
26	Khoa Mỏ																800.000	800.000	
	Bộ môn khai thác Hầm lò	2	x	1.000.000	=	2.000.000	11	x	300.000	=	3.300.000						800.000	6.100.000	
	Bộ môn khai thác lộ thiên	3	x	1.000.000	=	3.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000						800.000	6.800.000	

	Bộ môn sức bền vật liệu						6	x	300.000	=	1.800.000						800.000	2.600.000	
	Bộ môn Tuyển khoáng	3	x	1.000.000	=	3.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000						800.000	5.300.000	
	Văn phòng khoa Mỏ																		
27	Khoa Cơ - Điện																800.000	800.000	
	Bộ môn Tự động hoá	3	x	1.000.000	=	3.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000	3	x	200.000		600.000	800.000	6.200.000	
	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000	3	x	200.000		600.000	800.000	3.900.000	
	Bộ môn KT Điện-Điện tử	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000	2	x	200.000		400.000	800.000	3.100.000	
	Bộ môn KT cơ khí						5	x	300.000	=	1.500.000	2	x	200.000		400.000	800.000	2.700.000	
	Bộ môn Điện khí hoá	2	x	1.000.000	=	2.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	6	x	200.000		1.200.000	800.000	6.700.000	
	Xưởng cơ khí																		
	VP Khoa																		
28	Khoa Kinh tế & QTKD																800.000	800.000	
	VP Khoa																	-	
	B/m QTDN Địa chất-DK	1	x	1.000.000	=	1.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000	1	x	200.000		200.000	800.000	4.400.000	
	B/m Quản trị DN Mỏ	2	x	1.000.000	=	2.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000	2	x	200.000		400.000	800.000	6.200.000	
	B/m Kinh tế cơ sở	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	2	x	200.000		400.000		2.600.000	
	B/m Kế toán DN	2	x	1.000.000	=	2.000.000	13	x	300.000	=	3.900.000	2	x	200.000		400.000	800.000	7.100.000	
29	Khoa Công Nghệ thông tin																		
	VP Khoa+ PTN Địa tin học						1	x	300.000	=	300.000						800.000	1.100.000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000						800.000	3.000.000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế	3	x	1.000.000	=	3.000.000	3	x	300.000	=	900.000						800.000	4.700.000	
	Bộ môn tin học cơ bản						6	x	300.000	=	1.800.000							1.800.000	
	Bộ môn Tin học Mỏ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000	1	x	200.000		200.000	800.000	2.900.000	
	Bộ môn Tin học Địa chất						3	x	300.000	=	900.000						800.000	1.700.000	
	Bộ môn CN phần mềm	1	x	1.000.000	=	1.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000	1	x	200.000		200.000	800.000	3.500.000	
	Bộ môn Mạng và máy tính						2	x	300.000	=	600.000						800.000	1.400.000	
30	Khoa Lý luận chính trị																		
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh																		
	B/m Đ lối CM của Đảng CSVN	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000							1.600.000	
	B/m Pháp luật						1	x	300.000	=	300.000							300.000	
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000							1.600.000	
		√98				**98.000.000**	√356				**106.800.000**	√29				**5.800.000**	**52.000.000**	**262.600.000** √	

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Người lập biểu	**Phòng Hành chính - Tổng hợp**	**Phòng Tài vụ**	**Hiệu trưởng**
Nguyễn Ngọc Dương	Nguyễn Anh Dũng	PGS. TS. Trần Thanh	

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU CSTĐ CƠ SỞ

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc Anh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
2	Lê Hải An	BM Địa vật lý	
3	Đặng Thị Thanh Trâm 1	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái và CNMT	
5	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	
6	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết	
7	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	
8	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa	
9	Hoàng Văn Long	Phòng KH, CN và HTQT	
10	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	
11	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò	
12	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	
13	Triệu Hùng Trường	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
14	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	
15	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
16	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN	
17	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - DK	
18	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
19	Dương Thúy Hường 2	BM Ngoại ngữ	
20	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	
21	Nhữ Thị Kim Dung 3	BM Tuyển khoáng	
22	Nguyễn Quang Minh	Phòng KH, CN và HTQT	
23	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK & CT	
24	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	
25	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò	
26	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	
27	Lê Thanh Huệ 4	BM Tin học Kinh tế	
28	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	
29	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	
30	Nguyễn Thị Lan Hương 5	BM Toán	
31	Vũ Kim Thư 6	BM Hóa	
32	Trần Vân Anh 7	BM Đo ảnh và Viễn thám	
33	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ	
34	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
35	Phan Thiên Hương 8	BM Địa vật lý	
36	Tống Thị Thanh Hương 9	BM Lọc - Hóa dầu	
37	Bùi Ngọc Quý	BM Trắc địa Bản đồ	
38	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	
39	Võ Trọng Hùng	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
40	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
41	Công Tiến Dũng	BM Hóa	
42	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	
43	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa Mỏ	
44	Trần Thị Lan Hương 10	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
45	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
46	Đào Viết Đoàn	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
47	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	
48	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và ĐH	
49	Lê Thị Thu 11	BM Khoáng sản	
50	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn	
51	Đỗ Minh Toàn	BM Địa chất công trình	

52	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình	
53	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	
54	Bùi Thị Thu Hiền 12	BM Địa chất	
55	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
56	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
57	Trần Bá Trung	BM Máy và TB Mỏ	
58	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa	
59	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa	
60	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật Môi trường	
61	Trần Thị Thu Hương 13	BM Địa sinh thái và CNMT	
62	Lưu Thị Thu Hà 14	BM Kế toán DN	
63	Đồng Thị Bích 15	BM QTDN Mỏ	
64	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ	
65	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác	
66	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	
67	Bùi Thị Lệ Thuỷ 16	BM Lọc - Hóa dầu	
68	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK & CT	
69	Nguyễn Thanh Tuấn	BM Thiết bị DK & CT	
70	Nguyễn Thị Minh Hồng 17	BM Địa chất dầu khí	
71	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí	
72	Lê Thị Duyên 18	BM Hóa	
73	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất	
74	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	
75	Đỗ Thị Hồng Hải 19	BM Vật lý	
76	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	
77	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình	
78	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình	
79	Đinh Thị Lệ Hà 20	BM Trắc địa công trình	
80	Phạm Thị Kim Thoa 21	BM Địa chính	
81	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	
82	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	
83	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	
84	Trần Thanh Hà 22	BM Đo ảnh và Viễn thám	
85	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa Mỏ	
86	Phạm Công Khải	BM Trắc địa Mỏ	
87	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
88	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT & SS	
89	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
90	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	
91	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	
92	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	
93	Phạm Thị Nguyệt 23	BM Tin học Kinh tế	
94	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế	
95	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	
96	Phạm Thị Phương Chi 24	Phòng Tài vụ	
97	Nguyễn Thị Thúy Hằng 25	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
98	Hà Thị Liễu 26	Phòng Tổ chức - Cán bộ	

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIÊN TIẾN

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Ghi chú
1	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật	
2	Nguyễn Thi Phương	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
3	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
4	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
5	Nguyễn Thị Thu Hương 27	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
6	Đào Văn Canh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
7	Ngô Doãn Hào	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
8	Phạm Thị Yến 28	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
9	Đặng Trung Thành	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
10	Trần Tuấn Minh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
11	Nguyễn Tài Tiến	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
12	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS	
13	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS	
14	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật XD	
15	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật XD	
16	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ thuật XD	
17	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch và ĐH	
18	Phạm Thị Vân Anh 29	BM Khoáng thạch và ĐH	
19	Lê Thanh Mẽ	BM Khoáng thạch và ĐH	
20	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và ĐH	
21	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch và ĐH	
22	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch và ĐH	
23	Đặng Thị Vinh 30	BM Khoáng thạch và ĐH	
24	Lê Thị Ngọc Tú 31	BM Khoáng thạch và ĐH	
25	Trần Bình Chư	BM Khoáng sản	
26	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng sản	
27	Kiều Thị Vân Anh 32	BM Địa chất thủy văn	
28	Dương T Thanh Thủy 33	BM Địa chất thủy văn	
29	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn	
30	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn	
31	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	
32	Nguyễn Thị Thanh Thủy 34	BM Địa chất thủy văn	
33	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình	
34	Phạm Minh Tuấn	BM Địa chất công trình	
35	Nguyễn Thị Nụ 35	BM Địa chất công trình	
36	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình	
37	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình	
38	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình	
39	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình	
40	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình	
41	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	
42	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình	
43	Tạ Thị Toán 36	BM Nguyên liệu khoáng	
44	Nguyễn Văn Lâm	BM Nguyên liệu khoáng	
45	Nguyễn Thị Thanh Thảo 37	BM Nguyên liệu khoáng	
46	Nguyễn Trọng Toan	BM Tìm kiếm thăm dò	
47	Phan Viết Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò	
48	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò	
49	Trần Thị Vân Anh 38	BM Tìm kiếm thăm dò	
50	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò	
51	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò	
52	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò	
53	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	
54	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất	
55	Lê Minh Hiếu	BM Địa chất	
56	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất biển	
57	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất biển	
58	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất biển	
59	Hồ Thanh Bình	Văn phòng khoa	
60	Vũ Thị Hiền	Bảo tàng Địa chất	
61	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
62	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
63	Phạm Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
64	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
65	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
66	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
67	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
68	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
69	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
70	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TB Mỏ	

71	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TB Mỏ	
72	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TB Mỏ	
73	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TB Mỏ	
74	Trần Viết Linh	BM Máy và TB Mỏ	
75	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	
76	Lê Quang Thinh	BM Kỹ thuật cơ khí	
77	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật cơ khí	
78	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí	
79	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật cơ khí	
80	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa	
81	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hóa	
82	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	
83	Nguyễn T Bích Hậu	BM Điện khí hóa	
84	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa	
85	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa	
86	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa	
87	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	
88	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa	
89	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật Môi trường	
90	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật Môi trường	
91	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	
92	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	
93	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái và CNMT	
94	Vũ T Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT	
95	Trần T Thanh Thủy	BM Địa sinh thái và CNMT	
96	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái và CNMT	
97	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái và CNMT	
98	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái và CNMT	
99	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái và CNMT	
100	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái và CNMT	
101	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái và CNMT	
102	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN	
103	Nguyễn T Bích Phượng	BM Kế toán DN	
104	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
105	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
106	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN	
107	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN	
108	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN	
109	Nguyễn T Huyền Trang	BM Kế toán DN	
110	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN	
111	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN	
112	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN	
113	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN	
114	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN	
115	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
116	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở	
117	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	
118	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
119	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
120	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
121	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ	
122	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ	
123	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ	
124	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ	
125	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ	
126	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ	
127	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ	
128	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ	
129	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - DK	
130	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - DK	
131	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất - DK	
132	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất - DK	
133	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - DK	
134	Kim Mạnh Tuấn	BM QTDN Địa chất - DK	
135	Nguyễn Văn Thịnh	BM QTDN Địa chất - DK	
136	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - DK	
137	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý	
138	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý	
139	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	
140	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý	
141	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	
142	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác	
143	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan - Khai thác	

144	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác	
145	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác	
146	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác	
147	Tống Trần Anh	BM Khoan - Khai thác	
148	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	
149	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu	
150	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc - Hóa dầu	
151	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu	
152	Đào Thị Uyên	BM Thiết bị DK & CT	
153	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK & CT	
154	Nguyễn T Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí	
155	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí	
156	Lê Ngọc Anh	BM Địa chất dầu khí	
157	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán	
158	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán	
159	Tô Văn Đinh	BM Toán	
160	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	
161	Đào Xuân Hưng	BM Toán	
162	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	
163	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	
164	Phạm Ngọc Anh	BM Toán	
165	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán	
166	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán	
167	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán	
168	Lê Bích Phượng	BM Toán	
169	Nguyễn T Thu Hiền	BM Hóa	
170	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	
171	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	
172	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa	
173	Đỗ Thị Hải	BM Hóa	
174	Lê Thị Vinh	BM Hóa	
175	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa	
176	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa	
177	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa	
178	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình họa	
179	Trần Hồng Hải	BM Hình họa	
180	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình họa	
181	Hoàng Văn Tài	BM Hình họa	
182	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết	
183	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	
184	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết	
185	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết	
186	Trương T. Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	
187	Nguyễn T. Mai Hương	BM Ngoại ngữ	
188	Đỗ Kim Phương	BM Ngoại ngữ	
189	Nguyễn T. Mộng Lương	BM Ngoại ngữ	
190	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất	
191	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất	
192	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất	
193	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất	
194	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất	
195	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất	
196	Đỗ Tiến Thiết	BM Giáo dục thể chất	
197	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất	
198	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	
199	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất	
200	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	
201	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý	
202	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý	
203	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	
204	Phạm Thị Trang	BM Vật lý	
205	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	
206	Trần Thị Hà	BM Vật lý	
207	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	
208	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý	
209	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý	
210	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	
211	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	
212	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	
213	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	
214	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình	
215	Hoàng T Minh Hương	BM Trắc địa công trình	
216	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình	

217	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	
218	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính	
219	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	
220	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính	
221	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính	
222	Đinh Hải Nam	BM Địa chính	
223	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính	
224	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp	
225	Đặng Nam Chinh	BM Trắc địa cao cấp	
226	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp	
227	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp	
228	Vũ Đình Toàn	BM Trắc địa cao cấp	
229	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp	
230	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp	
231	Phạm Vọng Thành	BM Đo ảnh và Viễn thám	
232	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám	
233	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh và Viễn thám	
234	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	
235	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh và Viễn thám	
236	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám	
237	Phạm T Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám	
238	Trần Phương Ly	BM Đo ảnh và Viễn thám	
239	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa Mỏ	
240	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa Mỏ	
241	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa Mỏ	
242	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa Mỏ	
243	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa Mỏ	
244	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT & SS	
245	Phạm Thanh Thạo	BM Trắc địa PT & SS	
246	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT & SS	
247	Nguyễn T Thu Hương	BM Trắc địa PT & SS	
248	Lã Phú Hiến	BM Trắc địa PT & SS	
249	Hoàng Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
250	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
251	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Trắc địa Bản đồ	
252	Trần Quỳnh An	BM Trắc địa Bản đồ	
253	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Trắc địa Bản đồ	
254	Nguyễn Danh Đức	BM Trắc địa Bản đồ	
255	Lê Văn Quyến	BM Khai thác lộ thiên	
256	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
257	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	
258	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	
259	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	
260	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	
261	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên	
262	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên	
263	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên	
264	Lê Thị Hải	BM Khai thác lộ thiên	
265	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	
266	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	
267	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	
268	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	
269	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	
270	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò	
271	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò	
272	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	
273	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	
274	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	
275	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò	
276	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	
277	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	
278	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng	
279	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	
280	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	
281	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu	
282	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu	
283	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu	
284	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu	
285	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu	
286	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu	
287	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm	
288	Nguyễn T Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm	
289	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm	

290	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm	
291	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm	
292	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học cơ bản	
293	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học cơ bản	
294	Dương Chí Thiện	BM Tin học cơ bản	
295	Đặng Quốc Trung	BM Tin học cơ bản	
296	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	
297	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính	
298	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học cơ bản	
299	Vũ Lan Phương	BM Tin học cơ bản	
300	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất	
301	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất	
302	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất	
303	Dương T.H. Thanh	BM Tin học Kinh tế	
304	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế	
305	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế	
306	Nguyễn T Phương Bắc	BM Tin học Mỏ	
307	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ	
308	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ	
309	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa	
310	Nguyễn T Mai Dung	BM Tin học Trắc địa	
311	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa	
312	Ngô T Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa	
313	Phạm Hữu Lợi	Phòng TN Địa tin học	
314	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối quân sự	
315	Nguyễn T Ngọc Dung	Phòng KH, CN và HTQT	
316	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KH, CN và HTQT	
317	Hoàng Thu Hằng	Phòng KH, CN và HTQT	
318	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KH, CN và HTQT	
319	Nguyễn T Phương Thảo	Phòng KH, CN và HTQT	
320	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	
321	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	
322	Phạm Văn Tuấn	Phòng Đào tạo Đại học	
323	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên	
324	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên	
325	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Công tác sinh viên	
326	Phạm Thị Việt Nga	Phòng Công tác sinh viên	
327	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ	
328	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ	
329	Nguyễn T P Thảo A	Phòng Tài vụ	
330	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
331	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
332	Nguyễn Hồng Hải Yến	Phòng Quản trị - Thiết bị	
333	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng QT-TB	
334	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án	
335	Vũ Duy Tân	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
336	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
337	Đoàn N T Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
338	Phạm Tô Uyên	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
339	Đặng Thị Hằng Nga	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
340	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế	
341	Nguyễn Kim Chung	Phòng Công tác CT - TT	
342	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm TT- Thư viện	
343	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm TT- Thư viện	
344	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	Trung tâm NN-TH	
345	Nguyễn Tuấn Anh	Trung tâm NN-TH	
346	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ	
347	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ	
348	Phạm Quang Ba	TT Hỗ trợ sinh viên	
349	Dương Thị Tuyết Nhung	Phòng Hành chính - TH	
350	Nguyễn Thị Bắc	Phòng Hành chính - TH	
351	Phạm Quốc Đảm	BM Đường lối quân sự	
352	Trần Văn Độ	BM Đường lối quân sự	
353	Trần Bắc Bộ	BM Đường lối quân sự	
354	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối quân sự	
355	Bùi Minh Hồng	BM Kỹ thuật quân sự	
356	Vũ Quang Hay	BM Kỹ thuật quân sự	

355
354

Danh sách cá nhân đề nghị Hiệu trưởng tặng GK

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Phạm Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
2	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
3	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
4	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
5	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
6	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TB Mỏ	
7	Đặng Vũ Đinh	BM Máy và TB Mỏ	
8	Trần Viết Linh	BM Máy và TB Mỏ	
9	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí	
10	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	
11	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa	
12	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa	
13	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	
14	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	
15	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa	
16	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa	
17	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
18	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT	
19	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
20	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
22	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
23	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
24	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
25	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - DK	
26	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	
27	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Trắc địa Bản đồ	
28	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
29	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ	

DANH SACH TT LAO ĐỘNG TIEN TIEN

Stt	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Bộ môn Xây dựng CT Ngầm & Mỏ	
2	Khoa Khoa học và KT Địa chất	
3	Bộ môn Khoáng sản	
4	Bộ môn Địa chất	
5	Bộ môn Địa chất thủy văn	
6	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	
7	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	
8	Bộ môn Địa chất biển	
9	Bộ môn Nguyên liệu khoáng	
10	Bộ môn Địa chất công trình	
11	**Khoa Cơ - Điện**	
12	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và DK	
13	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	
14	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ	
15	**Bộ môn Điện khí hóa**	
16	**Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử**	
17	Khoa Môi trường	
18	Bộ môn Địa sinh thái	
19	Bộ môn Môi trường cơ sở	
20	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	
21	Khoa Kinh tế- QTKD	
22	Bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ	
23	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	
24	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	
25	Khoa Dầu khí	
26	Bộ môn Địa chất dầu khí	
27	Bộ môn Địa vật lý	
28	Bộ môn Khoan - Khai thác	
29	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	
30	Bộ môn Thiết bị Dầu khí và CT	
31	Khoa Khoa học cơ bản	
32	Bộ môn Toán	
33	Bộ môn Lý	
34	Bộ môn Hóa	
35	Bộ môn Hình họa	
36	Bộ môn Giáo dục thể chất	
37	Bộ môn Cơ lý thuyết	
38	Khoa Trắc địa - BĐ & QLĐĐ	
39	Bộ môn Bản đồ	
40	Bộ môn Trắc địa PT & SS	
41	Bộ môn Trắc địa công trình	
42	Bộ môn Đo ảnh và viễn thám	
43	Bộ môn Trắc địa Mỏ	
44	Bộ môn Địa chính	
45	Bộ môn Trắc địa cao cấp	
46	Tổ máy Trắc địa	
47	Khoa Mỏ	
48	Bộ môn Khai thác hầm lò	
49	Bộ môn Khai thác lộ thiên	
50	Bộ môn Tuyển khoáng	
51	Bộ môn Sức bền vật liệu	
52	Bộ môn Tin học Trắc địa	
53	Bộ môn Tin học Địa chất	
54	Bộ môn Công nghệ phần mềm	
55	Bộ môn Mạng máy tính	
56	Bộ môn Tin học Mỏ	
57	Bộ môn Tin học Kinh tế	
58	Phòng TN Địa tin học	
59	Phòng Khoa học, CN và HTQT	
60	Phòng Đào tạo Đại học	
61	Phòng Công tác sinh viên	
62	Phòng Tài vụ	
63	Phòng Đào tạo Sau đại học	
64	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
65	BM Đường lối quân sự	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 957/ QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Căn cứ vào biên bản phiên họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trường ngày 26/6/2015;

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2014-2015 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 86 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 147 người
3. Lao động tiên tiến: 648 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2015 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 410.200.000 đồng *(Bốn trăm mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).*

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: TĐKT, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo QĐ số /MĐC-TĐKT ngày tháng năm 2015)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ	Tiền thưởng LĐTT	TT LĐTT	Cộng	Ký nhận
1	Phòng Tổ chức cán bộ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	3,300,000	
2	Ban Phục vụ đào tạo	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
3	Trung tâm Thông tin thư viện	3 x 1,000,000 = 3,000,000	17 x 300,000 = 5,100,000	800,000	8,900,000	
4	Phòng Khoa học công nghệ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	3 x 300,000 = 900,000	800,000	2,700,000	
5	Phòng Đào tạo đại học	2 x 1,000,000 = 2,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	4,900,000	
6	Phòng Đào tạo Sau đại học	1 x 1,000,000 = 1,000,000	3 x 300,000 = 900,000	800,000	2,700,000	
7	Phòng Hành chính-Tổng hợp	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
8	Ban Quản lý dự án	1 x 1,000,000 = 1,000,000	8 x 300,000 = 2,400,000	800,000	4,200,000	
9	Khoa Tại chức		9 x 300,000 = 2,700,000	800,000	3,500,000	
10	Phòng Tài vụ	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
11	Trạm Y tế		1 x 300,000 = 300,000		300,000	
12	Phòng Bảo vệ		14 x 300,000 = 4,200,000	800,000	5,000,000	
13	Phòng Hợp tác Quốc tế	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
14	Phòng Quản trị - Thiết bị	4 x 1,000,000 = 4,000,000	19 x 300,000 = 5,700,000	800,000	10,500,000	
15	Phòng Công tác CT Sinh viên	2 x 1,000,000 = 2,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	5,800,000	
16	Trung tâm HN&TVVLSV	1 x 1,000,000 = 1,000,000	2 x 300,000 = 600,000	800,000	2,400,000	
17	Ban quản lý KTX sinh viên	2 x 1,000,000 = 2,000,000	13 x 300,000 = 3,900,000		5,900,000	
18	Khoa Giáo dục quốc phòng			800,000	800,000	
	Bộ môn Đường lối quân sự	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
	Kỹ thuật quân sự	1 x 1,000,000 = 1,000,000	2 x 300,000 = 600,000		1,600,000	
19	Khoa Đại học đại cương			800,000	800,000	
	Văn phòng khoa	1 x 1,000,000 = 1,000,000			1,000,000	
	Bộ môn Toán	3 x 1,000,000 = 3,000,000	14 x 300,000 = 4,200,000	800,000	8,000,000	
	Bộ môn Vật lý	3 x 1,000,000 = 3,000,000	12 x 300,000 = 3,600,000	800,000	7,400,000	

	Bộ môn Hoá học	3 x	1,000,000	=	3,000,000	16 x 300,000 =	4,800,000	800,000	8,600,000	
	Bộ môn Hình họa	2 x	1,000,000	=	2,000,000	4 x 300,000 =	1,200,000	800,000	4,000,000	
	Bộ môn ngoại ngữ	3 x	1,000,000	=	3,000,000	15 x 300,000 =	4,500,000	800,000	8,300,000	
	Bộ môn cơ lý thuyết	1 x	1,000,000	=	1,000,000	4 x 300,000 =	1,200,000	800,000	3,000,000	
	Bộ môn Giáo dục thể chất	2 x	1,000,000	=	2,000,000	12 x 300,000 =	3,600,000	800,000	6,400,000	
20	**Khoa Trắc địa**							800,000	800,000	
	Văn phòng khoa	1 x	1,000,000	=	1,000,000	2 x 300,000 =	600,000		1,600,000	
	Bộ môn Trắc địa CT	3 x	1,000,000	=	3,000,000	8 x 300,000 =	2,400,000	800,000	6,200,000	
	Bộ môn Trắc địa cao cấp	3 x	1,000,000	=	3,000,000	14 x 300,000 =	4,200,000	800,000	8,000,000	
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	2 x	1,000,000	=	2,000,000	8 x 300,000 =	2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn Địa chính	2 x	1,000,000	=	2,000,000	10 x 300,000 =	3,000,000	800,000	5,800,000	
	Bộ môn Bản đồ	2 x	1,000,000	=	2,000,000	6 x 300,000 =	1,800,000	800,000	4,600,000	
	B/m Trắc địa PT và sai số	3 x	1,000,000	=	3,000,000	9 x 300,000 =	2,700,000	800,000	6,500,000	
	Tổ máy Trắc địa					6 x 300,000 =	1,800,000	800,000	2,600,000	
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	3 x	1,000,000	=	3,000,000	9 x 300,000 =	2,700,000	800,000	6,500,000	
21	**Khoa Dầu Khí**							800,000	800,000	
	Văn phòng khoa DK	1 x	1,000,000	=	1,000,000	4 x 300,000 =	1,200,000		2,200,000	
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	2 x	1,000,000	=	2,000,000	6 x 300,000 =	1,800,000	800,000	4,600,000	
	Bộ môn Địa Vật lý	2 x	1,000,000	=	2,000,000	9 x 300,000 =	2,700,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Khoan khai thác	4 x	1,000,000	=	4,000,000	8 x 300,000 =	2,400,000	800,000	7,200,000	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2 x	1,000,000	=	2,000,000	6 x 300,000 =	1,800,000	800,000	4,600,000	
	Bộ môn Lọc hoá dầu	3 x	1,000,000	=	3,000,000	9 x 300,000 =	2,700,000	800,000	6,500,000	
22	**Khoa Địa chất**							800,000	800,000	
	VP khoa địa chất					4 x 300,000 =	1,200,000		1,200,000	
	Bộ môn Khoáng thạch	2 x	1,000,000	=	2,000,000	8 x 300,000 =	2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn TK Thăm dò	2 x	1,000,000	=	2,000,000	8 x 300,000 =	2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn Khoáng sản	1 x	1,000,000	=	1,000,000	5 x 300,000 =	1,500,000	800,000	3,300,000	

	Bộ môn Địa chất	2 x	1,000,000 =	2,000,000	5 x	300,000 =	1,500,000	800,000	4,300,000	
	Bộ môn Địa chất Biển	1 x	1,000,000 =	1,000,000	4 x	300,000 =	1,200,000	800,000	3,000,000	
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng	1 x	1,000,000 =	1,000,000	5 x	300,000 =	1,500,000	800,000	3,300,000	
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn	2 x	1,000,000 =	2,000,000	9 x	300,000 =	2,700,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Địa chất Công trình	3 x	1,000,000 =	3,000,000	14 x	300,000 =	4,200,000	800,000	8,000,000	
23	**Khoa Môi trường**							800,000	800,000	
	VP khoa				1 x	300,000 =	300,000		300,000	
	Bộ môn Địa sinh thái	2 x	1,000,000 =	2,000,000	9 x	300,000 =	2,700,000	800,000	5,500,000	
	Bộ môn Môi trường cơ sở	2 x	1,000,000 =	2,000,000	6 x	300,000 =	1,800,000	800,000	4,600,000	
	Bộ môn Kỹ thuật mô trường	2 x	1,000,000 =	2,000,000	5 x	300,000 =	1,500,000	800,000	4,300,000	
25	**Khoa Xây dựng**							800,000	800,000	
	VP khoa				2 x	300,000 =	600,000		600,000	
	Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ	3 x	1,000,000 =	3,000,000	8 x	300,000 =	2,400,000	800,000	6,200,000	
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	1 x	1,000,000 =	1,000,000	7 x	300,000 =	2,100,000	800,000	3,900,000	
	Bộ môn xây dựng hạ tầng cơ sở	1 x	1,000,000 =	1,000,000	4 x	300,000 =	1,200,000	800,000	3,000,000	
26	**Khoa Mỏ**							800,000	800,000	
	Bộ môn khai thác Hầm lò	4 x	1,000,000 =	4,000,000	12 x	300,000 =	3,600,000	800,000	8,400,000	
	Bộ môn khai thác lộ thiên	4 x	1,000,000 =	4,000,000	10 x	300,000 =	3,000,000	800,000	7,800,000	
	Bộ môn sức bền vật liệu	1 x	1,000,000 =	1,000,000	7 x	300,000 =	2,100,000	800,000	3,900,000	
	Bộ môn Tuyển khoáng	2 x	1,000,000 =	2,000,000	9 x	300,000 =	2,700,000	800,000	5,500,000	
	Văn phòng khoa Mỏ				3 x	300,000 =	900,000		900,000	
27	**Khoa Cơ điện**							800,000	800,000	
	Bộ môn Tự động hoá	3 x	1,000,000 =	3,000,000	12 x	300,000 =	3,600,000	800,000	7,400,000	
	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ	1 x	1,000,000 =	1,000,000	13 x	300,000 =	3,900,000	800,000	5,700,000	
	Bộ môn KT Điện-Điện tử	2 x	1,000,000 =	2,000,000	8 x	300,000 =	2,400,000	800,000	5,200,000	
	Bộ môn KT cơ khí	3 x	1,000,000 =	3,000,000	6 x	300,000 =	1,800,000	800,000	5,600,000	
	Bộ môn Điện khí hoá	3 x	1,000,000 =	3,000,000	10 x	300,000 =	3,000,000	800,000	6,800,000	

	Xưởng cơ khí	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	VP Khoa		3 x 300,000 = 900,000		900,000	
28	**Khoa Kinh tế & QTKD**			800,000	800,000	
	VP Khoa		3 x 300,000 = 900,000		900,000	
	B/m QTDN Địa chất-Dầu khí	3 x 1,000,000 = 3,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	5,300,000	
	B/m Quản trị DN Mỏ	3 x 1,000,000 = 3,000,000	11 x 300,000 = 3,300,000	800,000	7,100,000	
	B/m Kinh tế cơ sở	1 x 1,000,000 = 1,000,000	10 x 300,000 = 3,000,000	800,000	4,800,000	
	B/m Kế toán DN	3 x 1,000,000 = 3,000,000	15 x 300,000 = 4,500,000	800,000	8,300,000	
29	**Khoa Công Nghệ thông tin**			800,000	800,000	
	VP Khoa+ PTN Địa tin học	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000		2,200,000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	1 x 1,000,000 = 1,000,000	11 x 300,000 = 3,300,000	800,000	5,100,000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế	2 x 1,000,000 = 2,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	4,000,000	
	Bộ môn tin học cơ bản		9 x 300,000 = 2,700,000		2,700,000	
	Bộ môn Tin học Mỏ	2 x 1,000,000 = 2,000,000	5 x 300,000 = 1,500,000	800,000	4,300,000	
	Bộ môn Tin học Địa chất	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
	Bộ môn CN phần mềm	1 x 1,000,000 = 1,000,000	7 x 300,000 = 2,100,000	800,000	3,900,000	
	Bộ môn Mạng và máy tính	1 x 1,000,000 = 1,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	3,600,000	
30	**Khoa Lý luận chính trị**			800,000	800,000	
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	B/m Đ lối CM của Đảng CSVN	1 x 1,000,000 = 1,000,000	4 x 300,000 = 1,200,000	800,000	3,000,000	
	B/m Pháp luật		3 x 300,000 = 900,000	800,000	1,700,000	
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	2 x 1,000,000 = 2,000,000	6 x 300,000 = 1,800,000	800,000	4,600,000	
		147 **147,000,000**	648 **194,400,000**	**68,800,000**	**410,200,000**	

Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu hai trăm ngàn đồng chẵn

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

Người lập biểu | **Phòng Hành chính-Tổng hợp** | **Phòng Tài vụ** | **Hiệu trưởng**

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA

Năm học 2014-2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/MĐC-TĐKT ngày 17/8/2015)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
	Tổng cộng		86	147	648	77	
	Phòng Tổ chức cán bộ		1	1	5		
1	Vũ Thị Thoa	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
2	Phạm Xuân Thương	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
3	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
4	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức cán bộ		x			
5	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
6	Phạm Tố Uyên	Phòng Tổ chức cán bộ			x		
	Ban Phục vụ Đào tạo		1	1	7		
7	Nguyễn Hồng Hải Yến	Ban Phục vụ đào tạo		x			
8	Phạm Thị Thanh Tâm	Ban Phục vụ đào tạo			x		
9	Bùi Thị Kim Anh	Ban Phục vụ đào tạo			x		
10	Trần Thị Dược	Ban Phục vụ đào tạo			x		
11	Nghiêm Thị Bình Minh	Ban Phục vụ đào tạo			x		
12	Nguyễn Thị Chi	Ban Phục vụ đào tạo			x		
13	Vũ Thị Phương Thùy	Ban Phục vụ đào tạo			x		
14	Nguyễn Thị Nga	Ban Phục vụ đào tạo			x		
	Trung tâm Thông tin - Thư viện		1	3	17		
15	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin-thư viện			x		
16	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin-thư viện			x		
17	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin-thư viện			x		
18	Nguyễn T Mỹ Hạnh	TT Thông tin-thư viện			x		
19	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin-thư viện			x		
20	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin-thư viện			x		
21	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin-thư viện			x		
22	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin-thư viện			x		
23	Vũ Thị Hồng Nhâm	TT Thông tin-thư viện			x		
24	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	TT Thông tin-thư viện			x		
25	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin-thư viện			x		
26	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin-thư viện		x			
27	Phan Thị Phượng	TT Thông tin-thư viện			x		
28	Hoàng Thị Thuý	TT Thông tin-thư viện			x		
29	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin-thư viện			x		
30	Trần văn Duy	TT Thông tin-thư viện		x			
31	Phạm Vĩnh Tuấn	TT Thông tin-thư viện			x		
32	Nguyễn Quang Phú	TT Thông tin-thư viện			x		
33	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin-thư viện		x			
34	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin-thư viện			x		
	Phòng Khoa học Công nghệ		1	1	3		
35	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ			x		
36	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học Công nghệ			x		
37	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
38	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ			x		
	Phòng Đào tạo Đại học		1	2	7		
39	Phạm Văn Tuấn	Phòng ĐT Đại học			x		
40	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐT Đại học		x			
41	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐT Đại học			x		
42	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐT Đại học			x		
43	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐT Đại học			x		
44	Bùi Thị Mai	Phòng ĐT Đại học			x		
45	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐT Đại học			x		
46	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐT Đại học		x			
47	Lại Kim Cương	Phòng ĐT Đại học			x		
	Phòng Đào tạo Sau đại học		1	1	3		
48	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học			x		
49	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học		x			
50	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT Sau đại học			x		
51	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học			x		
	Phòng Hành chính - Tổng hợp		1	1	6		
52	Nguyễn Thị Bắc	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
53	Dương Thị Tuyết Nhung	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
54	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
55	Trịnh Thị Thanh Hòa	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
56	Vũ Hội Khánh Hà	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
57	Võ Thị Công Chính	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
58	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x		
	Ban Quản lý dự án		1	1	8		
59	Phạm Văn Đức	Ban Quản lý dự án			x		
60	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý dự án			x		
61	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý dự án		x			
62	Đỗ Xuân Khoa	Ban Quản lý dự án			x		
63	Bạch Thị Hạnh	Ban Quản lý dự án			x		
64	Lê Thị Hương Giang	Ban Quản lý dự án			x		
65	Nguyễn Sơn Tùng	Ban Quản lý dự án			x		
66	Nguyễn Chí Hiếu	Ban Quản lý dự án			x		
67	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý dự án			x		
	Khoa Tại chức		1		9		
68	Nguyễn Thị Ánh Thu	Khoa Tại chức			x		
69	Trần Hải Vân	Khoa Tại chức			x		
70	Lê Thuý Nga	Khoa Tại chức			x		
71	Nguyễn Minh Thu	Khoa Tại chức			x		
72	Dương Mai Yến	Khoa Tại chức			x		
73	Ngô Thái Vinh	Khoa Tại chức			x		
74	Hồ Văn Quân	Khoa Tại chức			x		
75	Nguyễn T Hương Giang	Khoa Tại chức			x		
76	Nguyễn Quốc Trường	Khoa Tại chức			x		
	Phòng Tài vụ		1	1	7		
77	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ			x		
78	Phạm Thị Thu Thuỷ	Phòng Tài vụ		x			
79	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ			x		
80	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ			x		
81	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ			x		

	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
82	Nguyễn T Phương Thảo A	Phòng Tài vụ			x		
83	Nguyễn T Phương Thảo B	Phòng Tài vụ			x		
84	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ			x		
	Trạm Y tế				**1**		
85	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế			x		
	Phòng Bảo vệ		**1**		**14**		
86	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ			x		
87	Lê Hoài Nam	Phòng Bảo vệ			x		
88	Lưu Hữu Phước	Phòng Bảo vệ			x		
89	Lý Hồng Khanh	Phòng Bảo vệ			x		
90	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ			x		
91	Trần Văn Huyên	Phòng Bảo vệ			x		
92	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Bảo vệ			x		
93	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Bảo vệ			x		
94	Phạm Văn Khương	Phòng Bảo vệ			x		
95	Đặng Quang Tuyến	Phòng Bảo vệ			x		
96	Lê Đức Minh	Phòng Bảo vệ			x		
97	Chu Thế Mạnh	Phòng Bảo vệ			x		
98	Nguyễn Tiến Dũng	Phòng Bảo vệ			x		
99	Hà Văn Tưởng	Phòng Bảo vệ			x		
	Phòng Hợp tác Quốc tế		**1**	**1**	**4**		
100	Nguyễn T Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
101	Quách T Thu Phương	Phòng Hợp tác Quốc tế		x			
102	Vũ Thu Hường	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
103	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
104	Nguyễn Việt Hà	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
	Phòng Quản trị - Thiết bị		**1**	**4**	**19**		
105	Đỗ Thị Dung	Phòng Quản trị thiết bị			x		
106	Lê Tiến Dũng	Phòng Quản trị thiết bị			x		
107	Trần Thị Hương	Phòng Quản trị thiết bị			x		
108	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Quản trị thiết bị		x			
109	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị thiết bị			x		
110	Nguyễn T Thu Hà	Phòng Quản trị thiết bị			x		
111	Nguyễn Thuý Hà	Phòng Quản trị thiết bị			x		
112	Nguyễn Thị Cành	Phòng Quản trị thiết bị			x		
113	Trần Văn Chương	Phòng Quản trị thiết bị		x			
114	Phạm Đăng Tích	Phòng Quản trị thiết bị			x		
115	Tạ Văn Minh	Phòng Quản trị thiết bị			x		
116	Nguyễn Văn Bình	Phòng Quản trị thiết bị			x		
117	Ninh Ngọc Cương	Phòng Quản trị thiết bị			x		
118	Nguyễn Thị Thuý	Phòng Quản trị thiết bị			x		
119	Diêm Công Thọ	Phòng Quản trị thiết bị			x		
120	Nguyễn Đức Năng	Phòng Quản trị thiết bị		x			
121	Hà Ngọc Trường	Phòng Quản trị thiết bị		x			
122	Trịnh Thị Hợp	Phòng Quản trị thiết bị			x		
123	Phạm Thị Sâm	Phòng Quản trị thiết bị			x		
124	Nguyễn Đình Cường	Phòng Quản trị thiết bị			x		
125	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Quản trị thiết bị			x		
126	Trần Thị Lan Phương	Phòng Quản trị thiết bị			x		
127	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Quản trị thiết bị			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
	Phòng Công tác chính trị - Sinh viên		1	2	10		
128	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên		x			
129	Nguyễn Kim Chung	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên		x			
130	Lê Chí Phúc	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
131	Trần Đức Hiệp	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
132	Nguyễn Thuỳ Linh	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
133	Nguyễn Thị Biên	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
134	Phạm T Thu Hường	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
135	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
136	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị-Sinh viên			x		
137	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn			x		
138	Phạm Thị Thanh Phương	Thanh tra giáo dục			x		
139	Nguyễn Vân Anh	Văn phòng Đoàn TN			x		
	Trung tâm HN&TVVLSV		1	1	2		
140	Phạm Quang Ba	Trung tâm HN&TVVLSV		x			
141	Phan Thị Thúy	Trung tâm HN&TVVLSV			x		
142	Đoàn Hồng Thắng	Trung tâm HN&TVVLSV			x		
	BQL Ký túc xá sinh viên			2	13		
143	Lê Lương Làn	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
144	Nguyễn Văn Hùng	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
145	Đinh Hữu Khánh	BQL Ký túc xá Sinh viên		x			
146	Nguyễn Xuân Thuận	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
147	Nguyễn Thị Thu	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
148	Nguyễn Thị Hồng	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
149	Dương T Hồng Đài	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
150	Hà Tú Hương	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
151	Đỗ Khắc Điệp	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
152	Vũ Thế Hùng	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
153	Nguyễn Văn Khẩn	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
154	Phạm Thị Quy	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
155	Phan Thanh Chương	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
156	Ngô Huyền Giang	BQL Ký túc xá Sinh viên		x			
157	Đoàn Thị Luyên	BQL Ký túc xá Sinh viên			x		
	Khoa Giáo dục Quốc phòng		2	2	8		
	Bộ môn Đường lối Quân sự		1	1	6		
158	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối QS		x			
159	Phạm Quốc Đảm	BM Đường lối QS			x		
160	Trần Bắc Bộ	BM Đường lối QS			x		
161	Lê Thị Định	BM Đường lối QS			x		
162	Hà Văn Thanh	BM Đường lối QS			x		
163	Phạm Công Tú	BM Đường lối QS			x		
164	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối QS			x		
	Bộ môn Kỹ thuật Quân sự			1	2		
165	Bùi Kim Hồng	KTQS		x			
166	Vũ Quang Hay	KTQS			x		
167	Nguyễn Văn Phong	KTQS			x		
	Khoa Đại học Đại cương		8	18	77	2	
	Văn phòng khoa			1			
168	Đặng Thị Hằng Nga	VP Khoa ĐHĐC		x			
	Bộ môn Toán		1	3	14		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
169	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
170	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
171	Tô Văn Đinh	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x			
172	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
173	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
174	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x			
175	Đào Xuân Hưng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
176	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
177	Phạm Tuấn Cường	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
178	Lê T Hương Giang	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
179	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
180	Phạm Ngọc Anh	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x			
181	Nguyễn T Kim Sơn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
182	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
183	Lê T Bích Phượng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
184	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
185	Hoàng Ngũ Huấn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Vật lý		**1**	**3**	**12**	**1**	
186	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x			
187	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x			
188	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
189	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC				x	
190	Trần Thị Hà	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
191	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
192	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x			
193	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
194	Bùi Thị Thanh Lan	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
195	Đào Việt Thắng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
196	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
197	Phạm Thị Trang	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
198	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
199	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
200	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
201	Bùi Hữu Nguyên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Hoá học		**1**	**3**	**16**		
202	Lê Đức Liêm	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
203	Lê Thị Vinh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
204	Vũ Duy Thịnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
205	Phạm Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
206	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
207	Hà Mạnh Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x			
208	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
209	Vũ Kim Thư	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x			
210	Đỗ Thị Hải	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
211	Lê Thị Duyên	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
212	Võ Thị Hạnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
213	Lê Thị Phương Thảo	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
214	Nguyễn Thu Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
215	Vũ T Minh Hồng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x			
216	Nguyễn T Kim Thoa	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
217	Công Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
218	Nguyễn Viết Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
219	Nguyễn Đình Độ	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
220	Cấn Ngọc Hoàng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Hình họa		1	2	4		
221	Trần Hồng Hải	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC		x			
222	Thạc Thu Hiền	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
223	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC		x			
224	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
225	Hoàng Văn Tài	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
226	Phạm T Mai Anh	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Ngoại ngữ		1	3	15		
227	Đỗ Kim Phương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x			
228	Nguyễn Mộng Lương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
229	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
230	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
231	Nguyễn Thị Lệ Hằng	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
232	Lê Thị Thuý Hà	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
233	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
234	Trương Thị Thanh Thuỷ	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x			
235	Dương Thuý Hường	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x			
236	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
237	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
238	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
239	Nguyễn Thu Phúc	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
240	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
241	Nguyễn Thị Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
242	Nguyễn Thu Cúc	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
243	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
244	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Cơ lý thuyết		1	1	4	1	
245	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC		x			
246	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC				x	
247	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
248	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
249	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
250	Bùi Thị Thuý	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x		
	Bộ môn Giáo dục thể chất		1	2	12		
251	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x			
252	Nguyễn Quang Huy	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
253	Thái Việt Hưng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
254	Lê Văn Cương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
255	Lương Anh Hùng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
256	Lê Văn Nam	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
257	Lã Ngọc Linh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
258	Lê Viết Tuấn	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x			
259	Nguyễn Huy Thông	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
260	Đỗ Tiến Thiết	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
261	Trần T Lan Hương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
262	Hà Thị Hiến	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
263	Nguyễn Trường Đông	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
264	Chu Thị Hồng Hạnh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x		
	Khoa Trắc địa		9	19	72	13	
	Văn phòng khoa			1	2		
265	Tạ T Thu Hường	VP Khoa Trắc địa			x		
266	Nguyễn Thị Hà	VP Khoa Trắc địa		x			
267	Đào Thị Thơm	VP Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa công trình		1	3	8	1	
268	Trần Khánh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
269	Nguyễn Quang Phúc	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
270	Nguyễn Quang Thắng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x			
271	Trần Viết Tuấn	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
272	Hoàng Thị Minh Hương	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
273	Lê Đức Tình	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x			
274	Phạm Trung Dũng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa				x	
275	Nguyễn Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
276	Nguyễn Việt Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x			
277	Trần Thùy Linh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
278	Phạm Quốc Khánh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
279	Đinh Thị Lệ Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa cao cấp		1	3	14		
280	Dương Vân Phong	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x			
281	Đặng Nam Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
282	Bùi Khắc Luyên	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x			
283	Vũ Văn Trí	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
284	Nguyễn Gia Trọng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
285	Nguyễn Thái Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
286	Vũ Đình Toàn	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
287	Phạm Ngọc Quang	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
288	Đặng Hồng Thuý	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
289	Lê T Thanh Tâm	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
290	Lê Minh Tá	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
291	Nguyễn Xuân Tùng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
292	Nguyễn Văn Sáng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x			
293	Nguyễn Văn Lâm	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
294	Kim T. Thu Hương	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
295	Trần T . Thu Trang	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
296	Phạm Hoàng Long	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa Mỏ		1	2	8	1	
297	Nguyễn Xuân Thuy	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
298	Vương Trọng Kha	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
299	Phạm Công Khải	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x			
300	Lê Thị Thu Hà	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
301	Nguyễn Quốc Long	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x			
302	Cao Xuân Cường	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa				x	
303	Phạm Thị Làn	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
304	Phạm Văn Chung	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
305	Lê Văn Cảnh	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
306	Võ Ngọc Dũng	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		
307	Nguyễn Viết Nghĩa	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
	Bộ môn Địa chính		1	2	10		
308	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
309	Trần Thuỳ Dương	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x			
310	Trần Đình Thành	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
311	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
312	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
313	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
314	Đinh Hải Nam	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
315	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
316	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
317	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x			
318	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
319	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Bản đồ		1	2	6	3	
320	Hà Thị Mai	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
321	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x			
322	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
323	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
324	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x			
325	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
326	Dương Anh Quân	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa				x	
327	Trần T Hương Giang	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa				x	
328	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
329	Bùi Tiến Diệu	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa				x	
330	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số		1	3	9	3	
331	Trương Quang Hiếu	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
332	Đinh Công Hoà	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
333	Nguyễn Tiến Năng	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
334	Nguyễn Quang Minh	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x			
335	Hoàng Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
336	Hoàng Thị Thuỷ	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x			
337	Lưu Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x			
338	Nguyễn T Thu Hương	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
339	Lê Ngọc Giang	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
340	Phạm Thanh Thạo	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
341	Trần Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
342	Trương Minh Hùng	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x		
343	Đào Văn Khánh	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ				x	
344	Lã Phú Hiến	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ				x	
345	Dương Thành Trung	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ				x	
	Tổ máy Trắc địa		1		6		
346	Vũ Trung Ruy	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
347	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
348	Hoàng Lê Minh	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
349	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
350	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
351	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x		
	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám		1	3	9	5	
352	Phạm Vọng Thành	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		

	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
353	Trần Đình Trí	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x			
354	Trần Vân Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x			
355	Trần Trung Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
356	Trần Thanh Hà	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
357	Nguyễn Bá Duy	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
358	Nguyễn Minh Hải	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
359	Nguyễn Văn Trung	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
360	Trần Phương Ly	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
361	Lê Thanh Nghị	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
362	Trần Xuân Trường	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x			
363	Đoàn T. Nam Phương	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
364	Phạm T. Thanh Hòa	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x		
365	Nguyễn Anh Tuấn	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
366	Phạm Hà Thái	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
367	Trần Hồng Hạnh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
368	Lê Thu Trang	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa				x	
	Khoa Dầu Khí		**6**	**14**	**42**	**11**	
	Văn phòng khoa			**1**	**4**		
369	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa			x		
370	Nguyễn Thị Thủy	VP Khoa		x			
371	Nguyễn Hồng Hạnh	VP Khoa			x		
372	Trịnh Thế Lực	Phòng Thí nghiệm khối thượng nguồn			x		
373	Trần Văn Hiệp	Phòng Thí nghiệm khối thượng nguồn			x		
	Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình		**1**	**2**	**6**	**3**	
374	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x		
375	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí		x			
376	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x		
377	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x		
378	Đào Thị Uyên	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x		
379	Trần Thiện Căn	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x		
380	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí		x			
381	Nguyễn T Hải Yến	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí				x	
382	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x		
383	Nguyễn Phùng Hưng	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí				x	
384	Nguyễn Văn Thịnh	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí				x	
	Bộ môn Địa Vật lý		**1**	**2**	**9**		
385	Lê Hải An	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x			
386	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x			
387	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
388	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
389	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
390	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
391	Đào Thị Bích Thuỷ	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
392	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
393	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
394	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
395	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x		
	Bộ môn Khoan khai thác		**1**	**4**	**8**	**4**	
396	Trần Đình Kiên	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
397	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
398	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
399	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
400	Doãn Thị Trâm	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
401	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
402	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
403	Lê Văn Nam	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
404	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
405	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
406	Trương Anh Từ	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x		
407	Đỗ Thành Sỹ	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
408	Lê Quang Duyến	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x			
409	Bùi Thanh Bình	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
410	Tô Hữu Toàn	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
411	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan-KT khoa Dầu khí				x	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí		**1**	**2**	**6**		
412	Lê Văn Bình	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
413	Nguyễn T Minh Hồng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí		x			
414	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí		x			
415	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
416	Nguyễn Thu Hằng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
417	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
418	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
419	Trần Thị Oanh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x		
	Bộ môn Lọc hoá dầu		**1**	**3**	**9**	**4**	
420	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x			
421	Phạm Trung Kiên	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
422	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
423	Công Ngọc Thắng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
424	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
425	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x			
426	Phạm Xuân Núi	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
427	Tống T Thanh Hương	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x			
428	Hồ Văn Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
429	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
430	Ngô Hà Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
431	Lê Đình Chiến	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
432	Vũ Văn Toàn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
433	Ngô Thanh Hải	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
434	Dương Viết Cường	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí				x	
435	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x		
	Khoa Địa chất		**9**	**14**	**62**	**13**	
	Văn phòng khoa				**4**		
436	Trương Thuý Hà	VP khoa Địa chất			x		
437	Phan T Thùy Dương	VP khoa Địa chất			x		
438	Hồ Thanh Bình	VP khoa Địa chất			x		
439	Vũ Thị Hiền	VP khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Khoáng thạch		**1**	**2**	**8**	**2**	
440	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
441	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x			
442	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
443	Lê Thanh Mẽ	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
444	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
445	Vũ Lê Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
446	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
447	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất				x	
448	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
449	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
450	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x		
451	Tô Xuân Bản	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất				x	
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò		1	2	8	1	
452	Nguyễn Tiến Dũng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x			
453	Lương Quang Khang	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x			
454	Nguyễn Trọng Toan	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
455	Bùi Hoàng Bắc	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
456	Đỗ Mạnh An	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
457	Phan Viết Sơn	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
458	Trần Thị Vân Anh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
459	Trương Hữu Mạnh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất				x	
460	Nguyễn Duy Hưng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
461	Khương Thế Hùng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
462	Nguyễn Thanh Tịnh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Khoáng sản		1	1	5	1	
463	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
464	Trần Bình Chư	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
465	Ngô Xuân Đắc	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất				x	
466	Hoàng Thị Thoa	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất		x			
467	Nguyễn Đình Luyện	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
468	Lê Xuân Trường	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
469	Lê Thị Thu	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Địa chất		1	2	5	4	
470	Trần Thanh Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x			
471	Hạ Văn Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
472	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
473	Bùi T Thu Hiền	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
474	Phí Thị Phương Thảo	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
475	Vũ Anh Thư	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
476	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x			
477	Phạm Văn Phương	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x		
478	Nguyễn Minh Quyền	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
479	Bùi Vinh Hậu	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
480	Nguyễn Trường Tài	BM Địa chất-Khoa Địa chất				x	
	Bộ môn Địa chất Biển		1	1	4	1	
481	Hoàng Văn Long	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất		x			
482	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
483	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
484	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất				x	
485	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
486	Phan Văn Bình	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng		1	1	5	1	
487	Nguyễn Văn Lâm	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
488	Nguyễn T Thanh Thảo	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
489	Nguyễn Xuân Phú	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
490	Tạ Thị Toán	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
491	Nguyễn Khắc Du	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
492	Phạm Như Sang	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất				x	
493	Nguyễn Thị Thanh Hiền	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn		1	2	9	1	
494	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x			
495	Nguyễn T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
496	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
497	Dương T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
498	Hoàng Văn Hoan	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
499	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
500	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
501	Trần Vũ Long	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
502	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất				x	
503	Đào Đức Bằng	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x			
504	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
505	Nguyễn Hữu Mạnh	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x		
	Bộ môn Địa chất Công trình		1	3	14	2	
506	Nguyễn Viết Tình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
507	Tô Xuân Vu	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x			
508	Đỗ Minh Toàn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x			
509	Phạm Minh Tuấn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
510	Nguyễn Văn Phóng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
511	Nguyễn Thị Nụ	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
512	Phạm T Việt Nga	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
513	Vũ Thái Linh	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
514	Bùi Văn Bình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
515	Phùng Hữu Hải	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
516	Phạm Thị Ngọc Hà	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
517	Nguyễn Văn Hùng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
518	Nguyễn Ngọc Dũng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất				x	
519	Nguyễn Đức Tuấn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
520	Dương Văn Bình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
521	Nhữ Việt Hà	BM ĐCCT-Khoa Địa chất				x	
522	Bùi Trường Sơn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
523	Nguyễn Thành Dương	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x		
524	Lê Trọng Thắng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x			
	Khoa Môi trường		4	6	21	2	
	Văn phòng khoa				1		
525	Hoàng Thu Trang	VP Khoa Môi trường			x		
	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		1	2	9	1	
526	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		x			
527	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
528	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
529	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
530	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		x			
531	Trần Thị Thanh Thuỷ	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
532	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		

T	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
533	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
534	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
535	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường				x	
536	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
537	Vũ T Phương Thảo	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x		
	Bộ môn Môi trường cơ sở		1	2	6		
538	Nguyễn Phương	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x			
539	Đỗ Văn Nhuận	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x			
540	Nguyễn Văn Dũng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
541	Nguyễn Quốc Phi	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
542	Hạ Quang Hưng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
543	Vũ Thị Lan Anh	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
544	Nguyễn Thị Cúc	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
545	Phan Thị Mai Hoa	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x		
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường mỏ		1	2	5	1	
546	Phan Quang Văn	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x			
547	Đào Đình Thuần	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
548	Đặng Thị Ngọc Thuỷ	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
549	Đào Trung Thành	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
550	Nguyễn Thị Hòa	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
551	Nguyễn Hoàng Nam	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x			
552	Nguyễn T Thu Huyền	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x		
553	Nguyễn Phương Đông	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT				x	
	Khoa Xây dựng		4	5	21	14	
	Văn phòng khoa				2		
554	Phạm Thị Yến	VP Khoa XD			x		
555	Phạm Thanh Huyền	VP Khoa XD			x		
	Bộ môn XD Công trình ngầm & Mỏ		1	3	8	5	
556	Võ Trọng Hùng	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD		x			
557	Đào Văn Canh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
558	Ngô Doãn Hào	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
559	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD		x			
560	Nguyễn Chí Thành	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD				x	
561	Đặng Trung Thành	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
562	Trần Tuấn Minh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
563	Đào Viết Đoàn	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
564	Phan Tuấn Anh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
565	Đỗ Ngọc Anh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD		x			
566	Nguyễn Văn Trí	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD				x	
567	Đỗ Mạnh Tấn	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD				x	
568	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD				x	
569	Nguyễn Duyên Phong	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD				x	
570	Phạm Thị Yến	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD				x	
571	Đặng Văn Kiên	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x		
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng		1	1	7	5	
572	Nguyễn Văn Quyền	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
573	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
574	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
575	Bùi Văn Đức	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
576	Nguyễn Thị Hương	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
577	Đinh Hải Nam	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
578	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
579	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
580	Lê Huy Việt	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
581	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD		x			
582	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD				x	
583	Đặng Hoàng Thông	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
584	Đặng Văn Phi	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x		
	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở		**1**	**1**	**4**	**4**	
585	Phạm Văn Hùng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
586	Đặng Quang Huy	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
587	Ngọ T Hương Trang	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
588	Nguyễn Trọng Dũng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD		x			
589	Trần Mạnh Hùng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
590	Hoàng Đình Phúc	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
591	Phạm Đức Thọ	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
592	Vũ Minh Ngạn	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD				x	
593	Bùi Anh Thắng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x		
	Khoa Mỏ		**5**	**11**	**41**	**6**	
	Văn phòng khoa				**3**		
594	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ			x		
595	Nguyễn T Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ			x		
596	Nguyễn Hồng Vân	VP Khoa Mỏ			x		
	Bộ môn Khai thác Hầm lò		**1**	**4**	**12**	**1**	
597	Đỗ Mạnh Phong	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
598	Trần Văn Thanh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
599	Đặng Vũ Chí	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
600	Nguyễn Cao Khải	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
601	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
602	Đặng Quang Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
603	Lê Tiến Dũng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ				x	
604	Nguyễn Văn Quang	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
605	Nguyễn Văn Thịnh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x			
606	Nguyễn Hồng Cường	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
607	Đỗ Anh Sơn	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
608	Lê Quang Phục	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
609	Vũ Trung Tiến	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
610	Phạm Đức Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
611	Đào Văn Chi	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
612	Nguyễn Phi Hùng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
613	Bùi Mạnh Tùng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x		
	Bộ môn Khai thác lộ thiên		**1**	**4**	**10**	**4**	
614	Bùi Xuân Nam	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			
615	Lê Thị Thu Hoa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
616	Lê Văn Quyền	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			
617	Lê Hữu Quỳnh	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
618	Nguyễn Đình An	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
619	Nhữ Văn Phúc	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
620	Lê Thị Minh Hạnh	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
621	Vũ Đình Hiếu	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
622	Lê Quý Thảo	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
623	Phạm Văn Việt	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
624	Lê Thị Hải	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
625	Trần Đình Bão	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
626	Phạm Văn Hòa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x			
627	Đỗ Ngọc Hoàn	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
628	Nguyễn Hoàng	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x		
629	Nguyễn Tiến Hải	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
630	Nguyễn Anh Tuấn	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
631	Trần Quang Hiếu	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ				x	
	Bộ môn Sức bền vật liệu		1	1	7		
632	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ		x			
633	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
634	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
635	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
636	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
637	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
638	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
639	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x		
	Bộ môn Tuyển khoáng		1	2	9	1	
640	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
641	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
642	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x			
643	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
644	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x			
645	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
646	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
647	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
648	Hoàng Hữu Đường	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ				x	
649	Phạm Thanh Hải	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
650	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
651	Phạm thị Nhung	BM Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x		
	Khoa Cơ điện		7	13	56	8	
	Văn phòng Khoa				3		
652	Nguyễn Thị Kim Sinh	VP Khoa Cơ điện			x		
653	Đào Thị Hiền	VP Khoa Cơ điện			x		
654	Nguyễn Thị Tâm	VP khoa Cơ điện			x		
	Bộ môn Tự động hoá		1	3	12	3	
655	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
656	Phan Minh Tạo	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
657	Đặng Văn Chí	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
658	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x			
659	Khổng Cao Phong	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x			
660	Phạm Minh Hải	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
661	Nguyễn T Thanh Loan	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
662	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
663	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
664	Đào Hiếu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
665	Thái Hải Âu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
666	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
667	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
668	Phùng Văn Trang	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
669	Phan T Mai Phương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
670	Trịnh Quang Vinh	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
671	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện				x	
672	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x		
	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ		1	1	13	1	
673	Vũ Nam Ngạn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
674	Đoàn Văn Giáp	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
675	Trần Ngọc Minh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
676	Phạm Văn Tiến	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
677	Đặng Vũ Đinh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện		x			
678	Trần Bá Trung	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
679	Vũ Ngọc Trà	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
680	Đoàn Công Luận	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
681	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
682	Kiều Đức Thịnh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
683	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện				x	
684	Nguyễn Văn Xô	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
685	Trần Viết Linh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
686	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
687	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x		
	Bộ môn Kỹ thuật Điện-Điện tử		1	2	8	1	
688	Phạm Công Hoà	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
689	Đinh Văn Thắng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện		x			
690	Nguyễn Xuân Cương	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
691	Kim Ngọc Linh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện		x			
692	Cung Quang Khang	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
693	Nguyễn Thạc Khánh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
694	Nguyễn Trường Giang	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
695	Kim T Cẩm Ánh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
696	Tống Ngọc Anh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
697	Nguyễn Tiến Sỹ	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x		
698	Vũ Đỗ Dũng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện				x	
	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		1	3	6	2	
699	Phạm Đức Thiên	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		x			
700	Phạm Thị Thủy	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		x			
701	Nguyễn Văn Lại	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
702	Lê Quang Thinh	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
703	Nguyễn Thanh Tùng	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
704	Bùi Minh Hoàng	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
705	Nguyễn Duy Chinh	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		x			
706	Phạm Thị Thanh Hải	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
707	Nguyễn Phúc Trường	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x		
708	Trần Đức Huân	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện				x	
709	Nguyễn Văn Tuệ	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện				x	
	Bộ môn Điện khí hoá		1	3	10	1	
710	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
711	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x			
712	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi ch
713	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
714	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
715	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
716	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
717	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
718	Đào Thị Thuỷ	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
719	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
720	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
721	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x		
722	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x			
723	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện				x	
	Xưởng cơ khí				x		
724	Trương Đình Loan	Xưởng cơ khí	1	1	4		
725	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ khí		x			
726	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ khí			x		
727	Đặng Việt Khuê	Xưởng cơ khí			x		
728	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng cơ khí			x		
	Khoa Kinh tế & QTKD				x		
	Văn phòng khoa		5	10	44		
729	Phạm T Châu Giang	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			3		
730	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x		
731	Phan Thùy Linh	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x		
	Bộ môn Quản trị DN Địa chất-Dầu khí				x		
732	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	1	3	5		
733	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
734	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x			
735	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x			
736	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x			
737	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
738	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
739	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x		
	Bộ môn Quản trị Doanh nghiệp Mỏ				x		
740	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	1	3	11		
741	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x			
742	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
743	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x			
744	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
745	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
746	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
747	Phan T Thuỳ Linh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
748	Trần Thị Khánh Vân	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
749	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
750	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
751	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
752	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x			
753	Lê Đình Chiến	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x		
	Bộ môn Kinh tế cơ sở				x		
754	Nguyễn Văn Bưởi	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	1	1	10		
755	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
756	Phí Mạnh Cường	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
757	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
758	Trần Anh Dũng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
759	Phạm Thu Trang	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
760	Nguyễn Thanh Thảo	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
761	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
762	Vũ Thị Hiền	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
763	Vũ Diệp Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
764	Phương Hữu Tùng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x			
	Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp		**1**	**3**	**15**		
765	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
766	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
767	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
768	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
769	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
770	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
771	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
772	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
773	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
774	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
775	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
776	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
777	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
778	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
779	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
780	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
781	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
782	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
	Khoa Công Nghệ thông tin		**7**	**9**	**52**	**8**	
	Văn phòng khoa			**1**	**2**		
783	Nguyễn Thị Loan	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT		x			
784	Phạm Thị Hương	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x		
785	Nguyễn Đức Quân	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Trắc địa		**1**	**1**	**11**	**3**	
786	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
787	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
788	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x			
789	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
790	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
791	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
792	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
793	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
794	Diêm Thị Thuỳ	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
795	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
796	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
797	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
798	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
799	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
800	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Kinh tế		**1**	**2**	**4**		
801	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x			

T	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
802	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x			
803	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
804	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
805	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
806	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Cơ bản				**9**	**2**	
807	Hoàng Kim Bảng	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
808	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
809	Bùi T Vân Anh	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
810	Vũ Lan Phương	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
811	Dương Chí Thiện	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
812	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
813	Phạm Đức Hậu	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
814	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
815	Đặng Quốc Trung	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x		
816	Tạ Quang Chiểu	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT				x	
817	Trương Xuân Quang	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT				x	
	Bộ môn Tin học Mỏ		**1**	**2**	**5**	**1**	
818	Cảnh Chí Thanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x			
819	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
820	Nguyễn Thuỳ Dương	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
821	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
822	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x			
823	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
824	Lê Quang Cường	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x		
825	Nguyễn Duy Huy	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT				x	
	Bộ môn Tin học Địa chất		**1**	**1**	**6**		
826	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT		x			
827	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
828	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
829	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
830	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
831	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
832	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Công nghệ phần mềm		**1**	**1**	**7**	**1**	
833	Lê Văn Hưng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT		x			
834	Phạm Văn Đồng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
835	Phạm Thị Hải Vân	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
836	Nguyễn Thế Lộc	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
837	Nguyễn T Hữu Phương	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
838	Hoàng Anh Đức	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
839	Bùi Thế Vinh	BM CN phần mềm-Khoa CNTT				x	
840	Nguyễn Thị Thanh	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
841	Hồ Thị Thảo Trang	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Mạng máy tính		**1**	**1**	**6**	**1**	
842	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính		x			
843	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính			x		
844	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính			x		
845	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính			x		
846	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
847	Phan Mạnh Tiến	BM Mạng máy tính			x		
848	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính				x	
849	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính			x		
	Phòng thí nghiệm Địa Tin học				2		
850	Phạm Hữu Lợi	P.Thí Nghiệm Địa tin học			x		
851	Trần Thị Hải Vân	P.Thí Nghiệm Địa tin học			x		
	Khoa Lý luận Chính trị		5	4	17		
	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh		1	1	4		
852	Nguyễn văn Sơn	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
853	Trần T Phúc An	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh		x			
854	Nguyễn T Kim Dung	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
855	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
856	Lê Thị Yến	BM Tư tưởng Hồ Chí Minh			x		
	Bộ môn Đường lối CM của Đảng CSVN		1	1	4		
857	Đặng Thị Thanh Trâm	BM Đường lối CM của Đảng CSVN		x			
858	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
859	Nguyễn Thị Thuý Hà	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
860	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
861	Nguyễn Tuấn Vương	BM Đường lối CM của Đảng CSVN			x		
	Bộ môn Nguyên lý CN Mác Lênin		1	2	6		
862	Đỗ Thị Kim Thanh	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
863	Trần Thị Lan Hương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin		x			
864	Bùi Thị Thuỳ Dương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
865	Ngô Văn Hưởng	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
866	Nguyễn Thi Phương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin		x			
867	Nguyễn Thu Hương	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
868	Nguyễn Thị Thu	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
869	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý CN Mác Lênin			x		
	Bộ môn Pháp luật		1		3		
870	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật			x		
871	Nguyễn Thị Nụ	BM Pháp luật			x		
872	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật			x		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 873 / MĐC- TĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc khen thưởng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 15/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2013-2014 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 89 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 252 người
3. Lao động tiên tiến: 558 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2014 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 490.600.000 đồng

(Bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, TĐKT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Bế Hải An

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA

Năm học 2013-2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 873 /MĐC-TĐKT ngày 18 /8/2014)

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
	Tổng cộng		**89**	**252**	**558**	
	Phòng Tổ chức cán bộ		**1**	**2**	**5**	
1	Vũ Thị Thoa	Phòng TCCB		x		
2	Phạm Xuân Thương	Phòng TCCB			x	
3	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Phòng TCCB			x	
4	Hà Thị Liễu	Phòng TCCB		x		
5	Vũ Duy Tấn	Phòng TCCB			x	
6	Phạm Tố Uyên	Phòng TCCB			x	
7	Lê Thị Thu	Phòng TCCB			x	
	Ban phục vụ Đào tạo		**1**	**0**	**8**	
8	Nguyễn Hồng Hải Yến	Ban Phục vụ đào tạo			x	
9	Đặng Thị Kim Yến	Ban Phục vụ đào tạo			x	
10	Bùi Thị Kim Anh	Ban Phục vụ đào tạo			x	
11	Trần Thị Dược	Ban Phục vụ đào tạo			x	
12	Nghiêm Thị Bình Minh	Ban Phục vụ đào tạo			x	
13	Dương Thị Nga	Ban Phục vụ đào tạo			x	
14	Nguyễn Thị Chi	Ban Phục vụ đào tạo			x	
15	Nguyễn Thị Nga	Ban Phục vụ đào tạo			x	
	Trung tâm Thông tin- Thư viện		**1**	**3**	**18**	
16	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin-thư viện		x		
17	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin-thư viện			x	
18	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin-thư viện			x	
19	Nguyễn T Mỹ Hạnh	TT Thông tin-thư viện			x	
20	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin-thư viện			x	
21	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin-thư viện			x	
22	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin-thư viện			x	
23	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin-thư viện			x	
24	Vũ Thị Hồng Nhâm	TT Thông tin-thư viện			x	
25	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	TT Thông tin-thư viện			x	
26	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin-thư viện			x	
27	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin-thư viện			x	
28	Phan Thị Phượng	TT Thông tin-thư viện			x	
29	Hoàng Thị Thuý	TT Thông tin-thư viện			x	
30	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin-thư viện			x	
31	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin-thư viện			x	
32	Trần văn Duy	TT Thông tin-thư viện		x		
33	Phạm Vĩnh Tuấn	TT Thông tin-thư viện			x	
34	Nguyễn Quang Phú	TT Thông tin-thư viện			x	
35	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin-thư viện		x		
36	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin-thư viện			x	
	Phòng Khoa học công nghệ		**1**	**2**	**2**	
37	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KHCN			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
38	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng KHCN		x		
39	Hoàng Thu Hằng	Phòng KHCN		x		
40	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN			x	
	Phòng đào tạo Đại học		**1**	**3**	**7**	
41	Phạm Văn Tuấn	Phòng ĐT Đại học		x		
42	Hoàng Thị Nhung	Phòng ĐT Đại học			x	
43	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐT Đại học		x		
44	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐT Đại học			x	
45	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐT Đại học			x	
46	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐT Đại học			x	
47	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐT Đại học			x	
48	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐT Đại học			x	
49	Bùi Thị Mai	Phòng ĐT Đại học		x		
50	Lại Kim Cương	Phòng ĐT Đại học			x	
	Phòng đào tạo Sau đại học		**1**	**2**	**2**	
51	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học		x		
52	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học			x	
53	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT Sau đại học			x	
54	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học		x		
	Phòng Hành chính-Tổng hợp		**1**	**2**	**5**	
55	Nguyễn Thị Bắc	P. HCTH		x		
56	Dương Thị Tuyết Nhung	P. HCTH		x		
57	Nguyễn Thị Dàng	P. HCTH			x	
58	Trịnh Thị Thanh Hòa	P. HCTH			x	
59	Vũ Hội Khánh Hà	P. HCTH			x	
60	Võ Thị Công Chính	P. HCTH			x	
61	Nguyễn Ngọc Dương	P. HCTH			x	
	Ban Quản lý dự án		**1**	**1**	**8**	
62	Phạm Văn Đức	Ban QLDA			x	
63	Nguyễn Thị Sơn	Ban QLDA			x	
64	Nguyễn Gia Khuê	Ban QLDA			x	
65	Đỗ Xuân Khoa	Ban QLDA			x	
66	Bạch Thị Hạnh	Ban QLDA		x		
67	Lê Thị Hương Giang	Ban QLDA			x	
68	Nguyễn Sơn Tùng	Ban QLDA			x	
69	Nguyễn Chí Hiếu	Ban QLDA			x	
70	Lại Thiên Nguyên	Ban QLDA			x	
	Khoa Tại chức		**1**	**0**	**9**	
71	Nguyễn Thị ánh Thu	Khoa tại chức			x	
72	Trần Hải Vân	Khoa tại chức			x	
73	Lê Thuý Nga	Khoa tại chức			x	
74	Nguyễn Minh Thu	Khoa tại chức			x	
75	Dương Mai Yến	Khoa tại chức			x	
76	Ngô Thái Vinh	Khoa tại chức			x	
77	Hồ Văn Quân	Khoa tại chức			x	
78	Nguyễn T Hương Giang	Khoa tại chức			x	
79	Nguyễn Quốc Trường	Khoa tại chức			x	
	Phòng Tài vụ		**1**	**4**	**5**	
80	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
81	Phạm Thị Xuân	Phòng Tài vụ			x	
82	Phạm Thị Thu Thuỷ	Phòng Tài vụ		x		
83	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ		x		
84	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ			x	
85	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ		x		
86	Nguyễn T Phương Thảo A	Phòng Tài vụ		x		
87	Nguyễn T Phương Thảo B	Phòng Tài vụ			x	
88	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ			x	
	Trạm Y tế		**1**	**1**	**4**	
89	Đỗ Thuý Mai	Trạm ytế		x		
90	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm ytế			x	
91	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm ytế			x	
92	Nguyễn Thị Thu Thuỵ	Trạm ytế			x	
93	Mai Ngọc Liên	Trạm ytế			x	
	Phòng bảo vệ		**1**	**0**	**19**	
94	Dương Thành Quảng	Phòng bảo vệ			x	
95	Hoàng Văn Sinh	Phòng bảo vệ			x	
96	Lê Hoài Nam	Phòng bảo vệ			x	
97	Lưu Hữu Phước	Phòng bảo vệ			x	
98	Lý Hồng Khanh	Phòng bảo vệ			x	
99	Phạm Trường Sơn	Phòng bảo vệ			x	
100	Nguyễn Thế	Phòng bảo vệ			x	
101	Trần Văn Huyên	Phòng bảo vệ			x	
102	Nguyễn Đức Toàn	Phòng bảo vệ			x	
103	Nguyễn Quang Hải	Phòng bảo vệ			x	
104	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng bảo vệ			x	
105	Trần Quý Hai	Phòng bảo vệ			x	
106	Phạm Văn Khương	Phòng bảo vệ			x	
107	Dương Đức Định	Phòng bảo vệ			x	
108	Đặng Quang Tuyến	Phòng bảo vệ			x	
109	Lê Đức Minh	Phòng bảo vệ			x	
110	Chu Thế Mạnh	Phòng bảo vệ			x	
111	Nguyễn Tiến Dũng	Phòng bảo vệ			x	
112	Hà Văn Tưởng	Phòng bảo vệ			x	
	Phòng Hợp tác Quốc tế		**1**	**1**	**4**	
113	Nguyễn T Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế		x		
114	Quách T Thu Phương	Phòng Hợp tác Quốc tế			x	
115	Vũ Thu Hường	Phòng Hợp tác Quốc tế			x	
116	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế			x	
117	Nguyễn Việt Hà	Phòng Hợp tác Quốc tế			x	
	Phòng Quản trị - Thiết bị		**1**	**5**	**17**	
118	Đỗ Thị Dung	Phòng Quản trị thiết bị			x	
119	Lê Tiến Dũng	Phòng Quản trị thiết bị			x	
120	Trần Thị Hương	Phòng Quản trị thiết bị			x	
121	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Quản trị thiết bị		x		
122	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị thiết bị			x	
123	Nguyễn T Thu Hà	Phòng Quản trị thiết bị			x	
124	Nguyễn Thuý Hà	Phòng Quản trị thiết bị			x	
125	Nguyễn Thị Cành	Phòng Quản trị thiết bị			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
126	Trần Văn Chương	Phòng Quản trị thiết bị		x		
127	Phạm Quang Tích	Phòng Quản trị thiết bị			x	
128	Tạ Văn Minh	Phòng Quản trị thiết bị			x	
129	Lê Thị Bích Dân	Phòng Quản trị thiết bị		x		
130	Nguyễn Văn Bình	Phòng Quản trị thiết bị			x	
131	Ninh Ngọc Cương	Phòng Quản trị thiết bị			x	
132	Tạ Thị Dưỡng	Phòng Quản trị thiết bị			x	
133	Nguyễn Mạnh Cường	Phòng Quản trị thiết bị		x		
134	Diêm Công Thọ	Phòng Quản trị thiết bị			x	
135	Nguyễn Đức Năng	Phòng Quản trị thiết bị		x		
136	Hà Ngọc Trường	Phòng Quản trị thiết bị			x	
137	Trịnh Thị Hợp	Phòng Quản trị thiết bị			x	
138	Phạm Thị Sâm	Phòng Quản trị thiết bị			x	
139	Nguyễn Đình Cường	Phòng Quản trị thiết bị			x	
	Phòng Công tác chính trị sinh viên		**1**	**3**	**11**	
140	Nguyễn Thu Hà	Phòng CTCT-SV		x		
141	Nguyễn Kim Chung	Phòng CTCT-SV			x	
142	Lê Chí Phúc	Phòng CTCT-SV			x	
143	Trần Đức Hiệp	Phòng CTCT-SV			x	
144	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn			x	
145	Nguyễn Thuỳ Linh	Phòng CTCT-SV			x	
146	Phạm Thị Thanh Phương	Thanh tra giáo dục		x		
147	Nguyễn Thị Biên	Phòng CTCT-SV			x	
148	Phạm T Thu Hường	Phòng CTCT-SV			x	
149	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng CTCT-SV			x	
150	Phạm Quang Ba	Phòng CTCT-SV		x		
151	Nguyễn Vân Anh	Văn phòng Đoàn TN			x	
152	Chu Thị Thúy Nga	Phòng CTCT-SV			x	
153	Phan Thị Thúy	Phòng CTCT-SV			x	
	BQL Ký túc xá sinh viên		**1**	**1**	**11**	
154	Lê Lương Làn	BQL KTX SV			x	
155	Nguyễn Văn Hùng	BQL KTX SV			x	
156	Đinh Hữu Khánh	BQL KTX SV			x	
157	Nguyễn Xuân Thuận	BQL KTX SV			x	
158	Nguyễn Thị Ngà	BQL KTX SV			x	
159	Nguyễn Thị Thu	BQL KTX SV			x	
160	Dương T Hồng Đài	BQL KTX SV			x	
161	Đỗ Khắc Điệp	BQL KTX SV			x	
162	Vũ Thế Hùng	BQL KTX SV			x	
163	Nguyễn Văn Khẩn	BQL KTX SV			x	
164	Nguyễn Văn Công	BQL KTX SV			x	
165	Ngô Huyền Giang	BQL KTX SV		x		
	Khoa Giáo dục Quốc phòng		**1**	**2**	**9**	
	Bộ môn Đường lối Quân sự		**1**	**1**	**4**	
166	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối QS		x		
167	Trần Bắc Bộ	BM Đường lối QS			x	
168	Lê Thị Định	BM Đường lối QS			x	
169	Hà Văn Thanh	BM Đường lối QS			x	
170	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối QS			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
	Bộ môn Kỹ thuật Quân sự		**1**	**1**	**5**	
171	Nguyễn Xuân Quyết	KTQS			x	
172	Bùi Kim Hồng	KTQS		x		
173	Trần Văn Độ	KTQS			x	
174	Phạm Công Tú	KTQS			x	
175	Nguyễn Văn Phong	KTQS			x	
176	Trần Thanh Hanh	KTQS			x	
	Khoa Đại học đại cương		**1**	**34**	**64**	
	Văn phòng khoa			**1**	**0**	
177	Đặng Thị Hằng Nga	VP Khoa ĐHĐC		x		
	Bộ môn Toán		**1**	**6**	**11**	
178	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x		
179	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x		
180	Lê Minh Triết	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
181	Tô Văn Đinh	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
182	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x		
183	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x		
184	Đào Xuân Hưng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
185	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x		
186	Phạm Tuấn Cường	BM Toán - Khoa ĐHĐC		x		
187	Lê T Hương Giang	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
188	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
189	Phạm Ngọc Anh	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
190	Nguyễn T Kim Sơn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
191	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
192	Nguyễn T Bích Phượng	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
193	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
194	Hoàng Ngữ Huấn	BM Toán - Khoa ĐHĐC			x	
	Bộ môn Vật lý		**1**	**8**	**9**	
195	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
196	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
197	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
198	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
199	Trần Thị Hà	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
200	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
201	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
202	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
203	Trần Ngọc Hùng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
204	Bùi Thị Thanh Lan	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
205	Đào Việt Thắng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
206	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
207	Phạm Thị Trang	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
208	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
209	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
210	Tạ Thị Dung	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC			x	
211	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC		x		
	Bộ môn Hoá học		**1**	**7**	**11**	
212	Lê Đức Liêm	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
213	Lê Thị Vinh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
214	Vũ Duy Thịnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
215	Phạm Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
216	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
217	Hà Mạnh Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
218	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
219	Vũ Kim Thư	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
220	Đỗ Thị Hải	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
221	Lê Thị Duyên	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
222	Võ Thị Hạnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
223	Lê Thị Phương Thảo	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
224	Nguyễn Thu Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
225	Vũ T Minh Hồng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
226	Nguyễn T Kim Thoa	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
227	Công Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
228	Nguyễn Viết Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC		x		
229	Nguyễn Đình Độ	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC			x	
	Bộ môn Hình họa		**1**	**2**	**4**	
230	Trần Hồng Hải	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC		x		
231	Thạc Thu Hiền	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x	
232	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x	
233	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC		x		
234	Hoàng Văn Tài	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x	
235	Phạm T Mai Anh	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC			x	
	Bộ môn ngoại ngữ		**1**	**2**	**16**	
236	Đỗ Kim Phương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x		
237	Nguyễn Mộng Lương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
238	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
239	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
240	Trần Thị Bích Hồng	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
241	Nguyễn Thị Lệ Hằng	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
242	Lê Thị Thuý Hà	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
243	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
244	Trương Thị Thanh Thuỷ	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC		x		
245	Dương Thuý Hường	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
246	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
247	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
248	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
249	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
250	Nguyễn Thị Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
251	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
252	Nguyễn Thu Cúc	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
253	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC			x	
	Bộ môn cơ lý thuyết		**1**	**4**	**2**	
254	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC		x		
255	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x	
256	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC		x		
257	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC			x	
258	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC		x		
259	Bùi Thị Thuý	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC		x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
	Bộ môn Giáo dục thể chất		**1**	**4**	**11**	
260	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x		
261	Nguyễn Quang Huy	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x		
262	Thái Việt Hưng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x		
263	Lê Văn Cương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC		x		
264	Trần Thị Kim Chung	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
265	Lương Anh Hùng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
266	Lê Văn Nam	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
267	Lã Ngọc Linh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
268	Lê Viết Tuấn	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
269	Nguyễn Huy Thông	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
270	Đỗ Tiến Thiết	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
271	Trần T Lan Hương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
272	Hà Thị Hiến	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
273	Nguyễn Trường Đông	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
274	Chu Thị Hồng Hạnh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC			x	
	Khoa Trắc địa		**1**	**35**	**58**	
	Văn phòng khoa			**1**	**2**	
275	Tạ T Thu Hường	VP Khoa Trắc địa			**x**	
276	Nguyễn Thị Hà	VP Khoa Trắc địa		**x**		
277	Đào Thị Thơm	VP Khoa Trắc địa			**x**	
	Bộ môn Trắc địa CT		**1**	**6**	**7**	
278	Trần Khánh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
279	Nguyễn Quang Phúc	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x		
280	Nguyễn Quang Thắng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x		
281	Trần Viết Tuấn	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
282	Hoàng Thị Minh Hương	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x		
283	Lê Đức Tình	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x		
284	Phạm Trung Dũng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
285	Nguyễn Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
286	Nguyễn T Kim Thanh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
287	Nguyễn Việt Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x		
288	Trần Thùy Linh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
289	Phạm Quốc Khánh	BM TĐCT-Khoa Trắc địa		x		
290	Đinh Thị Lệ Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa			x	
	Bộ môn Trắc địa cao cấp		**1**	**5**	**11**	
291	Dương Vân Phong	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		**x**		
292	Đặng Nam Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			**x**	
293	Bùi Khắc Luyên	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x		
294	Vũ Văn Trí	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			**x**	
295	Nguyễn Gia Trọng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			**x**	
296	Nguyễn Thái Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		**x**		
297	Vũ Đình Toàn	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		**x**		
298	Phạm Ngọc Quang	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			**x**	
299	Đặng Hồng Thuý	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			**x**	
300	Lê T Thanh Tâm	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			**x**	
301	Lê Minh Tá	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x	
302	Nguyễn Xuân Tùng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x	
303	Nguyễn Văn Sáng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa		x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
304	Nguyễn Văn Lâm	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x	
305	Kim T. Thu Hương	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x	
306	Trần T . Thu Trang	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa			x	
	Bộ môn Trắc địa Mỏ		**1**	**4**	**7**	
307	Nguyễn Xuân Thuỵ	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
308	Vương Trọng Kha	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x		
309	Phạm Công Khải	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x		
310	Lê Thị Thu Hà	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
311	Nguyễn Quốc Long	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x		
312	Cao Xuân Cường	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
313	Phạm Thị Làn	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
314	Phạm Văn Chung	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa		x		
315	Lê Văn Cảnh	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
316	Võ Ngọc Dũng	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
317	Nguyễn Viết Nghĩa	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa			x	
	Bộ môn Địa chính		**1**	**4**	**8**	
318	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
319	Trần Thuỳ Dương	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x		
320	Trần Đình Thành	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
321	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x		
322	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
323	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
324	Đinh Hải Nam	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x		
325	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
326	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
327	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính- Khoa Trắc địa		x		
328	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
329	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính- Khoa Trắc địa			x	
	Bộ môn Bản đồ		**1**	**4**	**3**	
330	Nguyễn Thế Việt	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x		
331	Hà Thị Mai	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x	
332	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x		
333	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x	
334	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x		
335	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa		x		
336	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa			x	
	Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số		**1**	**5**	**8**	
337	Trương Quang Hiếu	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
338	Đinh Công Hoà	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x		
339	Nguyễn Tiến Năng	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
340	Nguyễn Quang Minh	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x		
341	Hoàng Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
342	Hoàng Thị Thuỷ	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x		
343	Lưu Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x		
344	Nguyễn T Thu Hương	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ		x		
345	Lê Ngọc Giang	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
346	Phạm Thanh Thạo	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
347	Trần Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
348	Trương Minh Hùng	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
349	Dương Thành Trung	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ			x	
	Tổ máy Trắc địa		**1**	**1**	**5**	
350	Vũ Trung Ruỵ	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa		x		
351	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x	
352	Hoàng Lê Minh	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x	
353	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x	
354	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x	
355	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa			x	
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám		**1**	**5**	**7**	
356	Phạm Vọng Thành	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x		
357	Trần Đình Trí	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x		
358	Trần Vân Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
359	Trần Trung Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
360	Trần Thanh Hà	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x		
361	Nguyễn Minh Hải	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
362	Nguyễn Văn Trung	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x		
363	Trần Phương Ly	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
364	Lê Thanh Nghị	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
365	Trần Xuân Trường	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa		x		
366	Đoàn T. Nam Phương	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
367	Phạm T. Thanh Hòa	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa			x	
	Khoa Dầu Khí		**1**	**19**	**35**	
	Văn phòng khoa DK			**1**	**2**	
368	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa			x	
369	Nguyễn Thị Thủy	VP Khoa			x	
370	Nguyễn Hồng Hạnh	VP Khoa		x		
	Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình		**1**	**3**	**6**	
371	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			**x**	
372	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí		**x**		
373	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x	
374	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x	
375	Đào Thị Uyên	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí		x		
376	Trần Thiện Căn	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x	
377	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí		x		
378	Nguyễn T Hải Yến	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x	
379	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí			x	
	Bộ môn Địa Vật lý		**1**	**3**	**4**	
380	Lê Hải An	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x		
381	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x		
382	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x	
383	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x	
384	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí		x		
385	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x	
386	Đào Thị Bích Thuỷ	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí			x	
	Bộ môn Khoan khai thác		**1**	**5**	**9**	
387	Trần Đình Kiên	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x		
388	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
389	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x		
390	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
391	Doãn Thị Trâm	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
392	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
393	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
394	Lê Văn Nam	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x		
395	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
396	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan-KT khoa Dầu khí		x		
397	Trương Anh Từ	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
398	Lê Quang Duyến	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
399	Tô Hữu Toàn	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
400	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan-KT khoa Dầu khí			x	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí		**1**	**2**	**5**	
401	Lê Văn Bình	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x	
402	Nguyễn T Minh Hồng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí		x		
403	Nguyễn Kim Long	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x	
404	Hà Quang Mẫn	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí		x		
405	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x	
406	Nguyễn Thu Hằng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x	
407	Trần Thị Oanh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí			x	
	Bộ môn Lọc hoá dầu		**1**	**5**	**9**	
408	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		**x**		
409	Phạm Trung Kiên	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			**x**	
410	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			**x**	
411	Công Ngọc Thắng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			**x**	
412	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		**x**		
413	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x	
414	Phạm Xuân Núi	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x		
415	Tống T Thanh Hương	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x		
416	Hồ Văn Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x	
417	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x	
418	Phạm Quảng Nam	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x	
419	Ngô Hà Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x	
420	Lê Đình Chiến	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí		x		
421	Ngô Thanh Hải	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí			x	
	Khoa Địa chất		**1**	**27**	**48**	
	VP khoa địa chất			**1**	**2**	
422	Trương Thuý Hà	VP khoa Địa chất			x	
423	Phan T Thùy Dương	VP khoa Địa chất			x	
424	Hồ Thanh Bình	VP khoa Địa chất		x		
	Bộ môn Khoáng thạch		**1**	**4**	**7**	
425	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
426	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x		
427	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x		
428	Lê Thanh Mẽ	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
429	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
430	Vũ Lê Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x		
431	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
432	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
433	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
434	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất		x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
435	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất			x	
	Bộ môn TK Thăm dò		**1**	**4**	**6**	
436	Nguyễn Tiến Dũng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x		
437	Lương Quang Khang	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x		
438	Nguyễn Trọng Toan	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x	
439	Bùi Hoàng Bắc	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x		
440	Đỗ Mạnh An	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x	
441	Phan Viết Sơn	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x	
442	Trần Thị Vân Anh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x	
443	Trương Hữu Mạnh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x	
444	Nguyễn Duy Hưng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất			x	
445	Khương Thế Hùng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất		x		
	Bộ môn Khoáng sản		**1**	**2**	**4**	
446	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất		x		
447	Trần Bình Chư	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất		x		
448	Phạm Minh Nam	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x	
449	Ngô Xuân Đắc	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x	
450	Hoàng Thị Thoa	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x	
451	Lê Xuân Trường	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất			x	
	Bộ môn Địa chất		**1**	**4**	**5**	
452	Trần Thanh Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x		
453	Hạ Văn Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất			**x**	
454	Trần Mỹ Dũng	BM Địa chất-Khoa Địa chất		**x**		
455	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x	
456	Bùi T Thu Hiền	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x	
457	Phí Thị Phương Thảo	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x	
458	Vũ Anh Thư	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x		
459	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất-Khoa Địa chất		x		
460	Phạm Văn Phương	BM Địa chất-Khoa Địa chất			x	
	Bộ môn Địa chất Biển		**1**	**2**	**2**	
461	Hoàng Văn Long	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất		x		
462	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất		x		
463	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x	
464	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất			x	
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng		**1**	**2**	**5**	
465	Nguyễn Văn Lâm	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất		x		
466	Nguyễn T Thanh Thảo	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất		x		
467	Nguyễn Xuân Phú	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x	
468	Tạ Thị Toán	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x	
469	Nguyễn Khắc Du	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x	
470	Phạm Như Sang	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x	
471	Nguyễn Thị Thanh Hiền	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất			x	
	Bộ môn Địa chất thuỷ văn		**1**	**4**	**6**	
472	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x		
473	Nguyễn T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x		
474	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x		
475	Dương T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x	
476	Hoàng Văn Hoan	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x	
477	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
478	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất		x		
479	Trần Vũ Long	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x	
480	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x	
481	Đào Đức Bằng	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất			x	
	Bộ môn Địa chất Công trình		**1**	**4**	**11**	
482	Nguyễn Viết Tình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x		
483	Tô Xuân Vu	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x		
484	Đỗ Minh Toàn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x		
485	Phạm Minh Tuấn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
486	Nguyễn Văn Phóng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
487	Nguyễn Thị Nụ	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
488	Phạm T Việt Nga	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
489	Vũ Thái Linh	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
490	Bùi Văn Bình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
491	Phùng Hữu Hải	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
492	Phạm Thị Ngọc Hà	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
493	Nguyễn Văn Hùng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
494	Dương Văn Bình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
495	Nguyễn Thành Dương	BM ĐCCT-Khoa Địa chất			x	
496	Lê Trọng Thắng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất		x		
	Khoa Môi trường		**1**	**11**	**17**	
	Văn phòng khoa			**0**	**1**	
497	Nguyễn Thị Hậu	VP Khoa Môi trường			x	
	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		**1**	**3**	**9**	
498	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		**x**		
499	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		**x**		
500	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường		x		
501	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
502	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
503	Trần Thị Thanh Thuỷ	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
504	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
505	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
506	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
507	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
508	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
509	Vũ T Phương Thảo	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường			x	
	Bộ môn Môi trường cơ sở		**1**	**4**	**4**	
510	Nguyễn Phương	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x		
511	Đỗ Văn Nhuận	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x		
512	Hoàng Thị Chung	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x	
513	Nguyễn Văn Dũng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x		
514	Nguyễn Quốc Phi	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường		x		
515	Hạ Quang Hưng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x	
516	Vũ Thị Lan Anh	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x	
517	Nguyễn Thị Cúc	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường			x	
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường mỏ		**1**	**4**	**3**	
518	Phan Quang Văn	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x		
519	Đào Đình Thuần	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x		
520	Đặng Thị Ngọc Thuỷ	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
521	Đào Trung Thành	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x	
522	Nguyễn Thị Hòa	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x		
523	Nguyễn Thị Hồng	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT			x	
524	Nguyễn Hoàng Nam	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT		x		
	Khoa Xây dựng		**1**	**8**	**18**	
	Văn phòng khoa			**0**	**2**	
525	Phạm Thị Yến	VP Khoa XD			x	
526	Phạm Thanh Huyên	VP Khoa XD			x	
	Bộ môn XD Công trình ngầm & Mỏ		**1**	**3**	**6**	
527	Võ Trọng Hùng	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD		x		
528	Đào Văn Canh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x	
529	Ngô Doãn Hào	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x	
530	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD		x		
531	Nguyễn Chí Thành	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD		x		
532	Đặng Trung Thành	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x	
533	Trần Tuấn Minh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x	
534	Đào Viết Đoàn	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x	
535	Phan Tuấn Anh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD			x	
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng		**1**	**3**	**7**	
536	Nguyễn Văn Quyền	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD		x		
537	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD		x		
538	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
539	Bùi Văn Đức	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD		x		
540	Nguyễn Thị Hương	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
541	Đinh Hải Nam	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
542	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
543	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
544	Lê Huy Việt	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
545	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD			x	
	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở		**1**	**2**	**3**	
546	Phạm Văn Hùng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD		x		
547	Đặng Quang Huy	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD		x		
548	Ngọ T Hương Trang	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x	
549	Nguyễn Trọng Dũng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x	
550	Trần Văn Hùng	BM XD Hạ tầng CS Khoa XD			x	
	Khoa Mỏ		**1**	**18**	**34**	
	Văn phòng khoa Mỏ			**0**	**3**	
551	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ			x	
552	Nguyễn T Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ			x	
553	Nguyễn Hồng Vân	VP Khoa Mỏ			x	
	Bộ môn khai thác Hầm lò		**1**	**6**	**10**	
554	Đỗ Mạnh Phong	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
555	Trần Văn Thanh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x		
556	Đặng Vũ Chí	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x		
557	Nguyễn Cao Khải	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x		
558	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
559	Đặng Quang Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x		
560	Lê Tiến Dũng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
561	Nguyễn Văn Quang	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
562	Nguyễn Văn Thịnh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x		
563	Nguyễn Hồng Cường	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
564	Đỗ Anh Sơn	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
565	Lê Quang Phục	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ		x		
566	Vũ Trung Tiến	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
567	Phạm Đức Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
568	Đào Văn Chi	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
569	Nguyễn Phi Hùng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ			x	
	Bộ môn khai thác lộ thiên		**1**	**6**	**9**	
570	Bùi Xuân Nam	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x		
571	Lê Thị Thu Hoa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x		
572	Lê Văn Quyền	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x		
573	Lê Hữu Quỳnh	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
574	Nguyễn Đình An	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x		
575	Nhữ Văn Phúc	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
576	Lê Thị Minh Hạnh	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
577	Vũ Đình Hiếu	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x		
578	Lê Quý Thảo	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
579	Phạm Văn Việt	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
580	Lê Thị Hải	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
581	Trần Đình Bão	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
582	Phạm Văn Hòa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ		x		
583	Đỗ Ngọc Hoàn	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
584	Nguyễn Hoàng	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ			x	
	Bộ môn sức bền vật liệu		**1**	**1**	**6**	
585	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ		x		
586	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x	
587	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x	
588	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x	
589	Nguyễn Thị Dịu	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x	
590	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x	
591	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ			x	
	Bộ môn Tuyển khoáng		**1**	**5**	**6**	
592	Phạm Hữu Giang	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x		
593	Nguyễn Hoàng Sơn	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x		
594	Nhữ Thị Kim Dung	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x		
595	Nguyễn Ngọc Phú	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x		
596	Phạm Văn Luận	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ		x		
597	Vũ Thị Chinh	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x	
598	Lê Việt Hà	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x	
599	Trần Trung Tới	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x	
600	Phạm Thanh Hải	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x	
601	Phùng Tiến Thuật	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x	
602	Phạm thị Nhung	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ			x	
	Khoa Cơ điện		**1**	**21**	**47**	
	Văn phòng Khoa			**0**	**2**	
603	Nguyễn Thị Kim Sinh	VP Khoa Cơ điện			x	
604	Nguyễn Thị Tâm	VP khoa Cơ điện			x	
	Bộ môn Tự động hoá		**1**	**7**	**10**	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
605	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
606	Phan Minh Tạo	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
607	Đặng Văn Chí	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
608	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
609	Khổng Cao Phong	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
610	Phạm Minh Hải	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
611	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
612	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
613	Đào Hiếu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện		x		
614	Thái Hải Âu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
615	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
616	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
617	Phùng Văn Trang	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
618	Phan T Mai Phương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
619	Trịnh Quang Vinh	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
620	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
621	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện			x	
	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ		**1**	**3**	**10**	
622	Vũ Nam Ngạn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện		**x**		
623	Đoàn Văn Giáp	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			**x**	
624	Trần Ngọc Minh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			**x**	
625	Phạm Văn Tiến	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			**x**	
626	Đặng Vũ Đinh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			**x**	
627	Trần Bá Trung	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện		x		
628	Vũ Ngọc Trà	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện		x		
629	Đoàn Công Luận	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x	
630	Kiều Đức Thịnh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x	
631	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x	
632	Nguyễn Văn Xô	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x	
633	Trần Viết Linh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x	
634	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện			x	
	Bộ môn KT Điện-Điện tử		**1**	**2**	**5**	
635	Phạm Công Hoà	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x	
636	Đinh Văn Thắng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện		x		
637	Kim Ngọc Linh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện		x		
638	Nguyễn Thạc Khánh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x	
639	Nguyễn Trường Giang	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x	
640	Hà Thị Chúc	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x	
641	Vũ Đỗ Dũng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện			x	
	Bộ môn KT cơ khí		**1**	**2**	**7**	
642	Phạm Đức Thiên	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		**x**		
643	Phạm Thị Thủy	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện		**x**		
644	Nguyễn Văn Lại	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			**x**	
645	Lê Quang Thinh	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			**x**	
646	Nguyễn Thanh Tùng	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			**x**	
647	Bùi Minh Hoàng	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			**x**	
648	Nguyễn Duy Chỉnh	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			**x**	
649	Phạm Thị Thanh Hải	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			**x**	
650	Nguyễn Phúc Trường	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
	Bộ môn Điện khí hoá		**1**	**7**	**8**	
651	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
652	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
653	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
654	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
655	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
656	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
657	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
658	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
659	Đào Thị Thuỷ	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
660	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
661	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
662	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
663	Bùi Minh Định	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
664	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
665	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
	Xưởng cơ khí		**1**	**0**	**5**	
666	Trương Đình Loan	Xưởng cơ khí			x	
667	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ khí			x	
668	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ khí			x	
669	Đặng Việt Khuê	Xưởng cơ khí			x	
670	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng cơ khí			x	
	Khoa Kinh tế & QTKD		**1**	**20**	**35**	
	Văn phòng khoa			**0**	**3**	
671	Phạm T Châu Giang	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x	
672	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x	
673	Phan Thùy Linh	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Quản trị DN Địa chất-Dầu khí		**1**	**4**	**6**	
674	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
675	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
676	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
677	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
678	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
679	Nhâm Kiến Quỳnh	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
680	Trần Văn Hiệp	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
681	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
682	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
683	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Quản trị DN Mỏ		**1**	**5**	**8**	
684	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
685	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
686	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
687	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
688	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
689	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
690	Phan T Thuỳ Linh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
691	Trần Thị Khánh Vân	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
692	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
693	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
694	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
695	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
696	Lê Đình Chiến	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Kinh tế cơ sở		**1**	**4**	**7**	
697	Nguyễn Văn Bưởi	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		**x**		
698	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
699	Phí Mạnh Cường	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
700	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
701	Trần Anh Dũng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
702	Phạm Thu Trang	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
703	Nguyễn Thanh Thảo	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
704	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
705	Vũ Thị Hiền	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
706	Vũ Diệp Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
707	Phương Hữu Từng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Kế toán DN		**1**	**7**	**11**	
708	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
709	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
710	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
711	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
712	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
713	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
714	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
715	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
716	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
717	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
718	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
719	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
720	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
721	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
722	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
723	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
724	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
725	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
	Khoa Công Nghệ thông tin		**1**	**19**	**44**	
	VP khoa		**1**	**1**	**2**	
726	Nguyễn Thị Loan	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT		x		
727	Phạm Thị Hương	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x	
728	Nguyễn Đức Quân	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Tin học Trắc địa		**1**	**4**	**11**	
729	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
730	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
731	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
732	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
733	Nguyễn Mai Dung	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
734	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
735	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
736	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
737	Diêm Thị Thuỳ	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
738	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
739	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
740	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
741	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
742	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
743	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Tin học Kinh tế		**1**	**4**	**2**	
744	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x		
745	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x	
746	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x		
747	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x		
748	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT			x	
749	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT		x		
	Bộ môn tin học cơ bản		**1**	**1**	**8**	
750	Hoàng Kim Bảng	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT		x		
751	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
752	Bùi T Vân Anh	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
753	Vũ Lan Phương	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
754	Dương Chí Thiện	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
755	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
756	Phạm Đức Hậu	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
757	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
758	Đặng Quốc Trung	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Tin học Mỏ		**1**	**3**	**4**	
759	Cảnh Chí Thanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x		
760	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x	
761	Nguyễn Thuỳ Dương	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x	
762	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x	
763	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x		
764	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT		x		
765	Lê Quang Cường	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Tin học Địa chất		**1**	**1**	**6**	
766	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT		x		
767	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x	
768	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x	
769	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x	
770	Bùi ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x	
771	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x	
772	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn CN phần mềm		**1**	**3**	**5**	
773	Lê Văn Hưng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT		**x**		
774	Phạm Văn Đồng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			**x**	
775	Phạm Thị Hải Vân	BM CN phần mềm-Khoa CNTT		**x**		
776	Nguyễn Thế Lộc	BM CN phần mềm-Khoa CNTT		x		
777	Nguyễn T Hữu Phương	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x	
778	Hoàng Anh Đức	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x	
779	Nguyễn Thị Thanh	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x	
780	Hồ Thị Thảo Trang	BM CN phần mềm-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Mạng máy tính		**1**	**0**	**6**	

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
781	Đỗ Như Hải	Bộ môn Mạng máy tính			x	
782	Trần Thị Thu Thuỷ	Bộ môn Mạng máy tính			x	
783	Đào Anh Thư	Bộ môn Mạng máy tính			x	
784	Đào Thị Tuyết	Bộ môn Mạng máy tính			x	
785	Đặng Xuân Điệp	Bộ môn Mạng máy tính			x	
786	Phạm Đình Tân	Bộ môn Mạng máy tính			x	
	Thí nghiệm Địa Tin học			**2**	**0**	
787	Phạm Hữu Lợi	P.Thí Nghiệm Địa tin học		x		
788	Trần Thị Hải Vân	P.Thí Nghiệm Địa tin học		x		
	Khoa Lý luận chính trị		**1**	**8**	**14**	
	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh		**1**	**1**	**4**	
789	Nguyễn văn Sơn	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh			**x**	
790	Trần T Phúc An	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh		x		
791	Nguyễn T Kim Dung	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh			**x**	
792	Đỗ Thị Vân Hà	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh			**x**	
793	Lê Thị Yến	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh			**x**	
	Bộ môn Đường lối CM của Đảng CSVN		**1**	**2**	**3**	
794	Đặng Thị Thanh Trâm	B/m đường lối CM của Đảng CSVN		x		
795	Nguyễn Thị Thu Hương	B/m đường lối CM của Đảng CSVN			**x**	
796	Nguyễn Thị Thuý Hà	B/m đường lối CM của Đảng CSVN		**x**		
797	Lê Quốc Hiệp	B/m đường lối CM của Đảng CSVN			x	
798	Nguyễn Tuấn Vương	B/m đường lối CM của Đảng CSVN			x	
	Bộ môn Nguyên lý CN Mác Lênin		**1**	**5**	**7**	
799	Nguyễn Bình Yên	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin		x		
800	Đỗ Thị Kim Thanh	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
801	Trần Thị Lan Hương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin		x		
802	Bùi Thị Thuỳ Dương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
803	Ngô Văn Hưởng	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin		x		
804	Vũ Đình Thuyến	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
805	Nguyễn Thi Phương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin		x		
806	Nguyễn Thị Nụ	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
807	Nguyễn Thu Hương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
808	Nguyễn Thị Bích Lệ	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
809	Nguyễn Thị Thu	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin			x	
810	Phí Mạnh Phong	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin		x		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 303 / MĐC- TĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc khen thưởng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 15/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2012-2013 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 75 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 364 người
3. Lao động tiên tiến: 396 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2013 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 542.800.000 đồng *(Năm trăm bốn mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).*

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu TĐ.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Trần Đình Kiên

DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA
Năm học 2012-2013

(Kèm theo Quyết định số 803 /MĐC-TĐKT ngày 19 tháng 7 năm 2013)

TT	Họ và tên	Đơn vị	CSTĐ	Ghi chú
1	Phạm Xuân Thương	Phòng TCCB	x	
2	Hà Thị Liễu	Phòng TCCB	x	
3	Nguyễn T Mỹ Hạnh	TT Thông tin-thư viện	x	
4	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng KHCN	x	
5	Lê Trọng Thắng	Phòng ĐT Đại học	x	
6	Phạm Văn Tuấn	Phòng ĐT Đại học	x	
7	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐT Đại học	x	
8	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học	x	
9	Nguyễn Thị Bắc	P. HCTH	x	
10	Dương Thị Tuyết Nhung	P. HCTH	x	
11	Ngô Thái Vinh	Khoa tại chức	x	Thiếu SKYT
12	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ	x	
13	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ	x	
14	Đỗ Thuý Mai	Trạm ytế	x	
15	Nguyễn T Mai Hương	Phòng Hợp tác Quốc tế	x	Thiếu SKYT
16	Nguyễn T Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế	x	Thiếu SKYT
17	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế	x	Thiếu SKYT
18	Trần Văn Chương	Tổ phục vụ- P.QTTB	x	
19	Lê Thị Bích Dân	Tổ phục vụ- P.QTTB	x	
20	Diêm Công Thọ	Tổ xe - Phòng QTTB	x	
21	Hà Ngọc Trường	Tổ xe - Phòng QTTB	x	
22	Nguyễn Thu Hà	Phòng CTCT-SV	x	
23	Lê Chí Phúc	Phòng CTCT-SV	x	
24	Trần Đức Hiệp	Phòng CTCT-SV	x	
25	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn	x	
26	Phạm Thị Thanh Phương	Thanh tra giáo dục	x	
27	Đinh Hữu Khánh	BQL KTX SV	x	Chỉ có BCTT, Thiếu S
28	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối QS	x	
29	Phạm Quốc Đảm	BM Đường lối QS	x	
30	Trần Bắc Bộ	BM Đường lối QS	x	
31	Hà Văn Thanh	BM Đường lối QS	x	

32	Phạm Công Tú	KTQS	x	
33	Đặng Thị Hằng Nga	VP Khoa ĐHĐC	x	
34	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
35	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
36	Lê Minh Triết	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
37	Tô Văn Đinh	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
38	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
39	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
40	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
41	Đào Xuân Hưng	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
42	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
43	Phạm Tuấn Cường	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
44	Lê T Hương Giang	BM Toán - Khoa ĐHĐC	x	
45	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
46	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
47	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
48	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
49	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
50	Bùi Thị Thanh Lan	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
51	Đào Việt Thắng	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
52	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
53	Phạm Thị Trang	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
54	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
55	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
56	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý - Khoa ĐHĐC	x	
57	Lê Đức Liêm	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
58	Lê Thị Vinh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
59	Vũ Duy Thịnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
60	Phạm Tiến Dũng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
61	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
62	Hà Mạnh Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
63	Vũ Kim Thư	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
64	Đỗ Thị Hải	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
65	Lê Thị Duyên	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
66	Võ Thị Hạnh	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
67	Nguyễn Thu Hà	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
68	Vũ T Mình Hồng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	

69	Nguyễn T Kim Thoa	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
70	Nguyễn Viết Hùng	BM Hoá học - Khoa ĐHĐC	x	
71	Trần Hồng Hải	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC	x	
72	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC	x	
73	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC	x	
74	Hoàng Văn Tài	BM Hình Hoạ-Khoa ĐHĐC	x	
75	Đỗ Kim Phương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
76	Nguyễn Mộng Lương	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
77	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
78	Lê Thuý Hà	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
79	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
80	Trương Thị Thanh Thuỷ	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
81	Dương Thuý Hường	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
82	Nguyễn Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ-Khoa ĐHĐC	x	
83	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC	x	
84	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC	x	
85	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC	x	
86	Bùi Thị Thuý	BM Cơ lý thuyết-Khoa ĐHĐC	x	
87	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
88	Lã Thanh Lịch	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
89	Nguyễn Quang Huy	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
90	Thái Việt Hưng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
91	Lê Văn Cương	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
92	Phạm Khánh Ninh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
93	Trần Thị Kim Chung	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
94	Lương Anh Hùng	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
95	Lê Văn Nam	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
96	Lã Ngọc Linh	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
97	Lê Viết Tuấn	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
98	Đỗ Tiến Thiết	BM GD Thể chất-Khoa ĐHĐC	x	
99	Tạ T Thu Hường	VP Khoa Trắc địa	x	
100	Nguyễn Quang Phúc	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	
101	Nguyễn Quang Thắng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	
102	Trần Viết Tuấn	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	
103	Hoàng Thị Minh Hương	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	
104	Lê Đức Tình	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	
105	Phạm Trung Dũng	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	

106	Nguyễn Việt Hà	BM TĐCT-Khoa Trắc địa	x	
107	Dương Vân Phong	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
108	Đặng Nam Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
109	Bùi Khắc Luyên	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
110	Vũ Văn Trí	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
111	Nguyễn Gia Trọng	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
112	Nguyễn Thái Chinh	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
113	Vũ Đình Toàn	BM TĐ cao cấp-Khoa Trắc địa	x	
114	Nguyễn Xuân Thuỵ	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
115	Vương Trọng Kha	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
116	Phạm Công Khải	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
117	Nguyễn Quốc Long	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
118	Phạm Văn Chung	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
119	Võ Ngọc Dũng	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
120	Nguyễn Viết Nghĩa	BM TĐ Mỏ-Khoa Trắc địa	x	
121	Trần Thuỳ Dương	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
122	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
123	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
124	Đinh Hải Nam	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
125	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
126	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
127	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính- Khoa Trắc địa	x	
128	Nguyễn Thế Việt	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa	x	
129	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa	x	
130	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa	x	
131	Trần T Hương Giang	BM Bản đồ- Khoa Trắc địa	x	
132	Hoàng Ngọc Hà	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
133	Trương Quang Hiếu	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
134	Đinh Công Hoà	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
135	Nguyễn Quang Minh	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
136	Hoàng Thị Thuỷ	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
137	Lưu Anh Tuấn	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
138	Lê Ngọc Giang	BM TĐPT&Sai số-Khoa TĐ	x	
139	Vũ Trung Ruy	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa	x	
140	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy TĐ-Khoa Trắc địa	x	
141	Phạm Vọng Thành	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
142	Trần Đình Trí	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	

143	Trần Vân Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
144	Trần Trung Anh	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
145	Trần Thanh Hà	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
146	Nguyễn Bá Duy	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
147	Nguyễn Văn Trung	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
148	Trần Xuân Trường	BM TĐ ảnh-Khoa Trắc địa	x	
149	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa	x	Không đăng ký CSTĐ
150	Nguyễn Thị Thủy	VP Khoa	x	
151	Nguyễn Hồng Hạnh	VP Khoa	x	Không đăng ký CSTĐ
152	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
153	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
154	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
155	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
156	Đào Thị Uyên	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
157	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
158	Nguyễn T Hải Yến	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
159	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT-Khoa Dầu khí	x	
160	Lê Hải An	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí	x	
161	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí	x	
162	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí	x	
163	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý-Khoa Dầu khí	x	
164	Trần Đình Kiên	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
165	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
166	Phạm Quang Hiệu	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
167	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
168	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
169	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
170	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
171	Lê Văn Nam	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
172	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
173	Trương Anh Từ	BM Khoan-KT khoa Dầu khí	x	
174	Lê Văn Bình	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí	x	
175	Nguyễn T Minh Hồng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí	x	
176	Hà Quang Mẫn	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí	x	
177	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí	x	
178	Nguyễn Thu Hằng	BM Địa chất DK-Khoa Dầu khí	x	Không đăng ký CSTĐ
179	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	

180	Phạm Trung Kiên	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	**x**	
181	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	**x**	
182	Công Ngọc Thắng	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	**x**	
183	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	**x**	
184	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
185	Phạm Xuân Núi	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
186	Tống T Thanh Hương	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
187	Hồ Văn Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
188	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
189	Ngô Hà Sơn	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
190	Lê Đình Chiển	BM Lọc hoá dầu-Khoa Dầu khí	x	
191	Phan T Thùy Dương	VP khoa Địa chất	x	
192	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
193	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
194	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
195	Lê Thanh Mẽ	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
196	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
197	Vũ Lê Tú	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
198	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
199	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
200	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch-Khoa Địa chất	x	
201	Nguyễn Tiến Dũng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
202	Lương Quang Khang	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
203	Nguyễn Trọng Toan	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
204	Bùi Hoàng Bắc	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
205	Đỗ Mạnh An	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
206	Phan Viết Sơn	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
207	Trương Hữu Mạnh	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
208	Nguyễn Duy Hưng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
209	Khương Thế Hùng	BM TK Thăm dò-Khoa Địa chất	x	
210	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất	x	
211	Trần Bình Chư	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất	x	
212	Hoàng Thị Thoa	BM Khoáng sản-Khoa Địa chất	x	
213	Trần Thanh Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất	x	
214	Hạ Văn Hải	BM Địa chất-Khoa Địa chất	x	
215	Trần Mỹ Dũng	BM Địa chất-Khoa Địa chất	**x**	
216	Bùi T Thu Hiền	BM Địa chất-Khoa Địa chất	x	

217	Vũ Anh Thư	BM Địa chất-Khoa Địa chất	x	
218	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất-Khoa Địa chất	x	
219	Hoàng Văn Long	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất	x	
220	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất Biển-Khoa Địa chất	x	
221	Nguyễn Văn Lâm	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất	x	
222	Tạ Thị Toán	BM NL Khoáng-Khoa Địa chất	x	
223	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất	x	
224	Nguyễn T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất	x	
225	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất	x	
226	Dương T Thanh Thuỷ	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất	x	
227	Trần Vũ Long	BM Địa chất TV-Khoa Địa chất	x	
228	Nguyễn Viết Tình	BM ĐCCT-Khoa Địa chất	x	
229	Tô Xuân Vu	BM ĐCCT-Khoa Địa chất	x	
230	Đỗ Minh Toàn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất	x	
231	Phạm Minh Tuấn	BM ĐCCT-Khoa Địa chất	x	
232	Nguyễn Văn Phóng	BM ĐCCT-Khoa Địa chất	x	
233	Nguyễn Thị Nụ	BM ĐCCT-Khoa Địa chất	x	
234	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
235	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
236	Nguyễn Chí Nghĩa	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
237	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
238	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
239	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
240	Trần Thị Thanh Thuỷ	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
241	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái-Khoa Môi Trường	x	
242	Nguyễn Phương	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường	x	
243	Đỗ Văn Nhuận	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường	x	
244	Nguyễn Văn Dũng	BM MT cơ sở-Khoa Môi trường	x	
245	Phan Quang Văn	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT	x	
246	Đào Đình Thuần	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT	x	
247	Nguyễn Thị Hòa	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT	x	
248	Nguyễn Hoàng Nam	BM KT Môi trường Mỏ-Khoa MT	x	
249	Võ Trọng Hùng	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	
250	Đào Văn Canh	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	
251	Ngô Doãn Hào	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	
252	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	
253	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	

254	Nguyễn Văn Trí	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	
255	Nguyễn Chí Thành	BM XDCT ngầm &Mỏ Khoa XD	x	
256	Nguyễn Quang Phích	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD	x	
257	Nguyễn Văn Quyền	BM Kỹ Thuật xây dựng Khoa XD	x	
258	Trần Xuân Hà	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
259	Đỗ Mạnh Phong	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
260	Trần Văn Thanh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
261	Đặng Vũ Chí	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
262	Nguyễn Cao Khải	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
263	Đặng Quang Hưng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
264	Lê Tiến Dũng	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
265	Nguyễn Văn Quang	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
266	Nguyễn Văn Thịnh	BM KT hầm lò- Khoa Mỏ	x	
267	Bùi Xuân Nam	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
268	Lê Thị Thu Hoa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
269	Lê Văn Quyền	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
270	Nguyễn Đình An	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
271	Vũ Đình Hiếu	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
272	Lê Quý Thảo	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
273	Phạm Văn Việt	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
274	Phạm Văn Hòa	BM KT Lộ thiên-Khoa Mỏ	x	
275	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ	x	
276	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ	x	
277	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu-Khoa Mỏ	x	
278	Phạm Hữu Giang	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
279	Nguyễn Hoàng Sơn	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
280	Nhữ Thị Kim Dung	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
281	Nguyễn Ngọc Phú	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
282	Phạm Văn Luận	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
283	Lê Việt Hà	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
284	Trần Trung Tới	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
285	Hoàng Hữu Đường	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
286	Phạm Thanh Hải	Bộ môn Tuyển khoáng-Khoa Mỏ	x	
287	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
288	Phan Minh Tạo	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
289	Đặng Văn Chí	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
290	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	

291	Khổng Cao Phong	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
292	Phạm Minh Hải	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
293	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
294	Đào Hiếu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
295	Thân Hải Âu	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
296	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
297	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
298	Phùng Văn Trang	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
299	Phan T Mai Phương	BM Tự động hoá-Khoa Cơ điện	x	
300	Vũ Nam Ngạn	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện	x	
301	Đặng Vũ Đinh	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện	x	
302	Vũ Ngọc Trà	BM Máy&TB mỏ-Khoa Cơ điện	x	
303	Đinh Văn Thắng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện	x	
304	Nguyễn Xuân Cương	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện	x	
305	Kim Ngọc Linh	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện	x	
306	Cung Quang Khang	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện	x	
307	Vũ Đỗ Dũng	BM KT điện-ĐT Khoa Cơ điện	x	
308	Lê Quang Thinh	BM KT cơ khí-Khoa Cơ điện	x	
309	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện	x	
310	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện	x	
311	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện	x	
312	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện	x	
313	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện	x	
314	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện	x	
315	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
316	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
317	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
318	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
319	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
320	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
321	Lê Minh Thống	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
322	Nhâm Kiến Quỳnh	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
323	Trần Văn Hiệp	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	
324	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
325	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
326	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
327	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	

328	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
329	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
330	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
331	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
332	Phan T Thuỳ Linh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
333	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
334	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD	x	
335	Nguyễn Văn Bưởi	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	x	
336	Phí Mạnh Cường	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	x	
337	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	x	
338	Trần Anh Dũng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	x	
339	Phạm Thu Trang	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	x	
340	Phương Hữu Từng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD	x	
341	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
342	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
343	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
344	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
345	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
346	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
347	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
348	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
349	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	
350	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
351	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
352	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
353	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
354	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD	x	Không đăng ký CSTĐ
355	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT	x	
356	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT	x	
357	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT	x	
358	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT	x	
359	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT	x	
360	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT	x	Không đăng ký CST Đ
361	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT	x	
362	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT	x	
363	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT	x	Không đăng ký CSTĐ
364	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Ktế -Khoa CNTT	x	Không đăng ký CSTĐ

365	Hoàng Kim Bảng	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT	x	
366	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT	x	
367	Dương Chí Thiện	BM Tin học cơ bản-Khoa CNTT	x	
368	Cảnh Chí Thanh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT	x	
369	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT	x	
370	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT	x	
371	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT	x	
372	Nguyễn Duy Huy	BM Tin học Mỏ-Khoa CNTT	x	
373	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT	x	
374	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT	x	Không đăng ký CSTĐ
375	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất-Khoa CNTT	x	Không đăng ký CSTĐ
376	Lê Văn Hưng	BM CN phần mềm-Khoa CNTT	x	
377	Phạm Thị Hải Vân	BM CN phần mềm-Khoa CNTT	x	
378	Nguyễn Thế Lộc	BM CN phần mềm-Khoa CNTT	x	
379	Nguyễn T Hữu Phương	BM CN phần mềm-Khoa CNTT	x	Không đăng ký CSTĐ
380	Hoàng Anh Đức	BM CN phần mềm-Khoa CNTT	x	Không đăng ký CSTĐ
381	Phạm Hữu Lợi	P.Thí Nghiệm Địa tin học	x	
382	Trần Thị Hải Vân	P.Thí Nghiệm Địa tin học	x	
383	Nguyễn văn Sơn	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh	x	
384	Trần T Phúc An	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh	x	
385	Nguyễn T Kim Dung	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh	x	
386	Đỗ Thị Vân Hà	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh	x	
387	Lê Thị Yến	Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh	x	
388	Đặng Thị Thanh Trâm	B/m đường lối CM của Đảng CSVN	x	
389	Nguyễn Thị Thu Hương	B/m đường lối CM của Đảng CSVN	x	
390	Nguyễn Bình Yên	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
391	Đỗ Thị Kim Thanh	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
392	Trần Thị Lan Hương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
393	Bùi Thị Thuỳ Dương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
394	Ngô Văn Hưởng	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
395	Vũ Đình Thuyến	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	Không đăng ký CST Đ
396	Nguyễn Thi Phương	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
397	Nguyễn Thị Nụ	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
398	Nguyễn Thị Thu	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	
399	Phí Mạnh Phong	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	x	

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG